



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

BÁO CÁO
TẬP TRUNG KINH TẾ
TẠI VIỆT NAM:
HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hà Nội, tháng 1 năm 2009



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

BÁO CÁO TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Chủ trì biên soạn:

Bạch Văn Mừng – Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh

Biên soạn:

Nguyễn Đức Thành – Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh

Trần Phương Lan – Trưởng ban Giám sát và Quản lý Cạnh tranh
(Cục Quản lý Cạnh tranh)

Ngô Công Thành – Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch Đầu tư)

Nguyễn Ngọc Sơn – Khoa Luật (Đại học Quốc gia TP HCM)

Bùi Nguyễn Anh Tuấn – Ban Giám sát và Quản lý Cạnh tranh
(Cục Quản lý Cạnh tranh)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

LƯU Ý

Tài liệu này do Cục Quản lý Cạnh tranh, Bộ Công thương chủ trì biên soạn. Những quan điểm và nhận định đưa ra trong Báo cáo tổng hợp từ kết quả phân tích số liệu căn cứ theo nhiều nguồn thông tin khác nhau và không phản ánh quan điểm chính thức của Bộ Công Thương.

Mọi trích dẫn thông tin từ tài liệu này phải nêu rõ nguồn “*Báo cáo tập trung kinh tế tại Việt Nam: Hiện trạng và dự báo*”.

Toàn văn Báo cáo này được đăng trên website chính thức của Cục Quản lý cạnh tranh tại địa chỉ: www.vca.gov.vn



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

MỤC LỤC

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	7
MỤC LỤC BẢNG BIỂU	9
LỜI GIỚI THIỆU	11
CHƯƠNG I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ	12
1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về tập trung kinh tế tại Việt Nam	13
1.1. Các hình thức tập trung kinh tế	13
1.2. Khái niệm tập trung kinh tế ở Việt Nam	13
1.3. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về tập trung kinh tế tại Việt Nam	15
2. Các quy định về tập trung kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam	17
2.1. Bộ Luật Dân sự	18
2.2. Luật Cạnh tranh	19
2.2.1. Các hình thức tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh	19
2.2.2. Các ngưỡng gây hạn chế cạnh tranh của tập trung kinh tế	22
2.3. Luật Doanh nghiệp	23
2.4. Luật Đầu tư	25
2.5. Các văn bản pháp luật khác	26
2.5.1. Luật Chứng khoán	26
2.5.2. Luật các Tổ chức tín dụng	26
3. Quy định về mua cổ phần doanh nghiệp Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài	26
4. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế	27
5. Quy định về xử lý vi phạm	29
6. Cơ quan quản lý cạnh tranh và các cơ quan nhà nước có liên quan	30
7. Đánh giá về môi trường pháp lý của hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam	31
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2008	33
1. Môi trường kinh tế vĩ mô của hoạt động tập trung kinh tế	33
1.1. Một số chỉ số kinh tế vĩ mô	33
1.2. Các điều kiện khách quan tác động đến xu thế tập trung kinh tế	35
2. Mức độ tập trung kinh tế	37
2.1. Các chỉ số đo lường mức độ tập trung kinh tế	37
2.2. Chỉ số tập trung kinh tế tại Việt Nam	40
2.2.1. Nguồn số liệu	42
2.2.2. Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất theo CR3	42
2.2.3. Các ngành có mức độ tập trung kinh tế thay đổi lớn nhất theo CR3 trong 3 năm (2004- 2006)	45



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

2.2.4. Mức độ tập trung kinh tế theo HHI.....	46
2.2.5. Cơ cấu sở hữu trong nhóm doanh nghiệp có thị phần cao.....	48
3. Hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam trong các năm qua	49
3.1. Tổng quan	49
3.2. Một số giao dịch M&A điển hình:	50
3.3. Một số giao dịch thu tóm điển hình trên thị trường chứng khoán	52
3.4. Tập trung kinh tế của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	53
3.5. Số hồ sơ thông báo tập trung kinh tế và tham vấn tại Cục Quản lý Cạnh tranh.....	57
3.6. Thay đổi đăng ký kinh doanh do nguyên nhân tập trung kinh tế	58
4. Một số đặc điểm của các vụ tập trung kinh tế tại Việt Nam trong thời gian qua.....	59
CHƯƠNG III. XU HƯỚNG TẬP TRUNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2009-2010	62
1. Xu hướng tập trung kinh tế trên thế giới	62
2. Xu hướng tập trung kinh tế tại châu Á	62
3. Xu hướng chung của hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam	63
3.1. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, phải tính tới phương án sáp nhập hoặc bán lại công ty.....	63
3.2. Ngày càng có nhiều công ty nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam thông qua hình thức M&A.	64
3.3. Các công ty tư vấn, môi giới chuyên nghiệp sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong việc kết nối các giao dịch	64
3.4. Phương thức thực hiện thu tóm và sáp nhập sẽ ngày càng đa dạng	65
3.5. Vai trò của các quỹ đầu tư nhà nước, quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư bảo hiểm rủi ro sẽ gia tăng	65
3.6. Các vụ tập trung kinh tế nằm trong ngưỡng phải thông báo hoặc bị cấm đã bắt đầu xuất hiện và có xu hướng gia tăng.....	66
4. Xu hướng mua bán sáp nhập trong một số ngành	67
4.1. Ngành Ngân hàng.....	67
4.2. Ngành chứng khoán	72
4.3. Ngành phân phối, bán lẻ	74
4.4. Ngành dược phẩm	77
4.5. Ngành kiểm toán	79
4.6. Ngành Công nghệ thông tin	80
CHƯƠNG IV. KHUYẾN NGHỊ.....	82
1. Nhóm vấn đề thứ nhất: Khuyến nghị về chính sách và thể chế kiểm soát tập trung kinh tế	83
1.1. Về chính sách và môi trường pháp lý:.....	83
1.2. Về thể chế kiểm soát tập trung kinh tế	88



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

1.2.1. Khuyến nghị cụ thể đối với cơ quan quản lý cạnh tranh.....	89
1.2.2. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước hữu quan.....	90
2. Nhóm vấn đề thứ hai: Khuyến nghị đối với cộng đồng doanh nghiệp	93
PHỤ LỤC 1. CÁC MẪU HỒ SƠ THÔNG BÁO TẬP TRUNG KINH TẾ, MẪU HỒ SƠ XIN HƯỞNG MIỄN TRỪ	95
PHỤ LỤC 2. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI TRONG NHỮNG NĂM QUA	102
PHỤ LỤC 3. HỆ THỐNG THÔNG BÁO SÁP NHẬP CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	110



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BTC	Bộ Tài chính
CFIUS	Ủy ban Đầu tư nước ngoài (Hoa Kỳ)
CNTT	Công nghệ thông tin
CR	Mức độ tập trung kinh tế
CT TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
CTCK	Công ty chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
CTKT	Công ty kiểm toán
CTLD	Công ty liên doanh
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FII	Đầu tư gián tiếp nước ngoài
FTC	Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ
GDP	Tổng sản lượng trong nước
GMP	Tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc
HDCT	Hội đồng cạnh tranh
HHI	Chỉ số Hirschman - Herfindahl
ICOR	Hệ số giá trị sản phẩm gia tăng
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
LBO	Giao dịch mua lại từ nguồn vốn vay
M&A	Mua lại và sáp nhập doanh nghiệp
NH TMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
OTC	Thị trường chứng khoán phi tập trung
PEF	Quỹ đầu tư tư nhân
QLCT	Quản lý cạnh tranh
SWF	Quỹ đầu tư nhà nước
TTCP	Thủ tướng Chính phủ
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
UNCTAD	Diễn đàn Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1	Các văn bản pháp luật có liên quan đến tập trung kinh tế.....	18
Bảng 2.1	Các ngành có CR3 giảm nhiều nhất.....	45
Bảng 2.2	Các ngành có CR3 tăng nhiều nhất.....	45
Bảng 2.3	Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao.....	46
Bảng 2.4	Các ngành có mức độ tập trung kinh tế thấp.....	47
Bảng 2.5	Hệ số tương quan giữa số lượng doanh nghiệp và mức độ tập trung qua các năm.....	48
Bảng 2.6	Một số giao dịch M&A điển hình.....	52
Bảng 2.7	Một số giao dịch thu tóm cổ phiếu điển hình trên thị trường chứng khoán niêm yết.....	54
Bảng 2.8	Thống kê các vụ sáp nhập của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo ngành.....	55
Bảng 2.9	Một số vụ sáp nhập điển hình của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	56
Bảng 3.1	Một số trường hợp sáp nhập ngân hàng giai đoạn trước đây.....	69
Bảng 3.2	Đầu tư của ngân hàng nước ngoài tại các ngân hàng Việt Nam.....	69
Bảng 3.3	Đầu tư của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp tại các ngân hàng TMCP.....	70
Bảng 3.4	Sở hữu của Vietcombank tại các ngân hàng khác.....	72
Bảng 3.5	Tình hình mua lại các CTCK Việt Nam của công ty nước ngoài (đến tháng 6/2008).....	74
Bảng 3.6	10 doanh nghiệp ngành dược có doanh thu cao nhất năm 2007.....	79
Bảng 3.7	Một số vụ sáp nhập và mua lại trong ngành Công nghệ thông tin.....	82
Bảng 5.1	Các quỹ đầu tư lớn nhất thế giới (tính đến năm 2007).....	105
Bảng 5.2	Các quỹ đầu tư quốc gia lớn trên thế giới.....	107



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hình 1.1	Tập trung kinh tế trong khuôn khổ pháp luật cạnh tranh.....	20
Hình 1.2	Thủ tục xem xét miễn trừ.....	29
Hình 2.1	Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất theo CR3.....	44
Hình 2.2	Cơ cấu sở hữu trong nhóm CR3 của ngành kinh tế.....	49
Hình 2.3	Cơ cấu sở hữu trong nhóm CR3 của 20 ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất.....	50
Hình 2.4	Thống kê các vụ giao dịch M&A được công bố tại Việt Nam.....	51
Hình 2.5	Thống kê các vụ sáp nhập của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo địa bàn.....	56
Hình 2.6	Chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1988 – 2007).....	58
Hình 2.7	Thống kê thay đổi đăng ký kinh doanh do tập trung kinh tế theo địa bàn.....	59
Hình 3.1	Quy mô các Công ty chứng khoán.....	74
Hình 3.2	Doanh thu và số kiểm toán viên của 10 công ty kiểm toán lớn nhất.....	81
Hình 5.1	Các làn sóng tập trung kinh tế trên thế giới trong lịch sử.....	102
Hình 5.2	Tương quan giữa M&A và tăng trưởng GDP.....	103
Hình 5.3	Giá trị và khối lượng giao dịch M&A tại Châu Á – Thái Bình Dương giai đoạn 2006 – 2007.....	109



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

LỜI GIỚI THIỆU

Thực tiễn hoạt động tập trung kinh tế tại các nước đang phát triển và phát triển gia tăng mạnh mẽ trong thời gian vừa qua cho thấy việc mua lại, sáp nhập doanh nghiệp vẫn là cách thức đầu tư hiệu quả nhất do tiết kiệm được nguồn lực để thực hiện dự án đầu tư mới và điều quan trọng hơn là có thể rút ngắn thời gian thâm nhập một thị trường mới, giảm thiểu đáng kể những rào cản gia nhập thị trường. Tại Việt Nam cũng vậy, thời gian gần đây, số vụ mua bán, sáp nhập tăng nhanh về cả số lượng và quy mô. Thực trạng này đã phản ánh một nền kinh tế mở với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế và hệ quả là việc gia tăng các hoạt động tập trung kinh tế thể hiện qua hai hình thức mua lại và sáp nhập như một đòi hỏi khách quan. Tuy nhiên, hoạt động tập trung kinh tế cũng tiềm ẩn những yếu tố hình thành các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh và có thể gây ảnh hưởng tới môi trường cạnh tranh. Vì vậy, các hoạt động tập trung kinh tế cần được điều chỉnh bởi khuôn khổ pháp lý về cạnh tranh và có sự giám sát, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước.

Cục Quản lý cạnh tranh (VCAD) có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh, trong đó có nhiệm vụ kiểm soát quá trình tập trung kinh tế. Nhiệm vụ kiểm soát tập trung kinh tế bao gồm việc thông báo tập trung kinh tế, thụ lý hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, và giám sát các giao dịch tập trung kinh tế thuộc ngưỡng thông báo. Chính vì vậy, việc xây dựng báo cáo tập trung kinh tế hàng năm cũng là một nhiệm vụ của Cục Quản lý cạnh tranh với mục đích rà soát, tổng kết các vấn đề liên quan đến tập trung kinh tế, bao gồm khía cạnh thể chế, pháp lý cũng như thực tiễn để đưa hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp nói riêng và tập trung kinh tế nói chung được thực hiện theo đúng pháp luật. Sau ba năm thực thi Luật Cạnh tranh, 2008 là năm đầu tiên Cục Quản lý cạnh tranh thực hiện “Báo cáo tập trung kinh tế” nhằm cung cấp cho cộng đồng và các bên liên quan một bức tranh tổng thể và toàn diện về thực trạng tập trung kinh tế tại Việt Nam và công tác quản lý nhà nước đối với loại hình kinh doanh này. Báo cáo gồm các nội dung cơ bản sau:

- (1) Rà soát hệ thống pháp luật về tập trung kinh tế;
- (2) Cấu trúc các ngành kinh tế quốc dân; mức độ tập trung kinh tế;
- (3) Nhận định xu hướng tập trung kinh tế trong thời gian tới đối với một số ngành, lĩnh vực;



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

(4) Khuyến nghị đối với Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước hữu quan và cộng đồng doanh nghiệp.

Trên cơ sở những nội dung và khuyến nghị đã được đưa ra, Báo cáo là một nguồn cơ sở dữ liệu đầu tiên về tập trung kinh tế, cung cấp thông tin cho các các tổ chức kinh tế, gồm các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các quỹ đầu tư, công ty tư vấn; các tổ chức quốc tế, gồm các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, cơ quan cạnh tranh các nước cùng với khối nghiên cứu kinh tế và luật pháp để các đơn vị này có thêm thông tin về thực trạng và môi trường pháp lý điều chỉnh các hoạt động tập trung kinh tế, qua đó có thể định hướng và điều chỉnh các hoạt động có liên quan tới tập trung kinh tế cho phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động tập trung kinh tế đó nói riêng và hiệu quả tổng thể của nền kinh tế nói chung. Bên cạnh đó, Báo cáo cũng là cơ sở để Cục Quản lý cạnh tranh tiếp tục triển khai công tác kiểm soát tập trung kinh tế một cách hiệu quả. Báo cáo cũng góp phần phục vụ cho công tác hoạch định chính sách cạnh tranh và hoàn thiện pháp luật cạnh tranh.

Thay mặt Cục Quản lý cạnh tranh, tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan hữu quan, các chuyên gia đã nhiệt tình phối hợp trong suốt quá trình xây dựng và đóng góp các ý kiến bình luận để hoàn thiện Báo cáo. Đặc biệt, tôi cũng xin bày tỏ sự cảm ơn với Cơ quan cạnh tranh Thụy Sĩ (COMCO) đã có nhiều bình luận quý giá và tài trợ cho việc phát hành ấn phẩm này. Cục Quản lý cạnh tranh mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý để Báo cáo Tập trung kinh tế hàng năm ngày càng hoàn thiện và trở thành một tài liệu có ích cho các cơ quan hoạch định chính sách, cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu cũng như đông đảo các đối tượng khác.

Hà Nội, tháng 01 năm 2009
Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh

Bạch Văn Mừng

CHƯƠNG I.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ

1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về tập trung kinh tế tại Việt Nam

1.1. Các hình thức tập trung kinh tế

Dựa vào mức độ liên kết, hành vi tập trung kinh tế được chia thành hai loại là tập trung kinh tế chặt chẽ (tổ hợp) và tập trung kinh tế không chặt chẽ.

Dựa vào vị trí của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế trong các cấp độ kinh doanh của ngành kinh tế - kỹ thuật, tập trung kinh tế thường được phân chia thành tập trung theo chiều ngang, tập trung theo chiều dọc hoặc tập trung dạng hỗn hợp (hay tập đoàn - conglomerate).

(i) *Tập trung kinh tế theo chiều ngang*: là sự sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc liên doanh của các doanh nghiệp trong cùng một thị trường liên quan (sản phẩm và địa lý). Sự gia tăng tập trung theo chiều ngang đến một mức độ nhất định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp hành động giữa các doanh nghiệp và từ đó dẫn đến hạn chế cạnh tranh theo giá và giảm động lực sáng tạo, gây bất lợi cho các đối thủ cạnh tranh và tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

(ii) *Tập trung kinh tế theo chiều dọc*: là sự hợp nhất, sáp nhập, mua lại hoặc liên doanh giữa các doanh nghiệp có quan hệ người mua - người bán với nhau.

(iii) *Tập trung kinh tế dạng hỗn hợp (conglomerate)*: là sự hợp nhất, sáp nhập, mua lại, liên doanh của các doanh nghiệp không cùng hoạt động trên một thị trường sản phẩm đồng thời cũng không có mối quan hệ khách hàng với nhau. Mục tiêu của việc hợp nhất này thường là nhằm phân tán rủi ro vào những thị trường khác nhau hoặc từ những lý do chiến lược thị trường của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế.

1.2. Khái niệm tập trung kinh tế ở Việt Nam

Tập trung kinh tế ở Việt Nam được xem xét theo ba cách tiếp cận cơ bản:

(1) *Với tính chất là quá trình gắn liền với việc hình thành và thay đổi của cấu trúc thị trường*, tập trung kinh tế được hiểu là quá trình mà số lượng các doanh nghiệp độc lập cạnh



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

tranh trên thị trường bị giảm đi thông qua các hành vi sáp nhập (theo nghĩa rộng) hoặc thông qua tăng trưởng nội sinh của doanh nghiệp trên cơ sở mở rộng năng lực sản xuất¹. Cách nhìn nhận này đã làm rõ nguyên nhân và hậu quả của tập trung kinh tế đối với cấu trúc thị trường cạnh tranh. Tuy nhiên, dường như quan điểm trên đã coi hiện tượng tích tụ tư bản là một phần của khái niệm tập trung kinh tế.

(2) *Với tính chất là hành vi của các doanh nghiệp*, tập trung kinh tế (còn gọi là tập trung tư bản) được hiểu là sự gia tăng tư bản do hợp nhất nhiều tư bản² lại hoặc một tư bản này thu hút một tư bản khác³. Khái niệm này không đưa ra các biểu hiện cụ thể của tập trung kinh tế, nhưng lại cho thấy bản chất và phương thức của hiện tượng.

(3) *Dưới góc độ pháp luật*, Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định các hành vi được coi là tập trung kinh tế. Theo đó, khoản 3 Điều 3 quy định tập trung kinh tế thuộc nhóm các hành vi hạn chế cạnh tranh. Chỉ có các trường hợp tập trung kinh tế tạo ra trên 50% thị phần kết hợp trên thị trường liên quan mới tiềm ẩn nguy cơ hạn chế cạnh tranh, tương ứng với quy định tại Điểm 2.a – Điều 11 về doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường. Như vậy, không phải trường hợp tập trung kinh tế nào cũng gây hạn chế cạnh tranh. Điều 16 quy định tập trung kinh tế là hành vi của doanh nghiệp bao gồm: (i) Sáp nhập doanh nghiệp; (ii) Hợp nhất doanh nghiệp; (iii) Mua lại doanh nghiệp; (iv) Liên doanh giữa các doanh nghiệp; (v) Các hành vi tập trung khác theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hiện tượng tập trung kinh tế bao gồm: tăng trưởng nội sinh; hiện tượng rút lui khỏi thị trường của một số doanh nghiệp; hiện tượng gia nhập thị trường của một số doanh nghiệp; hiện tượng sáp nhập của một số doanh nghiệp (tăng trưởng ngoại sinh)... Cho dù được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau và diễn tả bằng những ngôn ngữ pháp lý khác nhau, song các nhà khoa học đều thống nhất với nhau về bản chất của tập trung kinh tế bằng những nội dung sau:

Thứ nhất, chủ thể của tập trung kinh tế là các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường. Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có thể là các doanh nghiệp hoạt động trong cùng

¹ Lê Viết Thái, *Chuyên đề về hành vi tập trung kinh tế*, Đề tài nghiên cứu về thể chế cạnh tranh trong điều kiện phát triển thị trường tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu thương mại - Bộ Thương mại, 2005.

² Tư bản được hiểu là các giá trị kinh tế trên thị trường được sử dụng để tìm kiếm giá trị thặng dư như vốn, công nghệ, trình độ quản lý...

³ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 870.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

hoặc không cùng thị trường liên quan.

Thứ hai, hình thức tập trung kinh tế bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, mua lại và liên doanh giữa các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đã chủ động tích tụ các nguồn lực kinh tế như vốn, lao động, kỹ thuật, năng lực quản lý, tổ chức kinh doanh... mà chúng đang nắm giữ riêng lẻ để hình thành một khối thống nhất hoặc phối hợp hình thành các nhóm doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế. Dấu hiệu này giúp khoa học pháp lý phân biệt tập trung kinh tế với việc tích tụ tư bản trong kinh tế học. Tích tụ tư bản là tăng thêm tư bản dựa vào tích lũy giá trị thặng dư, biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản. Có thể thấy rằng, tích tụ tư bản là quá trình phát triển nội sinh của một doanh nghiệp theo thời gian bằng kết quả kinh doanh. Một doanh nghiệp có thể tích tụ tư bản để có được vị trí đáng kể trên thị trường, song để điều đó xảy ra đòi hỏi một khoảng thời gian khá dài. Trong khi đó, tập trung kinh tế cũng có dấu hiệu của sự *tích tụ* nhưng không từ kết quả kinh doanh mà từ hành vi của doanh nghiệp.

Thứ ba, tập trung kinh tế đã hình thành nên doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh tổng hợp hoặc liên kết thành nhóm doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, từ đó làm thay đổi cấu trúc thị trường và tương quan cạnh tranh hiện có trên thị trường.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về tập trung kinh tế tại Việt Nam

Hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua bán cổ phần, chuyển nhượng vốn góp trong các loại hình công ty và góp vốn thành lập doanh nghiệp con,... là nội dung quan trọng cấu thành quyền tự do kinh doanh và được ghi nhận trong pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán ngay từ giai đoạn đầu của thời kỳ xây dựng nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Có thể chia quá trình nhận thức về tập trung kinh tế thành hai giai đoạn căn cứ vào thời điểm ban hành Luật Cạnh tranh.

(1) Giai đoạn trước khi Luật Cạnh tranh được ban hành

Luật Công ty năm 1990 ghi nhận quyền quyết định việc sáp nhập công ty TNHH của các thành viên, quyền chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần của thành viên công ty TNHH và công ty cổ phần; Điều 20 Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 1995 quy định việc sáp nhập là một trong những giải pháp tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước; Tương tự, điều 44 Luật Hợp tác xã năm 1997 ghi nhận quyền hợp nhất các hợp tác xã với nhau. Tuy



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

nhiên, các quy định kể trên đơn giản là việc ghi nhận các quyền cơ bản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thành viên của công ty. Ngay cả thủ tục để thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất chưa được quy định cụ thể.

Luật Doanh nghiệp năm 1999 thay thế Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty năm 1990 ghi nhận khá đầy đủ về các giải pháp tổ chức lại công ty, trong đó có hai giải pháp liên quan trực tiếp đến tập trung kinh tế là sáp nhập và hợp nhất công ty; ngoài ra các quy định về chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần, phát hành cổ phần, cổ phiếu được quy định chi tiết và chặt chẽ hơn so với hai đạo luật mà nó kế thừa. Ngoài Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định và xây dựng lộ trình, thủ tục thực hiện các biện pháp tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu đối với công ty nhà nước gắn liền với tập trung kinh tế như sáp nhập, hợp nhất, khoán, cho thuê, bán toàn bộ hoặc một phần công ty nhà nước⁴.

Đặc trưng của giai đoạn này là pháp luật chưa nhìn nhận việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng vốn góp, mua bán cổ phần và liên doanh thành lập doanh nghiệp từ góc độ cạnh tranh. Các chế định trong các văn bản pháp luật nói trên chỉ giải quyết vai trò quản lý nhà nước về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh và ghi nhận cũng như bảo đảm cho quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp mà chưa đề cập đến nhiệm vụ quản lý, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, an toàn cho nền kinh tế. Nói cách khác, trong giai đoạn này, pháp luật thiên về tổ chức doanh nghiệp, về việc thực thi quyền đầu tư, quyền sở hữu trong doanh nghiệp. Các vấn đề nói trên chưa được giải quyết bởi pháp luật cạnh tranh. Có thể lý giải tình trạng trên từ nhiều nguyên nhân khác nhau, song cơ bản có lẽ từ nhiệm vụ cơ bản của pháp luật kinh tế trong giai đoạn này là xây dựng các thiết chế cơ bản để hình thành thị trường, nhiều lĩnh vực pháp luật của thị trường hiện đại chưa được tiếp nhận và xây dựng tại Việt Nam, trong đó có pháp luật cạnh tranh mà cụ thể là chế định về tập trung kinh tế.

Bối cảnh kinh tế của Việt Nam tại thời điểm này, đang trong quá trình chuyển đổi và là một nước có nền kinh tế đang phát triển, quy luật tất yếu và đòi hỏi nội tại của nền kinh tế là quá trình “tích tụ kinh tế” như là nền tảng cho sự tăng trưởng. Mặt khác, thực tiễn đã cho thấy việc gia tăng sự xuất hiện của các tập đoàn đa quốc gia (TNC) tại Việt Nam là hệ quả của quá trình hội nhập ngày một sâu rộng của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới sẽ khiến cho các hoạt động tập trung kinh tế ở quy mô có khả năng chi phối thị trường xuất hiện

⁴ Chương VII, Chương VIII Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

trong tương lai ngày càng nhiều. Chính vì vậy, xuất phát từ sự cần thiết phải kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế để tránh tình trạng hình thành các doanh nghiệp lớn có sức mạnh khổng lồ thị trường, khung pháp lý cho phép các cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế là một đòi hỏi cấp thiết từ cả thực tiễn khách quan và chủ quan.

(2) Giai đoạn sau năm 2004 khi đã ban hành Luật Cạnh tranh

Luật Cạnh tranh được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 3 tháng 12 năm 2004 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2005. Ngoài các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh và tổ tụng cạnh tranh..., Luật Cạnh tranh còn quy định về các hình thức tập trung kinh tế, các biện pháp kiểm soát và nguyên tắc xử lý đối với tập trung kinh tế trên thị trường Việt Nam. Có thể nói rằng, đây là văn bản đầu tiên quy định một cách toàn diện các vấn đề về cạnh tranh và chính thức đặt các vấn đề về sáp nhập hợp nhất, chuyển nhượng vốn, cổ phần, tài sản và liên doanh dưới góc độ của việc bảo vệ thị trường cạnh tranh. Các nguyên tắc mà Luật Cạnh tranh quy định đã có những ảnh hưởng nhất định đến các lĩnh vực pháp luật khác như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.... Cụ thể là, ngoài những quy định về thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, tổ chức quản lý, hoạt động và tổ chức lại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2005 (thay thế Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật doanh nghiệp Nhà nước năm 2003) đã tiếp thu các nguyên tắc kiểm soát sáp nhập hợp nhất của Luật Cạnh tranh; Luật Đầu tư ghi nhận các hình thức đầu tư có liên quan đến tập trung kinh tế như mua chi nhánh, mua công ty.... Như vậy, các quy định về tập trung kinh tế là tương đối đồng bộ và nhất quán trong các văn bản pháp luật liên quan.

2. Các quy định về tập trung kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Như đã đề cập tại phần trên, trong hệ thống pháp luật Việt Nam có nhiều luật và văn bản dưới luật có các quy định liên quan đến tập trung kinh tế. Các văn bản đó được tổng hợp trong Bảng 1.1 sau đây.

Bảng 1.1: Các văn bản pháp luật có liên quan đến tập trung kinh tế

STT	Tên văn bản	Điều khoản	Năm ban hành
-----	-------------	------------	--------------



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

	Bộ luật/ Luật		
1	Luật Cạnh tranh	Điều 16 đến 24	2004
2	Bộ Luật Dân sự	Điều 94, 95	2005
3	Luật Doanh nghiệp	Điều 152, 153	2005
3	Luật Đầu tư	Điều 21, 25, 26	2005
4	Luật Chứng khoán	Điều 29, 32, 69	2006
	Nghị định		
5	Nghị định 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Cạnh tranh		2005
6	Nghị định 120/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ Quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh		2005
7	Nghị định 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 Về đăng ký kinh doanh		2006
8	Nghị định 101/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư		2006
9	Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư		2006
10	Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp		2007
11	Các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành (tài chính, thuế, ngân hàng, bảo hiểm, đất đai, bất động sản, bưu chính viễn thông....)		

Nguồn: Cục Quản lý cạnh tranh

2.1. Bộ Luật Dân sự

Điều 94, 95 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về hợp nhất và sáp nhập pháp nhân, theo đó các pháp nhân cùng loại có thể hợp nhất thành một pháp nhân mới hoặc một pháp nhân có thể được sáp nhập vào một pháp nhân khác cùng loại theo quy định của điều lệ, theo thoả thuận



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

giữa các pháp nhân hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi hợp nhất, các pháp nhân cũ chấm dứt; các quyền, nghĩa vụ dân sự của các pháp nhân cũ được chuyển giao cho pháp nhân mới. Sau khi sáp nhập, pháp nhân được sáp nhập chấm dứt; các quyền, nghĩa vụ dân sự của pháp nhân được sáp nhập được chuyển giao cho pháp nhân sáp nhập.

2.2. Luật Cạnh tranh

2.2.1. Các hình thức tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh

Theo Điều 16 Luật Cạnh tranh do Quốc hội ban hành ngày 3/12/2004 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2005 thì: “*Tập trung kinh tế là hành vi của doanh nghiệp bao gồm: (1) Sáp nhập doanh nghiệp; (2) Hợp nhất doanh nghiệp; (3) Mua lại doanh nghiệp; (4) Liên doanh giữa các doanh nghiệp; và (5) Các hành vi tập trung kinh tế khác theo quy định của pháp luật*”

Cụ thể hơn, Điều 17 Luật Cạnh tranh nêu ra khái niệm về các hình thức tập trung kinh tế như sau:

1. Sáp nhập doanh nghiệp là việc một hoặc một số doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang một doanh nghiệp khác, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp bị sáp nhập.

2. Hợp nhất doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các doanh nghiệp bị hợp nhất.

3. Mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại.

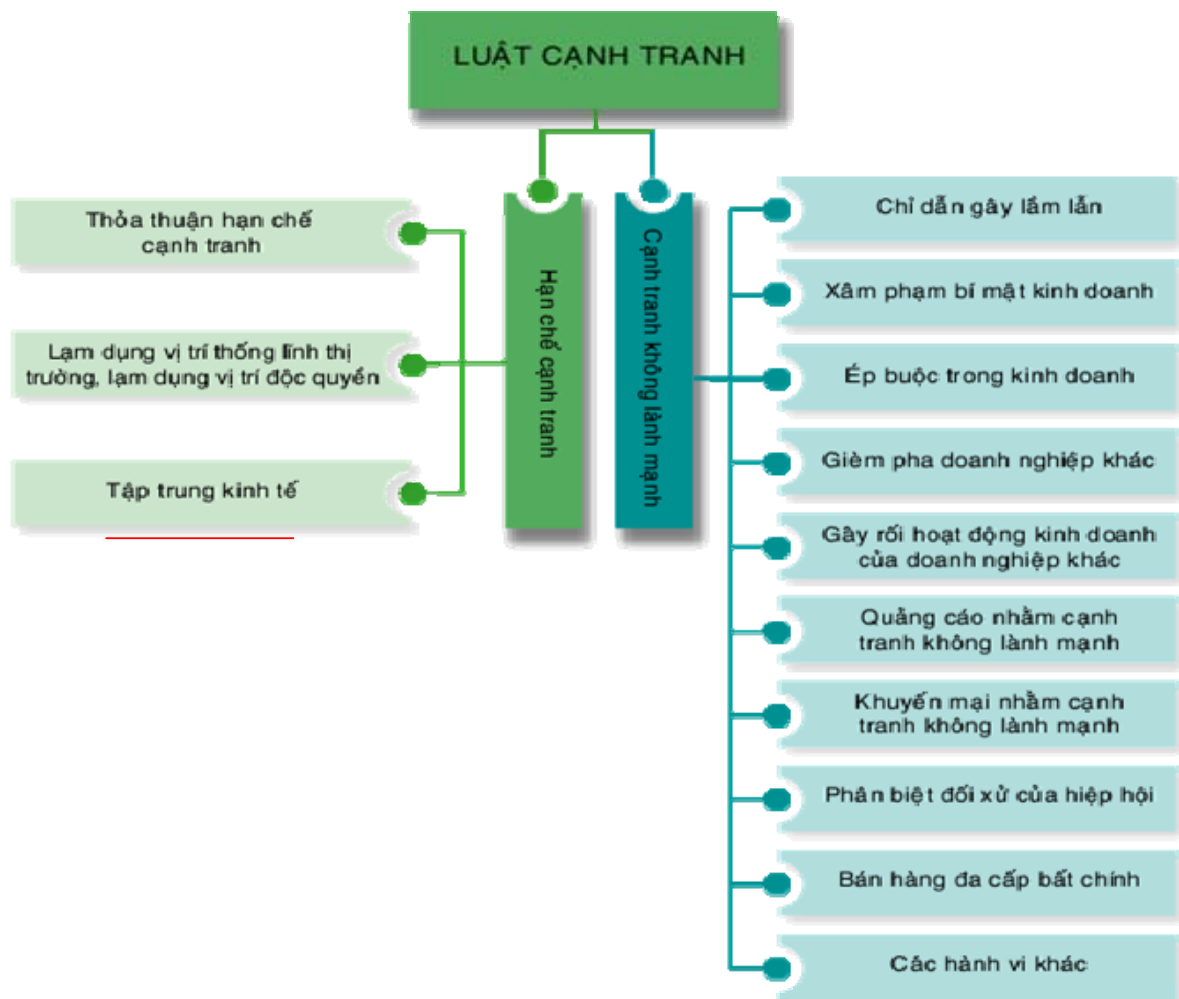
4. Liên doanh giữa các doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng nhau góp một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới.

Hình dưới đây thể hiện vị trí của các quy định điều chỉnh về tập trung kinh tế trong khuôn khổ pháp luật cạnh tranh:



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hình 1.1: Tập trung kinh tế trong khuôn khổ pháp luật cạnh tranh



Nguồn: Cục Quản lý cạnh tranh

Từ các quy định trên, có thể thấy:

Thứ nhất, về bản chất pháp lý, mua lại doanh nghiệp là hình thức tập trung kinh tế bằng biện pháp thiết lập quan hệ sở hữu giữa doanh nghiệp mua lại và doanh nghiệp bị mua lại. Việc mua lại không phải là quá trình thống nhất về tổ chức giữa hai doanh nghiệp nói trên. Sau khi mua lại, doanh nghiệp nắm quyền sở hữu có thể thực hiện việc sáp nhập hoặc không. Nếu thực hiện việc sáp nhập thì sự thống nhất về tổ chức là kết quả của hoạt động sáp nhập và việc mua lại chỉ là tiền đề để có được quyết định sáp nhập. Khi các doanh nghiệp tham gia đang hoạt động trên cùng thị trường liên quan thì việc mua lại đã làm cho quan hệ cạnh tranh giữa họ không còn tồn tại. Các hình thức mua lại không bị coi là tập trung kinh tế bao gồm: “Doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức tín dụng mua lại doanh nghiệp



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

khác nhằm mục đích bán lại trong thời hạn dài nhất là 01 năm. Doanh nghiệp mua lại không thực hiện quyền kiểm soát hoặc chi phối doanh nghiệp bị mua lại; hoặc Doanh nghiệp thực hiện quyền kiểm soát/chi phối nhưng chỉ trong khuôn khổ bắt buộc để đạt được mục đích bán lại”. (Điều 35 Nghị định 116/2005)

Thứ hai, Về quyền chi phối hoặc kiểm soát doanh nghiệp bị mua lại, pháp luật cạnh tranh quy định quyền kiểm soát hoặc chi phối được hiểu là trường hợp doanh nghiệp mua lại dành được quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp bị kiểm soát đủ chiếm được trên 50% quyền bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc ở mức mà theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của doanh nghiệp bị kiểm soát đủ để doanh nghiệp mua lại chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp bị kiểm soát nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị kiểm soát⁵. Luật Doanh nghiệp năm 2005 không trực tiếp sử dụng thuật ngữ quyền chi phối hoặc kiểm soát doanh nghiệp khác mà sử dụng quan hệ mẹ - con giữa các công ty để thể hiện mối quan hệ sở hữu được xác lập từ việc mua lại hay góp vốn. Theo đó, một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;
- (b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- (c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó⁶.

Về ý nghĩa pháp lý, quy định trong hai văn bản trên là tương đồng, song về căn cứ xác định và giá trị ứng dụng lại có những khác biệt đáng kể. Luật Doanh nghiệp cơ bản dựa trên mức vốn sở hữu hoặc giá trị quyền quyết định đến bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp trong khi Luật Cạnh tranh đã quy đổi mức sở hữu thành giá trị của quyền biểu quyết trong bộ máy quản lý để xác định. Mặt khác, Luật Doanh nghiệp còn sử dụng quyền quyết định đến việc sửa đổi, bổ sung điều lệ làm một trong những trường hợp xác lập quan hệ mẹ - con, trong khi Luật Cạnh tranh sử dụng quyền chi phối các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp bị mua lại làm căn cứ xác định.

⁵ Điều 34 Nghị định 116/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 09 năm 2005.

⁶ Khoản 15 điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2005



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hành vi liên doanh giữa các doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng nhau góp một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới⁷. Liên doanh là dạng liên kết giữa các doanh nghiệp thông qua việc cùng tham gia thành lập một doanh nghiệp mới. Nói cách khác, sự tồn tại của doanh nghiệp mới tạo nên mối liên kết giữa các doanh nghiệp tham gia. Xét về bản chất, hoạt động liên doanh đồng nghĩa với hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật các Tổ chức tín dụng và Luật Đầu tư. Thế nên, ngoài các quy định của Luật Cạnh tranh, hoạt động liên doanh còn chịu sự điều chỉnh bởi các quy định về đăng ký kinh doanh, về thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư trong các văn bản nói trên.

2.2.2. Các ngưỡng gây hạn chế cạnh tranh của tập trung kinh tế

Luật Cạnh tranh sử dụng thị phần làm cơ sở phân loại nhóm tập trung kinh tế và là tiêu chí duy nhất để xác định cách thức xử lý. Những trường hợp tập trung kinh tế mà thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia chiếm trên 50% trên thị trường liên quan luôn làm hạn chế cạnh tranh. Theo đó, việc tập trung kinh tế đã hình thành một doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp nắm giữ đa số thị phần trên thị trường liên quan và làm cho các doanh nghiệp còn lại chỉ là thiểu số trên thị trường. Điều này cho thấy sự thay đổi cơ bản, đột ngột trong tương quan cạnh tranh và cấu trúc cạnh tranh trên thị trường. Do đó, những trường hợp trên luôn bị coi là làm giảm, làm cản trở và sai lệch cạnh tranh một cách đáng kể. Đối với những trường hợp này, doanh nghiệp bị cấm thực hiện tập trung kinh tế, trừ khi nếu doanh nghiệp sau khi thực hiện tập trung kinh tế vẫn thuộc loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và có thể được xem xét miễn trừ:

- (i) Một hoặc nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản (thẩm quyền xem xét quyết định thuộc về Bộ trưởng Bộ Thương mại – nay là Bộ Công thương);
- (ii) Việc tập trung kinh tế có tác dụng mở rộng xuất khẩu hoặc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ. (do Thủ tướng Chính phủ quyết định) (điều 18, 19, 25 Luật Cạnh tranh).

Khi thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia chỉ chiếm dưới 30% trên thị trường liên quan thì sự tập trung kinh tế chưa có khả năng tạo ra vị trí thống lĩnh cho doanh nghiệp

⁷ Khoản 4 điều 17 Luật Cạnh tranh năm 2004



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

hình thành sau khi tập trung. Lúc này, việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại hay liên doanh chỉ là các biện pháp cơ cấu lại kinh doanh hoặc đầu tư vốn bình thường nên chưa chứa đựng những nguy cơ đe dọa đến trật tự cạnh tranh trên thị trường.

Việc sử dụng yếu tố *thị phần kết hợp*⁸ làm căn cứ để kiểm soát tập trung kinh tế cho thấy Luật Cạnh tranh của Việt Nam chỉ kiểm soát các trường hợp tập trung kinh tế theo chiều ngang. Vì vậy, việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh giữa các doanh nghiệp không cùng thị trường liên quan thì không chịu sự kiểm soát của Luật Cạnh tranh.

Bên cạnh Luật Cạnh tranh, các văn bản luật khác cũng có những quy định liên quan đến tập trung kinh tế như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán được tóm lược ở dưới đây.

2.3. Luật Doanh nghiệp

Với vai trò là pháp luật tổ chức và thiết lập mô hình hoạt động cho các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp có nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến tập trung kinh tế, cụ thể là các nội dung sau:

- Các quy định trong Luật Doanh nghiệp có thể được sử dụng làm căn cứ pháp lý để làm rõ khái niệm và phạm vi của các hoạt động tập trung kinh tế. Chẳng hạn để xác định khái niệm mua lại doanh nghiệp, khi thực thi cơ quan quản lý cạnh tranh có thể dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp. Vấn đề mấu chốt để xác định việc mua lại là quyền chi phối và kiểm soát doanh nghiệp bị mua lại, theo đó, nếu việc mua tài sản chưa đủ tạo nên quyền chi phối, kiểm soát doanh nghiệp bị mua lại thì chưa cấu thành hiện tượng tập trung kinh tế. Pháp luật cạnh tranh xác định hai trường hợp tạo nên quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp khác là:

- (i) dành được quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp bị kiểm soát đủ chiếm được trên 50% quyền bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; hoặc
- (ii) dành được quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp bị kiểm soát ở mức mà theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của doanh nghiệp bị kiểm soát đủ để doanh nghiệp mua lại chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp bị kiểm soát nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị kiểm soát.

⁸ Khoản 6 điều 3 Luật cạnh tranh quy định: *Thị phần kết hợp là tổng thị phần trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp tham gia vào tập trung kinh tế.*



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Trong trường hợp thứ nhất, căn cứ xác định đã được Luật Cạnh tranh định lượng theo số phiếu hoặc giá trị biểu quyết tại các cơ quan lãnh đạo, quản lý cao nhất của doanh nghiệp. Song, để xác định trường hợp thứ hai cần dẫn chiếu đến những quy định tương ứng về việc quyết định những chính sách tài chính, kinh doanh trong pháp luật về doanh nghiệp. Tùy theo hình thức tổ chức của doanh nghiệp bị mua lại mà mức vốn đủ chi phối các vấn đề nói trên là khác nhau. Pháp luật về doanh nghiệp có vai trò làm rõ hơn những vấn đề mà Luật Cạnh tranh chưa quy định chi tiết về các hành vi tập trung kinh tế.

- Các quy định liên quan đến thủ tục đăng ký kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển nhượng vốn góp, mua bán cổ phần trong pháp luật về doanh nghiệp. Với nhiệm vụ bảo đảm quyền tự do kinh doanh và thiết lập trật tự trong việc thực hiện quyền kinh doanh, các chế định nói trên đảm bảo quyền quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trên thị trường. Quan hệ giữa các thủ tục kiểm soát trong Luật Cạnh tranh và các thủ tục về đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp được xác định như sau:

(i) Nếu tập trung kinh tế thuộc nhóm không chịu sự kiểm soát của Luật Cạnh tranh thì chỉ phải làm các thủ tục về việc đăng ký kinh doanh, chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp mà không phải thực hiện bất cứ thủ tục gì tại cơ quan cạnh tranh;

(ii) Nếu tập trung kinh tế thuộc nhóm phải thông báo thì trước khi tiến hành các thủ tục tại cơ quan đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp tham gia tập trung phải làm thủ tục thông báo tại cơ quan quản lý cạnh tranh. Chỉ khi nào có trả lời của cơ quan này khẳng định việc tập trung kinh tế không thuộc trường hợp bị cấm thì các doanh nghiệp mới được thực hiện các thủ tục về sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc liên doanh theo pháp luật doanh nghiệp;

(iii) Nếu thuộc trường hợp bị cấm, đương nhiên không được tiến hành bất cứ thủ tục gì trừ trường hợp được miễn trừ⁹.

- Luật Doanh nghiệp còn có các quy định có thể hỗ trợ cho quá trình kiểm soát tập trung kinh tế, bao gồm:

(i) Các quy định về nghĩa vụ thông báo bằng văn bản tiến độ góp vốn của công ty TNHH, thông báo tiến độ góp vốn cổ phần của công ty cổ phần¹⁰;

⁹ Điều 24 Luật Cạnh tranh 2005

¹⁰ Điều 39 và Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

(ii) Nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc có cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên...Những quy định trên không chỉ tạo điều kiện cho việc quản lý doanh nghiệp hiệu quả mà còn có thể cung cấp nhiều thông tin cần thiết để việc xác minh hiện tượng tập trung kinh tế được thuận tiện, nhanh chóng.

2.4. Luật Đầu tư

Luật Đầu tư năm 2005 gồm các quy định về hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài. Trong đó, có một số nội dung liên quan đến tập trung kinh tế, cụ thể là:

- *Các quy định về hình thức đầu tư*, trong đó ghi nhận một số hình thức là các hoạt động tập trung kinh tế như: Thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài; Mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư; Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp¹¹. Đối với nhà đầu tư nước ngoài khi góp vốn, mua cổ phần phải thực hiện đúng các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về tỷ lệ góp vốn, hình thức đầu tư và lộ trình mở cửa thị trường;

- *Các quy định về thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thủ tục thẩm tra đầu tư* được thiết kế để thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đầu tư. Tuy nhiên, nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam phải có dự án đầu tư và thực hiện thủ tục đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư.

Trong pháp luật đầu tư chỉ có một quy định đề cập đến vấn đề kiểm soát tập trung kinh tế dưới góc độ của Luật Cạnh tranh: *khi sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về điều kiện tập trung kinh tế và pháp luật về cạnh tranh*¹².

¹¹ Điều 21 Luật Đầu tư năm 2005.

¹² Khoản 2 điều 10 Nghị định Số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 09 năm 2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Ngoài ra, điều 56 của cùng Nghị định 108 nêu trên có quy định về thủ tục đầu tư trực tiếp theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

2.5. Các văn bản pháp luật khác

2.5.1. Luật Chứng khoán

Luật Chứng khoán 2006 cũng có các điều khoản liên quan đến tập trung kinh tế thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán như sau: “*Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của công ty đại chúng (sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng) phải báo cáo công ty đại chúng, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty đại chúng đó được niêm yết*”.

Điều 29 và Điều 32 quy định về việc chào mua công khai theo đó các tổ chức, cá nhân chào mua công khai số cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến việc sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng phải gửi đăng ký chào mua đến UBCKNN. Điều 69 quy định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, theo đó các công ty này đều phải được sự chấp thuận của UBCKNN khi thực hiện các giao dịch này.

2.5.2. Luật các Tổ chức tín dụng

Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng 1997 quy định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

3. Quy định về mua cổ phần doanh nghiệp Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều 10 Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp quy định tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng ký trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, đều có quyền góp vốn, mua cổ phần với mức không hạn chế tại doanh nghiệp, trừ một số trường hợp (công ty cổ phần niêm yết; doanh nghiệp ngành nghề kinh doanh có điều kiện do pháp luật chuyên ngành quy định; doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ áp dụng theo Biểu cam kết về thương mại dịch vụ với WTO).

Đối với công ty niêm yết, Quyết định 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch của một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán. Riêng đối với lĩnh vực ngân hàng, theo Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 30% vốn điều lệ (mức tối đa dành cho một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan là 15%, trường hợp đặc biệt sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng không vượt quá 20% vốn điều lệ).

4. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế

Luật Cạnh tranh quy định về thủ tục thông báo (từ Điều 20 đến Điều 26) trong đó đề cập đến những vấn đề sau đây:

- *Đối tượng áp dụng:* Các trường hợp tập trung kinh tế mà thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia chiếm từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan, trừ trường hợp doanh nghiệp sau khi thực hiện tập trung kinh tế vẫn thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- *Trách nhiệm của các doanh nghiệp có liên quan:* Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế phải làm hồ sơ thông báo tập trung kinh tế theo điều 21 Luật Cạnh tranh để nộp cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ. Hồ sơ thông báo việc tập trung kinh tế cung cấp những thông tin cần thiết về tài chính, về sản phẩm, về thị phần của doanh nghiệp trên thị trường liên quan trong hai năm liên tiếp gần nhất... làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền phân tích, đánh giá vụ việc.

- *Thẩm quyền của cơ quan quản lý cạnh tranh:* Cơ quan quản lý cạnh tranh có quyền kiểm soát tập trung kinh tế bằng việc xem xét hồ sơ thông báo và trả lời thông báo tập trung kinh tế. Nội dung trả lời thông báo tập trung kinh tế phải xác định tập trung kinh tế thuộc một trong hai trường hợp sau:

(i) tập trung kinh tế không thuộc trường hợp bị cấm; hoặc

(ii) tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, lý do cấm phải được nêu rõ trong văn bản trả lời.

- *Quan hệ giữa thủ tục thông báo và các thủ tục khác có liên quan đến tập trung kinh tế.* Ngoài thủ tục thông báo, tùy từng hình thức tập trung kinh tế mà các doanh nghiệp tham gia có thể phải thực hiện các thủ tục khác nếu được tiến hành tập trung kinh tế. Đối với hình thức sáp nhập, hợp nhất, doanh nghiệp phải thực hiện thêm thủ tục tổ chức lại theo pháp



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

luật về doanh nghiệp; mua lại doanh nghiệp cần tiến hành thủ tục chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần,...; hình thức liên doanh cần thực hiện việc đăng ký kinh doanh hoặc thủ tục đăng ký đầu tư, thẩm tra đầu tư để thành lập doanh nghiệp mới theo pháp luật về doanh nghiệp hoặc luật đầu tư. Về thời gian giữa thủ tục thông báo theo Luật Cạnh tranh và các thủ tục có liên quan nói trên, thủ tục thông báo phải được thực hiện trước. Các doanh nghiệp chỉ được các thủ tục khác sau khi cơ quan quản lý cạnh tranh trả lời bằng văn bản khẳng định việc tập trung kinh tế không thuộc trường hợp bị cấm.

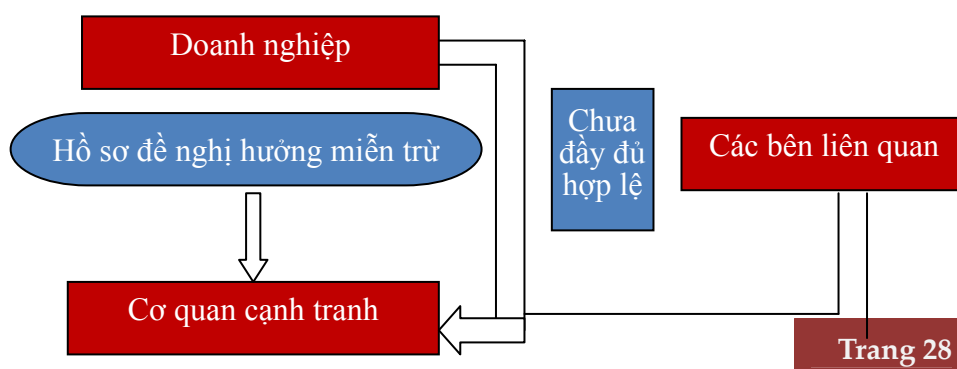
- *Quy định về thời hạn trả lời thông báo tập trung kinh tế:* 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, có thể gia hạn trong những trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp theo quyết định của thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh. Việc gia hạn không quá 02 lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

- *Trách nhiệm đảm bảo tính trung thực của hồ sơ:* Các doanh nghiệp nộp hồ sơ chịu trách nhiệm này.

- *Mẫu hồ sơ, giấy tờ* ban hành kèm Quyết định 17/QĐ-QLCT của Cục QLCT về việc ban hành một số mẫu giấy tờ theo quy định của Luật Cạnh tranh ban hành ngày 04/07/2006 (xem Phụ lục 1).

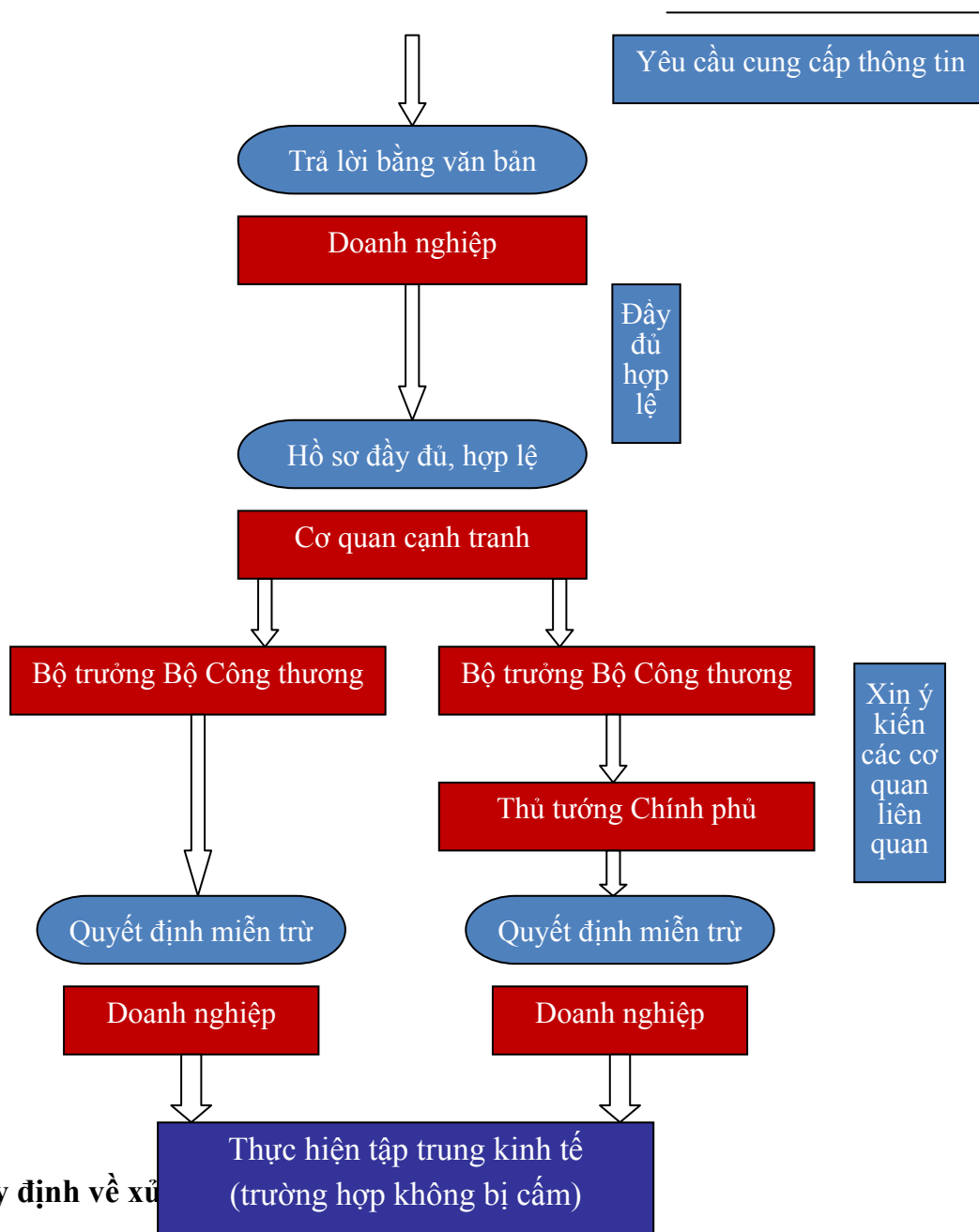
Quy trình và thủ tục xem xét miễn trừ đối với các vụ việc tập trung kinh tế được minh họa như trong sơ đồ sau:

Hình 1.2: Thủ tục xem xét miễn trừ





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO



5. Quy định về xử

Việc xử lý vi phạm pháp luật về tập trung kinh tế (tiến hành tập trung kinh tế trong những trường hợp bị cấm hoặc tập trung kinh tế mà không thông báo khi thuộc những trường hợp phải thông báo) được thực hiện theo quy trình tố tụng cạnh tranh, trong đó cơ quan quản lý cạnh tranh có chức năng điều tra vụ việc và Hội đồng cạnh tranh có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm bằng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định của Luật Cạnh tranh và Nghị định 120/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 09 năm 2005 về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Các biện pháp xử phạt bao gồm: phạt tiền tùy theo hành vi vi phạm và mức độ nghiêm trọng của hành vi. Theo đó, phạt tiền đến 5% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với sáp nhập, hợp nhất, mua lại liên doanh bị cấm; phạt tiền từ 5% đến 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với sáp nhập, mua lại bị cấm trong trường hợp có dấu hiệu chèn ép, buộc doanh nghiệp khác phải sáp nhập hoặc bán toàn bộ hoặc một phần tài sản; phạt tiền từ 5% đến 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với hợp nhất, liên doanh bị cấm trong trường hợp làm tăng giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường liên quan một cách đáng kể; phạt tiền từ 1 đến 3% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định của Luật Cạnh tranh. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể bị buộc thực hiện chia tách các doanh nghiệp đã sáp nhập, hợp nhất; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bị buộc phải bán tài sản đã mua... (Điều 25 đến điều 29 Nghị định 120/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2005 về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh).

6. Cơ quan quản lý cạnh tranh và các cơ quan nhà nước có liên quan

Theo pháp luật cạnh tranh và pháp luật doanh nghiệp, việc kiểm soát các hành vi sáp nhập, hợp nhất, mua lại và liên doanh giữa các doanh nghiệp có sự tham gia của các cơ quan là:

(i) **Cơ quan quản lý cạnh tranh**¹³ có chức năng: Kiểm soát quá trình tập trung kinh tế; Thẩm định hồ sơ thông báo, hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ tập trung kinh tế; Thụ lý, tổ chức điều tra vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh (gồm cả tập trung kinh tế) ;

(ii) **Hội đồng cạnh tranh**¹⁴ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật như thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp bị cấm, tập trung kinh tế mà không thực hiện việc thông báo;

¹³ Cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh là Cục Quản lý Cạnh tranh được thành lập theo Nghị định 06/2006/NĐ-CP ngày 9/1/2006.

¹⁴ Hội đồng Cạnh tranh được thành lập theo Nghị định 05/2006/NĐ-CP ngày 9/1/2006. Ngày 12/06/2006, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 843/2006/QĐ-TTg bổ nhiệm các thành viên của Hội đồng Cạnh tranh. Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh là Ông Phan Thế Ruệ, nguyên Thứ trưởng Bộ Thương mại; 2 Phó Chủ tịch là các ông Đinh Trung Tụng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp và Trương Chí Trung, Thứ trưởng Bộ Tài chính cùng 8 vị Ủy viên Hội đồng. Ngày 8/8/2008, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1076/QĐ-TTg cử ông Lê Danh Vĩnh, Thứ trưởng Bộ Công thương kiêm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh, thay cho ông Phan Thế Ruệ.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

(iii) **Cơ quan đăng ký kinh doanh** (Bộ Kế hoạch Đầu tư và các Sở Kế hoạch – Đầu tư) thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh trong các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh.

(iv) **Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành** (*Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,...*) thực hiện chức năng thẩm định, cấp phép đối với các trường hợp tập trung kinh tế trong lĩnh vực chuyên ngành theo pháp luật.

7. Đánh giá về môi trường pháp lý của hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam

Qua việc phân tích pháp luật cạnh tranh về tập trung kinh tế và các quy định có liên quan trong một số lĩnh vực pháp luật khác trên đây, có thể đưa ra một số đánh giá khái quát trên tinh thần pháp luật về tập trung kinh tế tại Việt Nam hiện nay về cơ bản đã hình thành với đầy đủ những nội dung cần thiết về quy định pháp lý, thể chế giám sát, kiểm soát tập trung kinh tế. Các quy định về các vấn đề này về cơ bản được xây dựng theo đúng truyền thống của pháp luật cạnh tranh hiện đại. Tuy nhiên, vì ra đời trong bối cảnh một nền kinh tế chuyển đổi, nên môi trường pháp lý về tập trung kinh tế vẫn còn một số điểm khiếm khuyết cần được bổ sung, hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, Luật Cạnh tranh chưa đề cập đến việc kiểm soát đối với tập trung kinh tế theo chiều dọc, tập trung kinh tế hỗn hợp; trong các hình thức tập trung kinh tế vẫn chưa đề cập đến hình thức liên kết bằng cách có chung đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Những dạng tập trung kinh tế này, có khả năng xảy ra trong tương lai cùng với sự đa dạng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên thị trường, và vẫn có thể gây hạn chế cạnh tranh ở mức độ nhất định trong những điều kiện nhất định.

Thứ hai, Ngoài các quy định có nội dung khái quát và mang tính nguyên tắc trong mục 3 chương II Luật Cạnh tranh, và tại Mục 5, Chương II – Nghị định số 116/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 09 năm 2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh, hiện nay vẫn chưa có các hướng dẫn cụ thể. Luật Cạnh tranh vẫn chưa có quy định để trao quyền cho cơ quan quản lý cạnh tranh trong việc xây dựng nội dung thẩm tra trong thủ tục thông báo, thủ tục miễn trừ các trường hợp tập trung kinh tế và quy chế kiểm soát tập trung kinh tế. Nếu khung pháp lý này được hoàn thiện, doanh nghiệp có thể hình dung được phạm vi của quyền tự do kinh doanh liên quan đến hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại, góp vốn thành lập doanh nghiệp... mà họ muốn thực hiện.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Thứ ba, về tổng thể pháp luật liên quan đến tập trung kinh tế bao gồm các quy định thuộc nhiều chế định pháp luật khác nhau, trong đó cơ bản là pháp luật về tổ chức lại doanh nghiệp, pháp luật về thực hiện quyền góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn góp...; pháp luật đầu tư, pháp luật chứng khoán... Trong các lĩnh vực này, bước đầu đã có sự quan tâm ở mức độ nhất định đến việc kiểm soát kinh tế bằng quy định dẫn chiếu đến các quy định của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa các thủ tục kiểm soát tập trung kinh tế với thủ tục quản lý nhà nước trong việc đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư..., chưa có quy chế liên kết làm việc giữa cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát tập trung kinh tế là Cục QLCT với các cơ quan quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nói trên. Mặc dù đã có sự liên kết về mặt pháp lý nhưng thiếu quy định về cơ chế phối hợp trong quá trình thực thi thì việc kiểm soát tập trung kinh tế trên thực tế là khó thực hiện.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2008

1. Môi trường kinh tế vĩ mô của hoạt động tập trung kinh tế

1.1. Một số chỉ số kinh tế vĩ mô

Kể từ tháng 1/2007, Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Sự kiện quan trọng này đem lại cho Việt Nam cả những lợi ích cũng như những thách thức và nghĩa vụ phải thực thi theo các cam kết gia nhập. Để đạt được mục tiêu trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, Chính phủ đã thực thi hàng loạt các chính sách phát triển kinh tế như tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường đầu tư vào nguồn nhân lực, cải cách hành chính, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển doanh nghiệp dân doanh, kiểm chế lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội.

Bối cảnh nền kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua đã có những chuyển biến vượt bậc, với những thành quả chính như sau¹⁵:

- ✓ Tổng sản phẩm trong nước qua 3 năm kể từ 2005-2007 tăng lần lượt là 8,48%; 8,17% và 8,44%. GDP đạt mức 71,3 tỷ USD, và bình quân đầu người đạt 835 USD, là kết quả quan trọng để nước ta thực hiện sớm mục tiêu thoát khỏi nước nghèo và kém phát triển.
- ✓ Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng tăng cao nhất, với tỷ trọng trong GDP tăng lên đến gần 42%. Nhóm ngành dịch vụ cũng tăng cao hơn tốc độ chung, nên tỷ trọng trong GDP đạt trên 38% và là năm thứ 3 liên tục tăng lên. Xu hướng trên là phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và mở cửa hội nhập.
- ✓ Số lượng doanh nghiệp tăng lên nhanh chóng, đặc biệt kể từ sau khi Luật Doanh nghiệp được ban hành. Quá trình đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Năm 2000, cả nước có 42.288 cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động thì đến hết năm 2007, con số đó là 183.920 (tăng 335%). Chỉ tính riêng năm 2007, cả nước đã có thêm 58.916 doanh nghiệp được đăng ký mới (chiếm gần 1/3 tổng số doanh nghiệp hoạt động)¹⁶. Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, tính đến hết năm 2007, đã cổ

¹⁵ Các số liệu trong phần này lấy từ nguồn của Tổng cục Thống kê và công bố của các cơ quan nhà nước (nếu không có chú thích riêng).

¹⁶ Theo “Báo cáo thường niên – Doanh nghiệp Việt Nam 2007” của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố tháng 7/2008.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

phần hóa được 3.756 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp nhà nước trong tổng số 5.366 doanh nghiệp được sắp xếp¹⁷. Trong số đó có nhiều doanh nghiệp nhà nước có quy mô vốn nhà nước lớn (trên 1.000 tỷ đồng) như Công ty Phân đạm và hóa chất dầu khí, Bảo Việt, Vietcombank, Nhiệt điện Phả Lại, Sabeco, Habeco,...

✓ Trong tổng vốn đầu tư phát triển, khu vực dân doanh tăng cao nhất (19,4%) với đóng góp trên một phần ba tổng số. Vốn đầu tư nước ngoài đạt kỷ lục mới ở cả 3 nguồn. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp đăng ký mới và bổ sung đạt 20,3 tỷ USD, tăng tới 68,8% so với mức kỷ lục đạt được trong năm trước, vốn thực hiện ước đạt 6-8 tỷ USD. Diễn đàn Liên hiệp quốc về Thương mại và phát triển xếp Việt Nam đứng thứ 6 trong số 141 nước về mức độ hấp dẫn đầu tư nước ngoài¹⁸. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức cam kết và giải ngân đạt kỷ lục (4,4 tỷ USD và 2 tỷ USD), cam kết cho năm 2008 đạt kỷ lục mới (5,4 tỷ USD). Nguồn vốn đầu tư gián tiếp (FII) ước đạt 5,6 tỷ USD, lớn gấp 4,3 lần năm trước.

✓ Mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng gia tăng. Giá trị trao đổi ngoại thương đã tăng đáng kể trong năm 2007, với giá trị xuất khẩu đạt 48,4 tỷ USD, tăng 35,5% so với năm 2006. Giá trị xuất khẩu 11 tháng năm 2008 đạt 34 tỷ USD (giảm so với năm 2007) cho thấy nền kinh tế của nước ta cũng đã chịu tác động phần nào từ tình hình suy thoái kinh tế thế giới.

Bên cạnh những kết quả rất tích cực nêu trên, kinh tế Việt Nam cũng còn một số hạn chế, bất cập và đứng trước những thử thách không nhỏ. Những thách thức lớn nhất của nền kinh tế là:

✓ Giá tiêu dùng tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP và không đạt được mục tiêu do Quốc hội đề ra. Nhập siêu cao gấp gần 2,5 lần năm 2006 (12,45 tỷ USD so với gần 5,1 tỷ USD); tỷ lệ nhập siêu cũng cao gấp đôi (25,6% so với 12,7%) do nhu cầu tăng đột biến về máy móc thiết bị, tăng giá các nguyên vật liệu đầu vào và sự sụt giảm sức mua của VNĐ cùng với sự mất giá của USD. Mặc dù mức thâm hụt thương mại gia tăng tạo nên những khó khăn của cân đối vĩ mô, nhưng quá trình tiếp tục hội nhập của Việt Nam với kinh tế thế giới tạo ra cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài hướng tới các ngành hướng về xuất khẩu cũng như các ngành phục vụ cho tiêu dùng trong nước.

¹⁷ Theo Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp – tháng 7/2008

¹⁸ Báo cáo *Khảo sát triển vọng đầu tư thế giới 2007 – 2009* của UNCTAD



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

- ✓ Hiệu quả, sức cạnh tranh, hạ tầng cơ sở, nguồn nhân lực còn ở trình độ thấp. Tăng trưởng cao đạt được chủ yếu do yếu tố số lượng vốn và số lượng lao động, còn tác động của yếu tố năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn còn thấp (chỉ chiếm trên 20%, vừa chỉ bằng 1/4 yếu tố trên và chỉ bằng một nửa những nước trong khu vực).
- ✓ Đến cuối năm 2007, chỉ số VN Index của thị trường chứng khoán lên đến 918 điểm, tăng 24% so với thời điểm cuối năm 2006, trong đó mức cao nhất là 1170 đạt được vào tháng 3/2007. Giá trị vốn hóa của các cổ phiếu niêm yết đạt 40% GDP (khoảng 30 tỷ USD), tăng so với mức 23% của năm 2006 và chỉ 1,2% của năm 2005. Thị trường giao dịch phi tập trung (OTC) tiếp tục tăng trưởng nhanh. Nhiều công ty đã xem xét việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, đến thời điểm cuối năm 2008, chỉ số này đã điều chỉnh xuống ở mức 300 điểm làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và IPO. Thị trường bất động sản cũng sụt giảm mạnh so với thời điểm cuối năm trước.
- ✓ Lạm phát gia tăng, ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận lớn người dân với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng lên tới 12,63% trong năm 2007 và tính tới hết tháng 11 năm 2008, chỉ số này là trên 23%.
- ✓ Chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm tăng trưởng tín dụng nhằm chặn đứng lạm phát đã làm cho nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động, phải tính tới phương án mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp để trụ được trên thị trường và tìm kiếm cơ hội phát triển.
- ✓ Năng suất, hiệu quả của nền kinh tế chưa cao. Hệ số sử dụng vốn (ICOR) của Việt Nam trong năm 2007 xấp xỉ 5 lần, cao hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực (khoảng 2-3 lần).
- ✓ Khả năng hấp thụ vốn đầu tư nước ngoài còn thấp. Tỷ lệ vốn đầu tư trên vốn cam kết thông thường chỉ xấp xỉ 20%. Báo cáo “*Kinh doanh tại Việt Nam 2008*” của Ngân hàng Thế giới xếp Việt Nam thứ 91 trong tổng số 141 nền kinh tế về sự thuận lợi của việc kinh doanh.

1.2. Các điều kiện khách quan tác động đến xu thế tập trung kinh tế

Thứ nhất, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay, sự gia tăng hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia tại các quốc gia đang phát triển và nhiều tiềm năng như Việt Nam là một xu thế tất yếu. Mặt khác, tiến trình tự do hóa thương mại, đầu tư được đẩy nhanh như là hệ quả tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế sẽ làm giảm đáng kể



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

các rào cản gia nhập thị trường. Bối cảnh khách quan này sẽ là một yếu tố thúc đẩy nhanh quá trình tập trung kinh tế ở Việt Nam xét dưới góc độ tiếp cận và gia nhập thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, với thực trạng một nền kinh tế mà trên 90% là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm năng kinh tế bị hạn chế, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh kém, công nghệ chậm hơn thế giới từ một đến hai thế hệ, trình độ quản lý lạc hậu và khả năng tự đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp thấp,... trong khi áp lực mở cửa nền kinh tế buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh một cách ngang bằng với các đối thủ quốc tế mạnh hơn về nhiều phương diện, cạnh tranh không ngang sức trên một sân chơi nên áp lực buộc các doanh nghiệp phải thực hiện tập trung kinh tế để tăng quy mô kinh doanh, tận dụng những lợi thế của nhau và cơ cấu, định vị lại vị trí trên thị trường. Đây là một điều kiện khách quan dẫn đến việc sáp nhập, mua lại, thôn tính các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường, có thể là trong cùng thị trường liên quan hoặc trên các thị trường liên quan khác nhau đơn giản vì lý do tài chính.

Thứ ba, với mục tiêu xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế mạnh trong một số lĩnh vực kinh tế chủ chốt của đất nước nhằm tạo sức mạnh “đôi trọng” với các tập đoàn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam sẽ xuất hiện cùng với việc mở cửa thị trường trong nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế. Mục tiêu này, về lâu dài cũng nhằm tạo ra các tập đoàn kinh tế có sức mạnh thị trường để ngăn ngừa nguy cơ hình thành các doanh nghiệp nước ngoài có sức mạnh và “khả năng thao túng thị trường”. Chính vì vậy, xu thế hình thành các tập đoàn kinh tế nhà nước có thể được coi là một xu thế “chủ động” và “đón đầu” thông qua các hoạt động tập trung kinh tế, trong đó tập trung vào hai hình thức mua lại và sáp nhập (M&A). Tuy nhiên, tiếp cận từ mặt trái của vấn đề, cũng có thể thấy cùng với xu hướng chủ động này thì chính sách khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền sẽ dẫn tới bất lợi cho chính các Tổng công ty tham gia Tập đoàn khi mà nhiều Tập đoàn kinh tế nhà nước đã chi phối thị phần trong một số ngành, lĩnh vực ngoài lĩnh vực độc quyền nhà nước. Chính vì vậy, hoạt động tập trung kinh tế trong xu thế hình thành tập đoàn như thế này thì xét từ góc độ quản lý nhà nước là hành vi không chỉ xuất phát từ yêu cầu nội tại của doanh nghiệp.

Thứ tư, hiện nay môi trường đầu tư tại Việt Nam được đánh giá là cao cùng với những cam kết của Chính phủ trong lộ trình gia nhập WTO nên luồng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam cũng có nhiều cơ hội “thâu tóm” các doanh nghiệp trong nước theo lộ trình cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua toàn bộ doanh nghiệp hoạt động trong các



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

ngành nghề, lĩnh vực không thuộc cam kết của Việt Nam về quyền kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, một điểm hết sức đáng lưu ý là những biến động bất lợi của kinh tế thế giới thời gian vừa qua đã có những tác động nhất định tới nền kinh tế của nước ta, vốn phụ thuộc khá lớn vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Hiện nay, kinh tế thế giới đang rơi vào thời kỳ suy thoái, và hầu như các nền kinh tế có sức mạnh trên thế giới như Mỹ, EU, Nhật bản, Hàn quốc... đều đã phải đưa ra những giải pháp trọn gói để “cứu” nền kinh tế vượt qua thời kỳ suy thoái. Về phía doanh nghiệp, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của sự suy thoái đã buộc phải tái cấu trúc doanh nghiệp theo nhiều hình thức. Trong đó, tập trung kinh tế (mua bán, sáp nhập) là những loại hình phổ biến xảy ra và các giao dịch này thường thành công trong những giai đoạn kinh tế suy thoái (*lịch sử kinh doanh đã minh chứng điều này*). Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, nền kinh tế của nước ta cũng đã có nhiều biến động trong năm 2008, từ chỗ nền kinh tế phát triển quá “nóng” dẫn đến lạm phát vào nửa đầu năm 2008 thì nay đang chuyển sang thời kỳ “giảm phát” theo tình hình chung của kinh tế thế giới. Bối cảnh này cũng là một yếu tố khách quan có tác động lớn tới xu thế tập trung kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

2. Mức độ tập trung kinh tế

2.1. Các chỉ số đo lường mức độ tập trung kinh tế

Tại hầu hết các quốc gia có pháp luật về cạnh tranh, mức độ tập trung của một ngành được cơ quan quản lý cạnh tranh sử dụng như một chỉ số xác định quy mô tương đối của các doanh nghiệp trong quan hệ với toàn bộ các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Các chỉ số này cũng có thể giúp xác định dạng thị trường của ngành. Các chỉ số tập trung thường được sử dụng nhất là *tỷ lệ tập trung mức 3 hoặc 5 doanh nghiệp* (CR3 và CR5 – viết tắt từ thuật ngữ *Concentration Ratio*), và chỉ số *HHI* (Hirschman – Herfindahl Index). Cách thức xác định các chỉ số này như sau:

$$CR_i = \sum_{i=1}^n S_i$$

Trong đó s_i là thị phần của doanh nghiệp lớn thứ i trong ngành; $n = 3$ hoặc 5 tùy trường hợp cần xác định CR3 hay CR5.

Ví dụ, CR3 = 70% hàm ý rằng 3 doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường đã chiếm tới 70% thị phần.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Chỉ số HHI có 2 cách tính:

$$HHI = \sum_{i=1}^n S_i^2 \quad (1)$$

Trong đó N là tổng số doanh nghiệp và s_i là thị phần của doanh nghiệp thứ i trong ngành.

Chỉ số HHI (hoặc Chỉ số Herfindahl¹⁹) được sử dụng để đo lường quy mô của doanh nghiệp trong mối tương quan với ngành và là một chỉ báo về mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành và thường được tính bằng tổng bình phương thị phần của các doanh nghiệp và có giá trị từ 0 đến 10.000.

Khi tất cả các doanh nghiệp trong ngành đều có thị phần bằng nhau thì $HHI = 1/N \cdot 10.000$.

Chỉ số HHI có thể xác định bằng cách khác:

$$HHI = \frac{1}{n} + nV \quad (2)$$

Trong đó: n là số doanh nghiệp và V là phương sai thống kê của thị phần các doanh nghiệp, được xác định bằng công thức:

$$V = \frac{\sum_{i=1}^n (S_i - \frac{1}{n})^2}{n}$$

Nếu tất cả các doanh nghiệp có thị phần bằng nhau (có nghĩa là nếu cấu trúc thị trường là hoàn toàn cân xứng, tức $s_i = 1/n$ đối với mọi i) thì $V = 0$ và $H = 1/n$. Nếu số lượng doanh nghiệp là không đổi, thì phương sai lớn hơn do mức độ bất đối xứng về thị phần giữa các doanh nghiệp sẽ tạo ra giá trị chỉ số cao hơn.

Dựa vào các mức độ tập trung, có thể phân loại thị trường thành các dạng như sau:

- *Cạnh tranh hoàn hảo*, với tỷ lệ tập trung rất nhỏ
- *Cạnh tranh một cách tương đối*, $CR3 < 65\%$, mức độ tập trung trung bình
- *Độc quyền nhóm (Oligopoly) hoặc có vị trí thống lĩnh thị trường*, $CR3 > 65\%$ ²⁰, mức độ tập trung cao
- *Độc quyền*, $CR1$ xấp xỉ 100%

¹⁹ Được đặt theo tên của 2 nhà kinh tế học Orris C. Herfindahl và Albert O. Hirschman

²⁰ Theo Điều 11 Luật Cạnh tranh, nhóm 3 doanh nghiệp (CR3) có tổng thị phần từ 65% trở lên trên thị trường liên quan được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Theo thông lệ quốc tế, các cơ quan quản lý cạnh tranh thường phân loại các thị trường theo cơ sở sau:

$HHI < 1.000$: *Thị trường không mang tính tập trung*

$1.000 \leq HHI \leq 1.800$: *Thị trường tập trung ở mức độ vừa phải*

$HHI > 1.800$: *Thị trường tập trung ở mức độ cao*

Ưu điểm chủ yếu của chỉ số HHI so với các cách đo khác (chẳng hạn như *tỷ lệ tập trung - CR*) là đã tính tỷ trọng lớn hơn đối với các doanh nghiệp lớn.

Giả sử có 2 trường hợp trong đó 6 doanh nghiệp lớn nhất chiếm thị phần 90% về sản lượng:

- Trường hợp 1: Cả 6 doanh nghiệp đều có thị phần 15%.

- Trường hợp 2: Một doanh nghiệp chiếm 80%, và 5 doanh nghiệp còn lại chỉ chiếm 20% thị phần.

Giả định rằng 10% sản lượng còn lại được chia đều cho 10 doanh nghiệp quy mô bằng nhau. Tỷ lệ tập trung của 6 doanh nghiệp đều là 90% đối với cả 2 trường hợp, nhưng ở trường hợp 1 cạnh tranh có thể quyết liệt hơn, còn trường hợp 2 có thể coi gần như là độc quyền. Chỉ số HHI cho thấy rõ điều này:

Ở trường hợp 1: $HHI = 6 \cdot 15^2 + 10 \cdot 1^2 = 1.360$

Ở trường hợp 2: $HHI = 8^2 + 5 \cdot 2^2 + 10 \cdot 1^2 = 6.430$

Đối với vụ việc tập trung kinh tế, đây là chỉ số ban đầu khi cơ quan quản lý cạnh tranh xem xét đến sự thay đổi về cấu trúc thị trường.

Ví dụ: 5 công ty có thị phần lần lượt là 15%, 15%, 20%, 20% và 30% sẽ có $HHI = 2.150$. Một vụ sáp nhập diễn ra giữa công ty chiếm 30% và 15% sẽ làm tăng chỉ số HHI lên 3.050.

Pháp luật về cạnh tranh của nhiều nước quy định mức độ tập trung kinh tế và chỉ số HHI là cơ sở ban đầu cho việc rà soát vụ việc tập trung kinh tế²¹.

²¹ Chẳng hạn, Hoa Kỳ, Ireland quy định rà soát các vụ sáp nhập trong các ngành có HHI từ 1000 trở lên; Mexico rà soát có vụ sáp nhập trong ngành có HHI từ 2000 trở lên và vụ sáp nhập dẫn đến mức tăng HHI trên 75 điểm.

Tuy nhiên, không thể chỉ dựa vào chỉ số HHI khi điều tra về tác động hạn chế cạnh tranh của một vụ tập trung kinh tế. Để ngăn chặn một vụ sáp nhập, cần có bằng chứng của việc suy giảm cạnh tranh một cách đáng kể có thể diễn ra và theo đó, phúc lợi xã hội có thể bị giảm bằng nhiều yếu tố khác.

Cũng lưu ý rằng chỉ số CR, HHI trong báo cáo này không được coi là thị phần của doanh nghiệp trên thị trường liên quan trong các điều tra, xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, vụ việc tập trung kinh tế mà chỉ được



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Ngoài các chỉ số thường dùng trên, một số các chỉ số khác cũng được áp dụng để đo lường mức độ tập trung kinh tế, trong đó có thể kể đến:

(i) *Chỉ số tập trung tuyệt đối*: là giá trị trung bình của phân phối mô-men cấp 1

$$\bar{X}_1 = \sum x_i^2 / x_i = \sum x_i H$$

(ii) *Chỉ số Rosenbluth*:

$$R = \frac{1}{2 \sum i s_i - 1}$$

Trong đó i là thứ hạng của doanh nghiệp xếp theo thị phần từ cao xuống thấp

(iii) *Chỉ số tập trung hỗn hợp* (Comprehensive concentration index)

$$CCI = s_1 + \sum_{i=2}^N s_i^2 (2 - s_i)$$

Trong đó s_1 là thị phần của doanh nghiệp lớn nhất.

(iv) *Chỉ số Linda*

$$L = \frac{1}{N(N-1)} \sum_{i=1}^{N-1} Q_i$$

Trong đó Q_i là tỷ lệ giữa thị phần trung bình của i doanh nghiệp đầu tiên và $(N-i)$ doanh nghiệp còn lại. Chỉ số này được dùng để đo lường sự chênh lệch trong nội bộ một nhóm doanh nghiệp, qua đó có thể xác định được nhóm doanh nghiệp thống lĩnh thị trường và nhóm doanh nghiệp chỉ có ý nghĩa nhỏ xét trên mức độ ảnh hưởng tới thị trường. Chỉ số này cho biết mức độ mà i doanh nghiệp dẫn đầu không chế $N-i$ doanh nghiệp tiếp theo trong thị trường như thế nào. Chỉ số này đã được sử dụng ở Liên minh châu Âu.

2.2. Chỉ số tập trung kinh tế tại Việt Nam

2.2.1. Nguồn số liệu

Các kết quả tính toán, phân tích trong phần này được Cục QLCT thực hiện dựa trên các nguồn số liệu sau:

coi là chỉ số tham khảo trong việc nhìn nhận cấu trúc thị trường trong mỗi ngành kinh tế.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

- (1) Kết quả điều tra các cơ sở sản xuất kinh doanh của Tổng cục Thống kê trong các năm từ 2004-2006, được phân chia đến nhóm ngành cấp II trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân (VSIC). Tổng số đơn vị được rà soát là 131.318 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các thành phần kinh tế trong 81 nhóm ngành;
- (2) Cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp, dự án có vốn đầu tư nước ngoài do Cục Đầu tư nước ngoài quản lý (tính tới hết năm 2006 là 4220 doanh nghiệp);
- (3) Dữ liệu về các doanh nghiệp đã nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế và tham vấn trực tiếp với Cục QLCT, các kết quả điều tra, nghiên cứu thị trường do Cục QLCT tiến hành;
- (4) Số liệu chính thức của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Thuế, các Hiệp hội ngành hàng, ngành nghề;
- (5) Các báo cáo của các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam;
- (6) Công bố thông tin của doanh nghiệp;
- (7) Các nguồn khác.

2.2.2. Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất theo CR3

Theo số liệu về doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường Việt Nam, 20 nhóm ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất đều có CR3 (tức tổng thị phần của 3 doanh nghiệp lớn nhất) trên 50%. Một số nhóm ngành đáng chú ý trong số đó là: ngành xử lý ô nhiễm và quản lý chất thải đặc biệt (100%), khai thác dầu thô và khí tự nhiên (99,97%), viễn thông (85,96%), vận tải hàng không (76,25%), sản xuất sản phẩm thuốc lá (57,74%).

Xét về từng doanh nghiệp cụ thể, một số doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong các nhóm ngành có thể kể đến: Vietsovpetro (78% - khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên), VNPT (53% - viễn thông), Vietnam Airlines (51% - vận tải hàng không), Agribank (43% - dịch vụ tài chính – ngân hàng), Hualon Corporation Vietnam (33% - dệt), Nhà xuất bản Giáo dục (27% - xuất bản), Canon Vietnam (25% - sản xuất hàng điện tử), Công ty thuốc lá Sài Gòn (24% - sản xuất thuốc lá), Honda Vietnam (24% - sản xuất xe máy), Toyota Vietnam (21% - sản xuất ô tô). Danh sách các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao có thể được các Sở Kế hoạch Đầu tư tại các địa phương tham khảo khi tiếp nhận hồ sơ thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do nguyên nhân mua lại, hợp nhất, sáp nhập và liên doanh để có hướng dẫn phù hợp cho doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật về cạnh tranh.

Nhìn vào bảng các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất theo CR3 (mức độ tập trung



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

kinh tế của 03 doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất trong lĩnh vực đó), có thể thấy chỉ số này phản ánh khá rõ thực trạng các ngành công nghiệp của nước ta và cũng thể hiện được đặc điểm của một nước có nền kinh tế chuyển đổi. Cụ thể là:

- Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao (trên 65%) đều là các lĩnh vực công ích, là các lĩnh vực mà khu vực tư nhân ít đầu tư (xử lý ô nhiễm và quản lý chất thải; hoạt động thư viện, lưu trữ và bảo tàng; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung;...) và các ngành đang dần chuyển từ độc quyền nhà nước sang mở cửa cạnh tranh như dịch vụ tài chính, vận tải hàng không, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên,...
- Đối với một nước đang chuyển đổi, quy mô nền kinh tế còn nhỏ so với các nước phát triển (*cũng nên lưu ý là việc đo lường các chỉ số tập trung ở đây thường được áp dụng tại các nước phát triển, với quy mô nền kinh tế lớn nên việc áp dụng chỉ số này đối với Việt Nam có thể không đo lường và phản ánh được đầy đủ các vấn đề cạnh tranh tiềm ẩn sau các chỉ số đó*), chỉ số tập trung thị trường cao tương đối ($CR3 > 65\%$) có thể là khó tránh khỏi khi quy mô kinh tế tối thiểu trên thị trường liên quan là lớn xét theo nhu cầu của thị trường. Điều này không có nghĩa là không có khả năng xảy ra các hành vi phản cạnh tranh do các doanh nghiệp này thực hiện trên thị trường.

Tóm lại, trong bối cảnh của nước ta hiện nay, việc xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất theo CR3 hàng năm là hết sức cần thiết và hữu ích cho cả khối doanh nghiệp và các cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan quản lý cạnh tranh. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước, đây là một cơ sở dữ liệu để cơ quan quản lý cạnh tranh lựa chọn lĩnh vực thực hiện Báo cáo giám sát cạnh tranh trong lĩnh vực đó hàng năm và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện cũng như là cơ sở để theo dõi và cập nhật số liệu các giao dịch tập trung kinh tế trong các lĩnh vực cụ thể. Về phía khối doanh nghiệp, đây cũng là một cơ sở thông tin tốt để doanh nghiệp lựa chọn các lĩnh vực đầu tư hoặc mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hình 2.1: Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất năm 2006 theo CR3





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Cục Quản lý Cạnh tranh tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê (2006)

2.2.3. Các ngành có mức độ tập trung kinh tế thay đổi lớn nhất theo CR3 trong 3 năm (từ 2004-2006)

Sau 3 năm, từ năm 2004 đến năm 2006, những ngành có mức độ tập trung kinh tế tăng và giảm nhiều nhất được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Các ngành có CR3 giảm nhiều nhất

STT	Ngành	Mức thay đổi (%)
1	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước	□52.81%
2	Sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính	□51.14%
3	Các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính tiền tệ	□46.82%
4	Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình	□42.47%
5	Các hoạt động liên quan đến bất động sản	□40.05%

Nguồn: Cục Quản lý Cạnh tranh tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng 2.2: Các ngành có CR3 tăng nhiều nhất



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

STT	Ngành	Mức thay đổi (%)
1	Dệt	□183.93%
2	Bán lẻ (trừ xe có động cơ mô tô, xe máy), sửa chữa đồ	□70.59%
3	Các hoạt động phụ trợ cho vận tải, kinh doanh du lịch	□37.63%
4	Bán buôn và đại lý (trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy)	□32.95%
5	Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất	□26.76%

Nguồn: Cục Quản lý Cạnh tranh tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Các ngành có CR3 giảm đều là những ngành có sự phát triển mạnh trong những năm vừa qua. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp mới (đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) tham gia vào các thị trường này làm cho thị phần không còn tập trung vào một số ít doanh nghiệp như trước nữa. Chẳng hạn, chỉ sau 3 năm, từ năm 2004 đến hết năm 2006, trong 5 ngành có CR3 giảm nhiều nhất, số lượng thuần doanh nghiệp mới gia nhập đã tăng gần 125%, từ 2.464 lên 5.489 doanh nghiệp.

Ngược lại, đối với các ngành có chỉ số CR3 tăng, điều này có thể hàm ý rằng, (1) đã có nhiều doanh nghiệp rút lui khỏi ngành hoặc cơ cấu lại do sự thay đổi của điều kiện thị trường; (2) thị phần trong ngành ngày càng tập trung vào một số ít doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Một trường hợp điển hình là ngành dệt. Tại thời điểm năm 2004, 3 doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong ngành là Công ty TNHH Sợi Tainan (Việt Nam), Công ty Dệt Phong Phú và Công ty Dệt may Hà Nội (thị phần lần lượt là 6%, 5% và 4%) thì đến hết năm 2006, hai doanh nghiệp có thị phần thứ 2 và thứ 3 đã phải nhường các vị trí cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ba công ty TNHH Hualon Corporation Việt Nam, Hưng Nghiệp Formosa và Sợi Tainan (Việt Nam) đã chiếm lĩnh tới trên 40% thị phần. Hơn 1.000 doanh nghiệp khác trong ngành này nắm giữ 60% thị phần còn lại.

2.2.4. Mức độ tập trung kinh tế theo chỉ số HHI

Có 14 ngành được coi là có mức độ tập trung kinh tế cao ($HHI > 1800$) và 31 ngành có mức độ tập trung kinh tế thấp ($HHI < 1000$). Các ngành có HHI cao cũng là nằm trong danh sách các ngành có CR3 cao. Mặt khác, hệ số tương quan giữa 2 chỉ số này qua các năm cũng rất cao (từ 0,87 – 0,9) hàm ý rằng chúng có mối quan hệ thuận chiều.

Bảng 2.3: Các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Ngành	Số DN	HHI
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	10	9877,14
Hoạt động dịch vụ thông tin	65	7960,98
Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung	11	6935,25
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	7	6472,62
Hoạt động phát thanh, truyền hình	30	5239,62
Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	91	3605,00
Thoát nước và xử lý nước thải	25	3519,14
Viễn thông	354	3438,07
Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác	7	3364,26
Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng	6	3335,10
Vận tải hàng không	13	3074,20
Nghiên cứu khoa học và phát triển	32	3049,06
Bưu chính và chuyển phát	119	2937,99
Hoạt động dịch vụ tài chính	1519	2253,86

Bảng 2.4: Các ngành có mức độ tập trung kinh tế thấp

Ngành	Số DN	HHI
Lâm nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan	328	279,70
Nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan	765	282,33
Cho thuê máy móc, thiết bị	400	302,96
Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	2153	309,79
Sản xuất máy móc, thiết bị	546	329,30
Hoạt động của các đại lý du lịch	833	347,62
Vận tải đường thủy	754	376,87
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	599	379,73
Sản xuất kim loại	476	412,99
Kinh doanh bất động sản	1717	434,27
Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	173	443,83



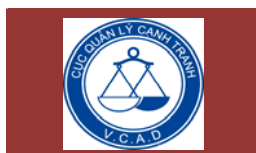
TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	774	471,38
Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	1631	474,25
Hoạt động điều tra đảm bảo an toàn	208	565,11
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế	178	589,44
Sản xuất xe có động cơ	270	606,91
Hoạt động dịch vụ liên quan đến khu nhà, công trình	283	616,03
Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình	127	637,14
Khai thác than cứng và than non	67	669,98
Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn	953	671,32
Hoạt động y tế	240	716,03
Dịch vụ ăn uống	1903	748,88
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	257	758,14
Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán	392	766,12
Hoạt động tài chính khác	95	792,12
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	201	817,32
Sản xuất phương tiện vận tải khác	465	857,30
Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	479	870,43
Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	247	878,71
Sản xuất đồ uống	1011	920,10
Khai thác quặng kim loại	99	937,97

Nguồn: Cục Quản lý Cạnh tranh tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Tuy nhiên, từ dữ liệu thống kê, chỉ có thể đánh giá rằng mối quan hệ giữa số lượng doanh nghiệp và mức độ tập trung kinh tế là có quan hệ ở mức trung bình chứ không hẳn rất chặt chẽ theo hướng nhất thiết biến động ngược chiều (số lượng doanh nghiệp ít thì mức độ tập trung kinh tế cao). Các tính toán từ bảng dưới đây cho thấy hệ số tương quan giữa số lượng doanh nghiệp và chỉ số HHI là thấp nhất (xấp xỉ 0.25 theo giá trị tuyệt đối). Hệ số hồi quy tương quan giữa số lượng doanh nghiệp và CR3, CR5 có cao hơn nhưng cũng không vượt quá 0.5 theo giá trị tuyệt đối.

Bảng 2.5: Hệ số tương quan giữa số lượng doanh nghiệp và mức độ tập trung



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

qua các năm

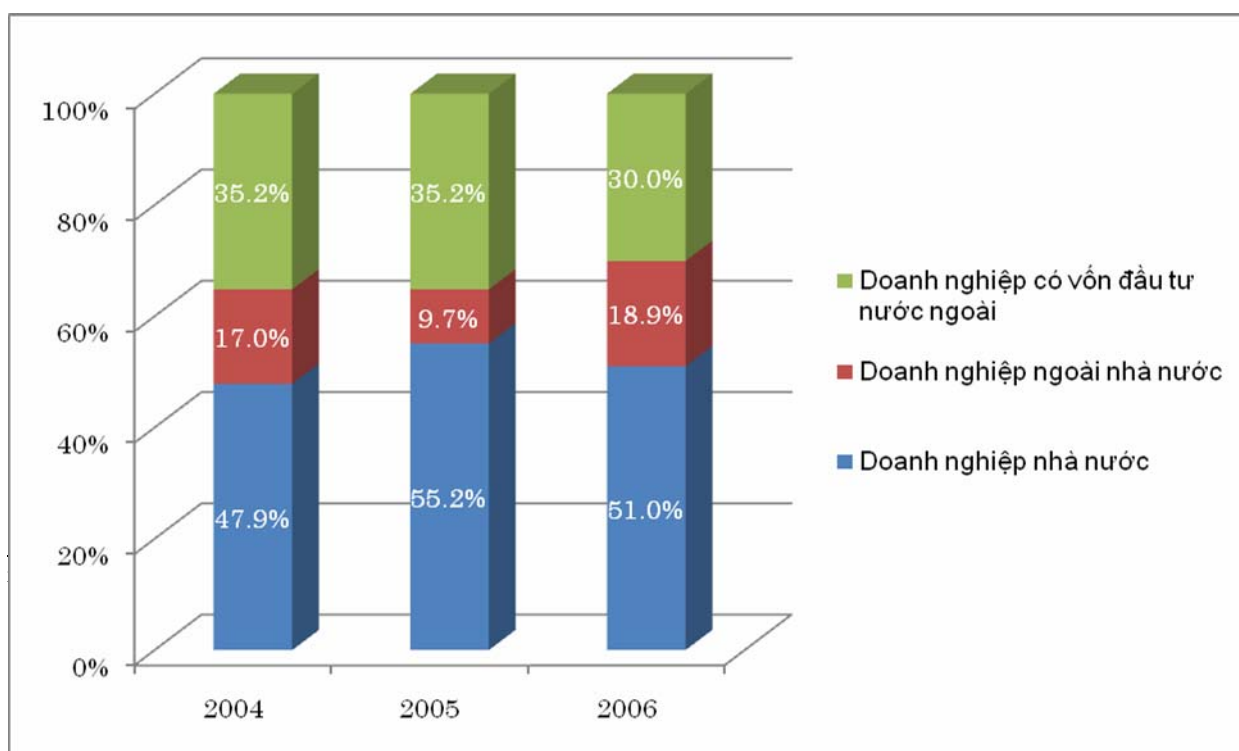
Chỉ số	2004	2005	2006
N/CR3	-0.4095	-0.3756	-0.3151
N/CR5	-0.4619	-0.4206	-0.3478
N/HHI	-0.2345	-0.2442	-0.2178
CR3/CR5	0.9860	0.9881	0.9857
CR3/HHI	0.8843	0.9017	0.8715

Nguồn: Cục Quản lý cạnh tranh

2.2.5. Cơ cấu sở hữu trong nhóm doanh nghiệp có thị phần cao

Xét về cơ cấu sở hữu trong nhóm các doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong các ngành, khối doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng nhiều nhất (trên dưới 50% số doanh nghiệp), tiếp theo là khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 30 – 35% số doanh nghiệp). Các doanh nghiệp tư nhân chỉ chiếm không tới 20% trong số các doanh nghiệp chiếm thị phần lớn (Hình 2.2). Kết quả đó cũng tương đối dễ hiểu vì tuyệt đại đa số trong số hơn 120.000 doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có quy mô vốn điều lệ không quá 10 tỷ đồng (91%) và số lao động thường xuyên không quá 300 người (98,77%). Trong khi đó, chỉ riêng 76 tập đoàn, tổng công ty nhà nước đóng góp tới 40% giá trị sản lượng hàng hóa, dịch vụ trong GDP, 28,8% tổng thu nội địa (không kể thu dầu thô và thuế xuất nhập khẩu)²².

Hình 2.2: Cơ cấu sở hữu trong nhóm CR3 của các ngành kinh tế



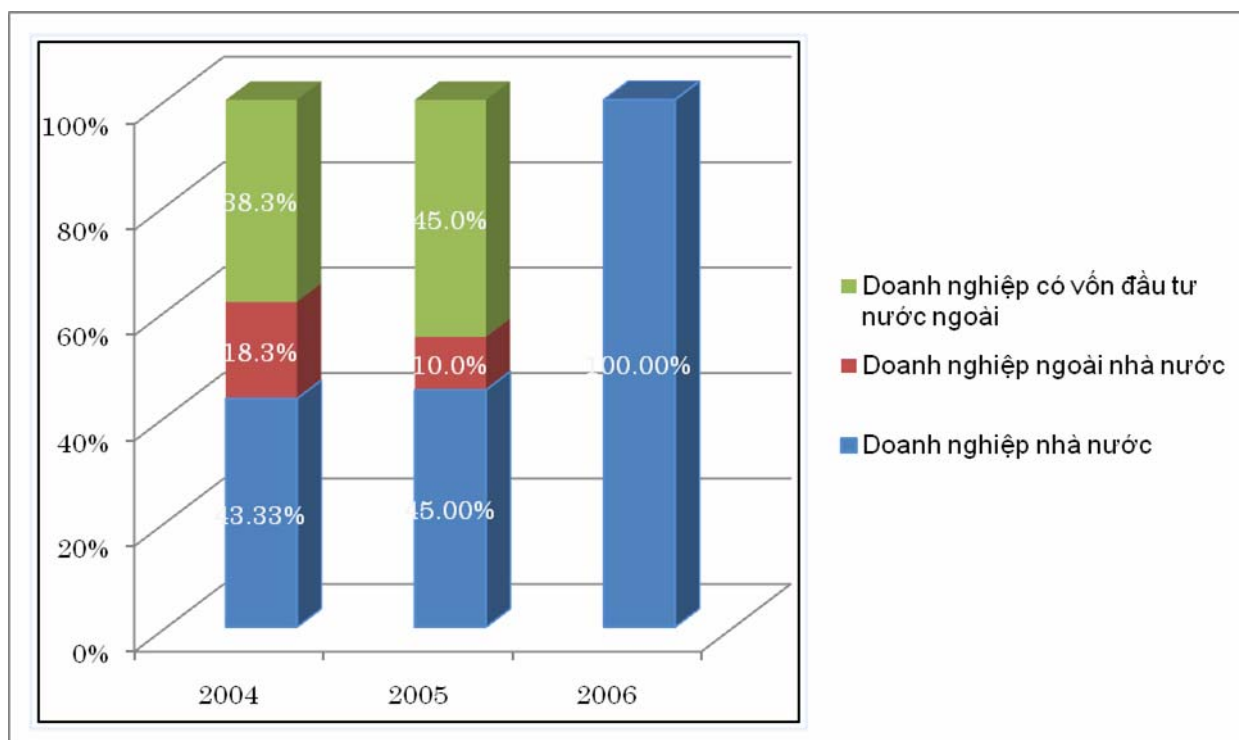


TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý cạnh tranh

Có một hiện tượng đáng lưu ý khi xét đến cơ cấu sở hữu trong CR3 của 20 có mức độ tập trung kinh tế lớn nhất là: Trong các năm 2004 – 2005, tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài nhà nước (gồm cả khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trong các doanh nghiệp chiếm thị phần lớn nhất trong các ngành có mức độ tập trung kinh tế cao là xấp xỉ với tỷ lệ chung khi xét trên tất cả các ngành, nhưng đến năm 2006, toàn bộ các doanh nghiệp chiếm thị phần lớn nhất đều là doanh nghiệp nhà nước (Hình 2.3). Đây là một điểm khi Chính phủ thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mở cửa thị trường cần xem xét đến để quá trình này đảm bảo được mục đích đã đề ra.

Hình 2.3 : Cơ cấu sở hữu trong nhóm CR3 của 20 ngành có mức độ tập trung kinh tế cao nhất





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý cạnh tranh

3. Hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam trong các năm qua

3.1. Tổng quan

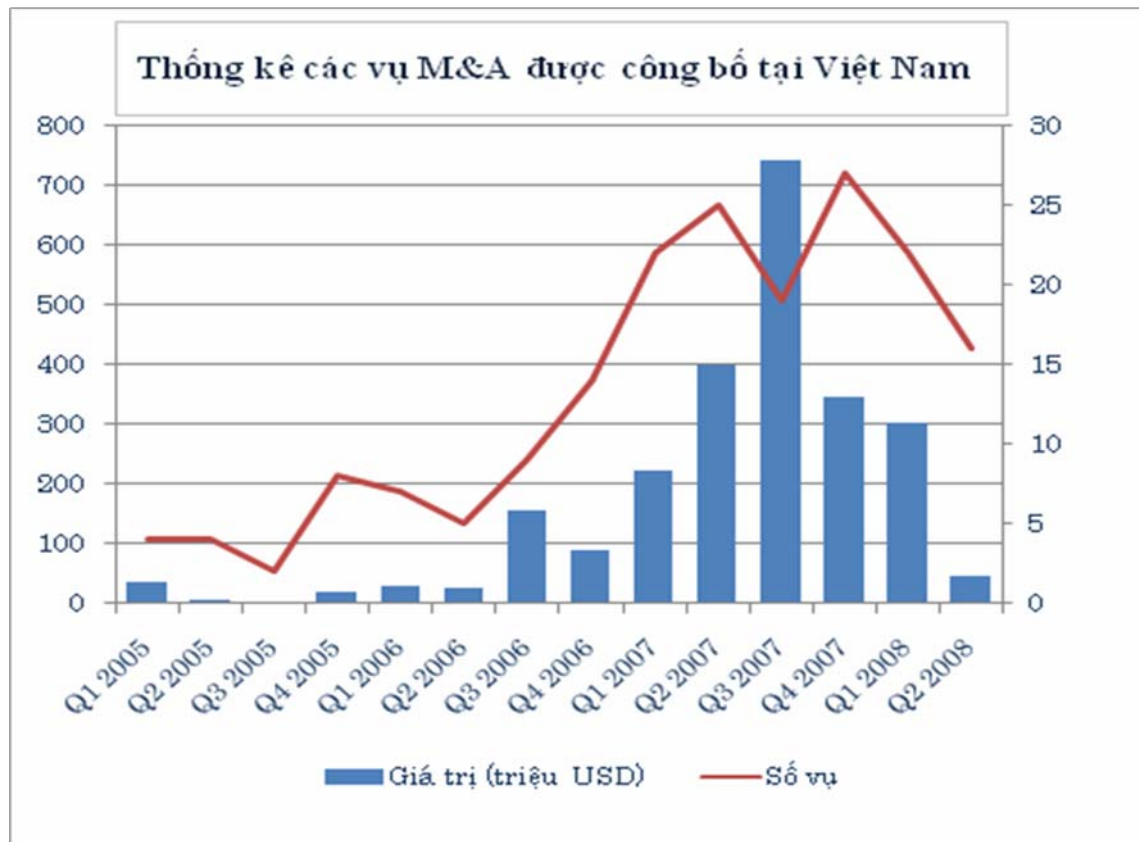
Theo Pricewaterhouse Coopers, hãng cung cấp dịch vụ tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp hàng đầu thế giới, trong năm 2007, hoạt động tập trung kinh tế đã gia tăng mạnh mẽ cùng với sự phát triển liên tục và cải tiến mạnh mẽ về khuôn khổ pháp lý đã hấp dẫn các nhà đầu tư vào Việt Nam, nhu cầu tái cơ cấu của nội tại các doanh nghiệp, sự gia tăng nhanh của thị trường chứng khoán. Tổng giá trị của 113 vụ được công bố trong năm đã đạt giá trị kỷ lục là 1,753 tỷ USD, so với con số chỉ 38 vụ với giá trị 299 triệu USD được đưa tin trong năm 2006 và tăng gấp nhiều lần so với năm 2005 (18 vụ, giá trị giao dịch 61 triệu USD). Trên 3/4 tổng giá trị giao dịch (khoảng 1,350 tỷ USD) thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, đến nửa đầu năm 2008, cả số lượng và giá trị các giao dịch được công bố đều giảm. Điều này có thể được giải thích bởi các nguyên nhân như:

- Giai đoạn đầu năm thường là thời gian các giao dịch mua bán và sáp nhập tương đối trầm lắng (tỷ lệ giá trị giao dịch của nửa đầu năm 2007 chỉ chiếm 36% giá trị trong năm đó, năm 2006 thậm chí chỉ chiếm 18%).
- Một số diễn biến không thuận lợi của nền kinh tế làm cho nhiều giao dịch bị tạm dừng hoặc không công bố rộng rãi.

Hình 2.4: Thống kê các vụ giao dịch M&A được công bố tại Việt Nam



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO



Nguồn: Pricewaterhouse Cooper (7/2008)

3.2. Một số giao dịch M&A điển hình²³:

Bảng dưới đây tóm lược một số giao dịch M&A được công bố đáng chú ý trong những năm gần đây. Phần lớn các giao dịch lớn thường là do các công ty nước ngoài mua lại một phần hoặc toàn bộ một doanh nghiệp Việt Nam hoặc giữa các doanh nghiệp trong nước, tuy nhiên cũng có những trường hợp ngược lại khi công ty Việt Nam mua lại công ty nước ngoài. Các thương vụ thành công đáng kể nhất có thể kể đến là trường hợp Kinh Đô – một doanh nghiệp tư nhân lớn trong ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, bánh kẹo đã mua lại bộ phận kinh doanh Kem Wall's của tập đoàn đa quốc gia Unilever và tận dụng tốt hệ thống phân phối sẵn có để phát triển. Ngoài ra, công ty này còn mua lại một phần hàng loạt các doanh nghiệp khác hoạt động trong những ngành liên quan như Công ty nước giải khát Sài Gòn và có kế hoạch tiến hành sáp nhập hai công ty Kinh Đô và Kinh Đô Miền Bắc. Một trường hợp tương tự là thương vụ ICA Pharmaceuticals Việt Nam mua lại thương hiệu Tobicom của hãng dược phẩm Hàn Quốc Ahn Gook Pharm.

Hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam cũng đã xuất hiện hình thức mua lại giữa các công

²³ Chưa bao gồm các giao dịch thu tóm cổ phiếu diễn ra trên thị trường chứng khoán. Các giao dịch loại này xem ở Bảng 7



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

ty 100% vốn nước ngoài (chẳng hạn, vụ Savills Vietnam mua lại toàn bộ Chesterton Petty trong lĩnh vực dịch vụ bất động sản).

Bảng 2.6: Một số giao dịch M&A điển hình

STT	Thời điểm	Bên mua	Bên bán	Tỷ lệ sở hữu /Giá trị giao dịch
1	2003	Vinabico	CTLD Kotobuki Việt Nam	
2	2003	Kinh Đô	Kem Wall's (Unilever)	Không được công bố
3	2003	ICA Pharmaceuticals	Tobicom (Ahn Gook Pharm)	Không được công bố
4	2005	Công ty CP Kinh Đô	Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn	35.60%
5	2004	Vinamilk	Saigon Milk	Sáp nhập và mua lại phần vốn góp trong liên doanh
6	2005		Công ty Sữa Bình Định	
7	2006	CTCP Doanh nghiệp trẻ Đồng Nai	Cheerfield Rama	Không được công bố
8	2006	CTCP Giấy Hải Phòng	Dệt Hải Phòng	Không được công bố
9	2006	Công ty liên doanh nhà máy bia VN	Bia Foster's	105 triệu USD
10	2006	Vinaland	Khách sạn Hilton Hà Nội	70%
11	2006	Prudential	Công ty CP Giảng Võ	65%
12	2007	Vinaland	Omni Saigon	52% (21 triệu USD)
13	2007	Daiichi Mutual Life (Nhật Bản)	Bảo Minh CMG	100%
14	2007	Đồng Tâm	Đá trang trí Vĩnh Cửu	20%
15	2007	CPR (Nhật Bản)	Sara	15%
16	2007	Anco	Nhà máy sữa Nestlé	100%
17	2007	Qantas (Australia)	Pacific Airlines	30% cổ phần (50 triệu USD)
18	2007	Đồng Tâm	CTCP Thiên Thanh	70,85% cổ phần
19	2007	PVFC, ACB, Kinh Đô, SINCO,...	Eximbank	17,8% cổ phần (248 triệu USD)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

20	2007	Indochina Capital	CTCP Địa ốc Hoàng Quân	20% cổ phần (20 triệu USD)
21	2007	Indochina Capital Vietnam Holding	CTCP Tư vấn, Thương mại và Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân - Mekong	20% cổ phần (12 triệu USD)
22	2007	Indochina Capital Vietnam Holding	CTCP Vinamit	20% cổ phần
23	2007	Sojitz (Nhật Bản)	Interflour Vietnam	20% cổ phần (80 triệu USD)
24	2007	HSBC Insurance Holding Limited	CTCP Bảo hiểm Việt Nam	10%
25	2007	Lotte Confectionery Co Ltd	Công ty CP Bánh kẹo Biên Hòa	30%
26	2007	Morgan Stanley International Holdings	Công ty Tài chính Dầu khí	10%
27	2007	HSBC	Techcombank	15% (33,7 triệu USD)
28	2007	Prudential Vietnam Investment Fund Management, Temasek Holdings...	Vinasun	41.00%
29	2007	VinaCapital, Dragon Capital và Temasek Holdings	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Chánh	18% cổ phần
30	2007	Prudential Vietnam Investment Fund Management	CTCP Âu Lạc	15.60%
31	2007	Saint Gobain	Vĩnh Tường	100.00%
32	2007	Sojitz (Nhật Bản)	CT TM và DV Hương Thủy	25.01%
33	2007	IDJ Venture	CTCP Tài Việt	20.00%
34	2007	CT Đường Quảng Ngãi	Nhà máy đường Quảng Bình	100.00%
35	2007	Savills Việt Nam	Chesterton Petty Việt Nam	100.00%

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý Cạnh tranh

3.3. Một số giao dịch thu tóm điển hình trên thị trường chứng khoán

Đặc điểm đáng chú ý của các giao dịch thu tóm cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là:



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

các giao dịch (mua) thường do các quỹ đầu tư hoặc các định chế tài chính nước ngoài tiến hành và với mục đích chủ yếu là đầu tư sinh lợi dựa trên sự biến động giá chứng khoán. Chỉ có một số không nhiều trường hợp thu tóm cổ phiếu của một doanh nghiệp để tham gia điều hành, quản lý doanh nghiệp đó (như ANZ, Daiwa với SSI, Swiss Reinsurance với Vinare,...). Các loại cổ phiếu mà các nhà đầu tư nước ngoài thường tập trung giao dịch là các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn, tính thanh khoản cao (như FPT, REE, Vinamilk, ACB, STB, SJS, SAM). Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty dạng này thường rất cao (xấp xỉ 30% đối với ngân hàng niêm yết và 49% đối với doanh nghiệp khác).

**Bảng 2.7: Một số giao dịch thu tóm cổ phiếu điển hình
trên thị trường chứng khoán niêm yết**

STT	Thời điểm	Bên mua	Bên bán	Tỷ lệ sở hữu
1	2007	Citigroup Global Market	CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị và KCN Sông Đà	3.91%
2	2007	VOF Investment Ltd	CTCP Cơ Điện Lạnh REE	8.83%
3	2007	Deutsche Bank AG	CTCP Đầu tư và công nghệ FPT	5.22%
4	2007	TPG Venture	CTCP Đầu tư và công nghệ FPT	4.59%
5	2007	Deutsche Bank AG London	CTCP Sữa Việt Nam	5.71%
6	2007	Vietnam Dragon Fund Ltd	CTCP Sữa Việt Nam	2.66%
7	2007	Vietnam Enterprise Investments Ltd	CTCP Sữa Việt Nam	2.60%
8	2007	AXA Group Corporation (AXA SA)	CTCP Bảo hiểm Bảo Minh	16.60%
9	2007	Temasek Holding Pte Ltd	CTCP Thủy sản Minh Phú	10%
10	2007	Tập đoàn ngân hàng ANZ	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	10%
11	2008	Swiss Reinsurance Group	CTCP Tái Bảo hiểm Việt Nam	25%
12	2008	Deutsche Bank	CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị và KCN Sông Đà	5.04%

Nguồn: Cục Quản lý Cạnh tranh tổng hợp từ dữ liệu của HOSE và HASTC

3.4. Tập trung kinh tế của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Sau 20 năm mở cửa tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (1988 – 2007), đã có 46 dự



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

án với tổng số vốn đầu tư trên 900 triệu USD được sáp nhập với các dự án khác. Trong đó, ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và nông lâm nghiệp là những ngành có nhiều dự án cũng như số vốn đầu tư được sáp nhập nhất. Đặc biệt, riêng ngành công nghiệp thực phẩm đã chiếm tới gần 50% xét về vốn đầu tư của các dự án được sáp nhập. Dự án lớn nhất là 3 công ty liên doanh của Coca Cola tại Việt Nam được chuyển đổi thành công ty 100% vốn nước ngoài và sáp nhập thành công ty TNHH nước giải khát Coca Cola Việt Nam (tổng vốn đầu tư 358,6 triệu USD) vào năm 2001. Ngành công nghiệp nặng chiếm 15/46 dự án được sáp nhập, trong đó một số dự án lớn có thể kể đến là các vụ sáp nhập của các công ty con của ABB, của Shell,...

**Bảng 2.8: Thống kê các vụ sáp nhập
của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo ngành**

STT	Ngành	Số dự án	Vốn đầu tư (USD)
1	Công nghiệp thực phẩm	5	423.651.000
2	Công nghiệp nặng	15	232.907.293
3	Nông - Lâm nghiệp	7	132.774.000
4	Công nghiệp nhẹ	9	66.530.000
5	Xây dựng	3	22.245.000
6	Tài chính - Ngân hàng	2	17.150.000
7	Khách sạn - Du lịch	1	7.500.000
8	Dịch vụ	3	5.120.000
9	Thủy sản	1	1.150.000
Tổng số		46	909.027.293

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý cạnh tranh

Xét theo địa bàn, các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp là nơi có nhiều vụ sáp nhập của các doanh nghiệp FDI nhất. Chỉ riêng 3 tỉnh, thành phố tại miền Nam là TP HCM, Đồng Nai và Bình Dương đã chiếm tới 59% tổng số vụ sáp nhập theo dạng này.

**Hình 2.5: Thống kê các vụ sáp nhập
của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo địa bàn**

Các vụ sáp nhập của DN FDI
theo tỉnh/thành



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư

Bảng 2.9: Một số vụ sáp nhập điển hình của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

STT	Tên công ty	Tổng vốn đầu tư	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Ghi chú
		(USD)		
1	CT TNHH Nước ngọt Coca - Cola Ngọc Hồi	151.111.000	Sản xuất nước giải khát	Chuyển thành DN 100% vốn nước ngoài và sáp nhập thành CT TNHH Nước giải khát Coca Cola Việt Nam (2001)
2	CT TNHH Nước ngọt Coca - Cola Chương Dương	182.500.000	Sản xuất nước giải khát	
3	CT TNHH Nước ngọt Coca - Cola Non Nước	25.000.000	Sản xuất nước giải khát	
4	CT TNHH Cargill Việt Nam	79.457.000	SX, chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn gia súc	Sáp nhập theo QĐ 340/KCN<25/8/98>
5	CT TNHH chế biến thực phẩm Cargill Việt Nam	38.417.000	Chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc	
				Sáp nhập thành
6	CTLD Unilever Vietnam	75.274.382	SX bột giặt và dầu	



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

			gọi đầu	
7	CT LD Lever - Haso	15.680.470	SX xà phòng thơm, kem đánh răng, bột giặt	Lever VN (1999)
8	CT TNHH ABB	32.871.429	SX biến thế điện	Chuyển thành DN 100% vốn nước ngoài và sáp nhập với ABB (2002)
9	CT TNHH Công nghiệp ABB	9.200.000	Lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị điện	
10	CT TNHH Shell Bitumen Vietnam	16.827.016	Nhập khẩu, bán nhựa đường rời	
11	CT Hóa chất Shell Vietnam	13.010.000	SX, pha chế sản phẩm hóa dầu	Sáp nhập vào Cty Shell Codamo Vietnam (2002)
12	CT TNHH Shell Gas Sài Gòn	4.900.000	Đăng bình và kinh doanh khí hóa lỏng	
13	CT TNHH Máy tính Compaq Vietnam	1.000.000	Dịch vụ phần mềm, máy tính	Giải thể, sáp nhập với HP Vietnam (2003)

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư

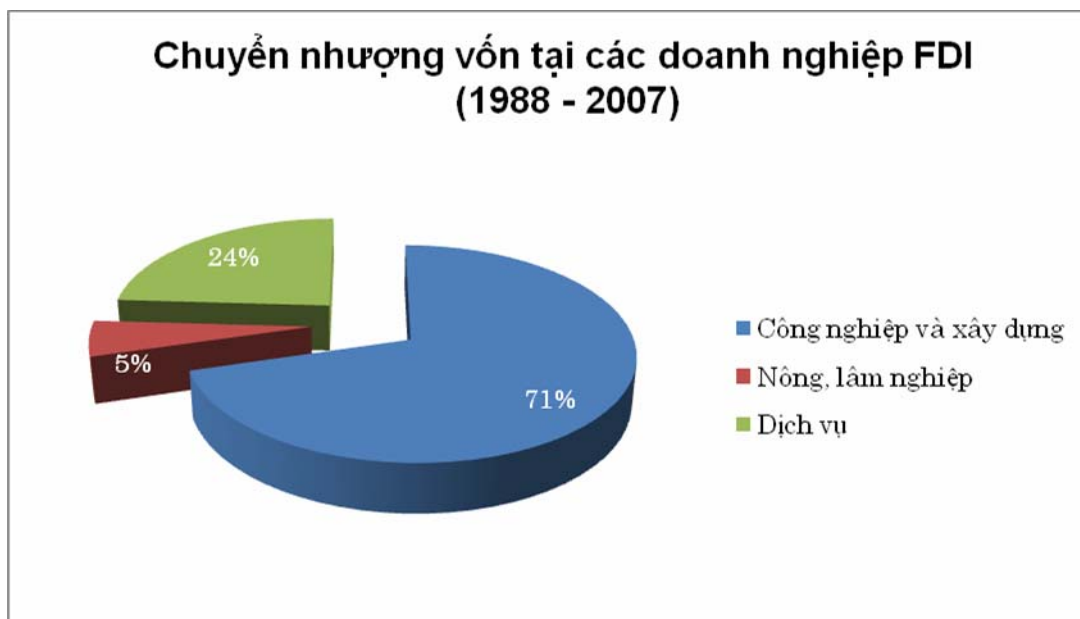
Tính đến hết năm 2007, đã có 1092 dự án (chỉ tính các dự án còn hiệu lực) với tổng vốn đầu tư 16,8 tỷ USD có hoạt động chuyển nhượng vốn, tập trung vào ngành công nghiệp và xây dựng (chiếm 63% số dự án và 71% tổng vốn đầu tư thuộc diện này). Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore là những quốc gia/vùng lãnh thổ có nhiều dự án được chuyển nhượng vốn nhất với số lượng lần lượt là: 235, 153, 110 và 87. Điều này cũng dễ hiểu vì các nước/vùng lãnh thổ nêu trên cũng xếp những vị trí đầu tiên trong danh sách các nước đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

Xét về địa bàn, có 6 tỉnh/thành phố có nhiều dự án chuyển nhượng (tổng vốn đầu tư của các dự án chuyển nhượng từ 1 tỷ USD trở lên là: TP HCM (3,72 tỷ USD), Đồng Nai (2,36 tỷ USD), Hà Nội (1,48 tỷ USD), Bình Dương (1,3 tỷ USD), Quảng Ngãi (1,3 tỷ USD) và ngành Dầu khí có 21 vụ chuyển nhượng dự án với tổng vốn đầu tư 1,333 tỷ USD.

**Hình 2.6: Chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
giai đoạn 1988 – 2007**



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư

Một số dự án lớn có chuyển nhượng vốn là Công ty cổ phần hữu hạn Vedan Vietnam, Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3, Công ty TNHH Nhà máy tàu biển Hyundai – Vinashin, Công ty Liên doanh phát triển Bắc Thăng Long, Công ty TNHH Kumho Asiana Plaza Saigon, Công ty TNHH Saigon Max, Công ty TNHH Sắt thép Sun Steel, Công ty CP Mía đường Bourbon Tây Ninh, Công ty bia San Miguel Vietnam...

3.5. Số hồ sơ thông báo tập trung kinh tế và tham vấn tại Cục Quản lý Cạnh tranh

Trong năm 2007, Cục QLCT chính thức tiếp nhận 01 hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đối với trường hợp một doanh nghiệp của Thái Lan mua lại một công ty trong nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hóa chất – nhựa chuyên dụng thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời gian xử lý vụ việc, các bên liên quan đã đi đến quyết định không thực hiện hợp đồng nữa. Ngoài ra, kể từ khi Luật Cạnh tranh có hiệu lực, đã có khoảng 20 trường hợp tập trung kinh tế tiến hành tham vấn (bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp) với Cục QLCT, trong đó chủ yếu là các vụ việc diễn ra trong các ngành bán lẻ, hóa chất, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ giải trí. Cục QLCT (Ban Giám sát và Quản lý cạnh tranh), đã phối hợp với các cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Sở để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật về tập trung kinh tế. Năm 2008, Cục QLCT đã tiếp nhận 02 Hồ sơ tập trung kinh tế thuộc loại hình mua lại và hợp nhất trong lĩnh vực điện tử và giấy. Nhìn chung, số vụ việc tập trung kinh tế có thông báo cho Cục QLCT, tính đến nay còn ít nếu so



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

với tổng số các vụ mua lại và sáp nhập diễn ra tại thị trường Việt Nam thời gian qua (trên 100 vụ), điều này cho thấy các hoạt động tập trung kinh tế thuộc đối tượng phải thông báo là rất ít tại Việt Nam. Mặt khác, việc thông báo tập trung kinh tế căn cứ theo tiêu chí thị phần cũng làm cho khá nhiều doanh nghiệp “cho rằng” thị phần của mình không đạt ngưỡng và như vậy, cũng không phải thông báo với Cục QLCT.

3.6. Thay đổi đăng ký kinh doanh do nguyên nhân tập trung kinh tế

Kể từ khi Luật Cạnh tranh bắt đầu có hiệu lực tới 31/3/2008, theo thống kê sơ bộ từ các Sở Kế hoạch Đầu tư các tỉnh/thành phố, tại Việt Nam đã có 167 trường hợp thay đổi đăng ký kinh doanh do nguyên nhân tập trung kinh tế (hợp nhất, sáp nhập, mua lại và liên doanh). Tổng vốn điều lệ của các bên tham gia giao dịch là 31.426 tỷ VNĐ và 200 triệu USD.

Các địa phương có hoạt động tập trung kinh tế sôi động nhất vẫn là các tỉnh, thành phố có quy mô kinh tế phát triển, tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất như Bình Dương (chiếm 26% tổng số giao dịch), TP HCM (17%), Hà Nội (16%), Hải Dương và Đồng Nai (7%).

Hình 2.7: Thống kê thay đổi đăng ký kinh doanh do tập trung kinh tế theo địa bàn





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý cạnh tranh

4. Một số đặc điểm của các vụ tập trung kinh tế tại Việt Nam trong thời gian qua

(1) Đa số các vụ tập trung kinh tế có quy mô đáng kể đều có yếu tố nước ngoài. Điều này có thể được giải thích là do các nguyên nhân: Doanh nghiệp nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ quản lý trong lĩnh vực M&A nên nắm thế chủ động hơn các doanh nghiệp trong nước. Họ lại có nguồn tài chính dồi dào đủ sức mua nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Đây được coi một là hình thức đầu tư nước ngoài hiệu quả và phổ biến giúp các doanh nghiệp nước ngoài thâm nhập thị trường nội địa mà không phải chi phí nhiều cho việc thành lập, xây dựng thương hiệu và thị phần ban đầu²⁴, đặc biệt là đối với những ngành được bảo hộ theo lộ trình cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO. M&A với tư cách là một hình thức tập trung kinh tế, tập trung nguồn lực sẽ tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ, tạo ra nguồn lực lớn hơn, qua đó cạnh tranh được với các đối thủ, đồng thời giảm bớt sự gia nhập thị trường của nhà đầu tư. Tuy nhiên, tính đến nay, số lượng FDI thông qua hình thức M&A vẫn mới chỉ chiếm một tỷ lệ chưa cao trong tổng vốn FDI đăng ký đầu tư tại Việt Nam.

(2) Các vụ giao dịch có quy mô nhỏ và vừa vẫn chiếm đại đa số. Xét về số lượng, hầu hết giao dịch mua lại doanh nghiệp đều diễn ra tại các doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng. Chỉ có một số ít giao dịch đối với các doanh nghiệp lớn (trong đó phần lớn mà dưới dạng mua cổ phần để trở thành đối tác chiến lược).

(3) Ít có trường hợp thu tóm không thân thiện. Các vụ sáp nhập phần lớn đều thể hiện sự hợp tác giữa các bên tham gia. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp được cho là thu tóm không mang tính thân thiện như Coca Cola mua lại phần góp vốn của phía Việt Nam

²⁴ Số lượng FDI được thực hiện dưới hình thức M&A chiếm tỷ trọng lớn từ 57% -80% tổng FDI của các khu vực trên thế giới – Theo Nguyễn Đình Cung, Lưu Minh Đức “*Thu tóm và hợp nhất nhìn từ khía cạnh quản trị công ty: Lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam*”, CIEM, 2008.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

trong liên doanh hay thương hiệu kem đánh răng Dạ Lan bị đối thủ mua lại và rút khỏi thị trường²⁵.

(4) Hình thức tập trung kinh tế vẫn còn ở mức độ đơn giản. Chủ yếu vẫn là các vụ thu mua một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp và rất ít các loại ở mức độ cao hơn như hợp nhất, hình thức đòi hỏi trình độ quản lý và hợp tác cao. Ngoài ra, rất nhiều vụ M&A dưới hình thức đầu tư tài chính, mua cổ phần để trở thành đối tác chiến lược mà chưa nhắm đến thu mua để khống chế sở hữu và điều hành công ty. Điều này một phần là do tỷ lệ sở hữu cổ phần bị khống chế đối với doanh nghiệp nước ngoài trong một số lĩnh vực (ngân hàng 30%, công ty niêm yết 49%).

Nhìn vào các đặc điểm trên đây, có thể thấy một số các vấn đề phát sinh liên quan tới thể chế giám sát, kiểm soát tập trung kinh tế tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, xuất phát từ đặc điểm quy mô doanh nghiệp tuyệt đại đa số là nhỏ bé, các vụ giao dịch quy mô nhỏ và vừa vẫn chiếm đại đa số thì các vụ tập trung kinh tế chịu sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh chưa nhiều. Tuy nhiên trong thời gian tới, thực tế này có thể thay đổi do tình hình kinh tế có nhiều biến động.

Thứ hai, đa số các vụ tập trung kinh tế có quy mô đáng kể đều do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện, do vậy khó tránh khỏi xu hướng tập trung kinh tế chỉ tập trung vào một vài lĩnh vực nào đó và nhằm cho phép một số ít công ty chi phối thị trường, tác động tới môi trường cạnh tranh và hạn chế sự phát triển trong một số ngành/lĩnh vực bị chi phối đó. Để kiểm soát xu hướng này trong tương lai với cách tiếp cận là phát hiện và có biện pháp ngăn ngừa các hành vi lạm dụng sức mạnh thị trường của những doanh nghiệp có khả năng chi phối thị trường sau khi thực hiện tập trung kinh tế. Việc xử lý và điều tiết các giao dịch tập trung kinh tế thuộc đối tượng phải kiểm soát sẽ được xem xét trên cơ sở đánh giá tác động tổng thể của tập trung kinh tế đối với lợi ích của xã hội, và có sự phân tích cân bằng giữa những tác động tích cực và tiêu cực. Thể chế giám sát hiện nay chưa thể hiện được những vấn đề sẽ phát sinh trên thực tiễn như đã nêu.

Thứ ba, thực tế cho thấy mặc dù số lượng các giao dịch M&A là rất lớn và cũng có khá

²⁵ Thu mua không thân thiện (hostile takeover) có thể được hiểu là thu mua để loại bỏ đối thủ cạnh tranh hoặc thu mua để nắm quyền điều hành doanh nghiệp khi ban lãnh đạo của công ty bị thu mua không đồng ý.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

nhiều giao dịch có quy mô lớn nhưng số lượng các giao dịch có thông báo đến Cục QLCT theo quy định của Luật Cạnh tranh còn khá khiêm tốn. Một phần vì các doanh nghiệp hiện nay còn nhỏ nên mức độ kết hợp thị phần còn nhỏ (dưới 30%). Nhưng điểm quan trọng là việc xác định thị phần kết hợp trên thị trường liên quan là một vấn đề kỹ thuật khó, gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Thứ tư, cần thống nhất một khái niệm và cách hiểu đúng về “*kiểm soát tập trung kinh tế*”, đây là khái niệm được đưa ra dưới góc độ của pháp luật cạnh tranh và là một chức năng của Cục QLCT. Vì vậy, kiểm soát tập trung kinh tế không có nghĩa là kiểm soát tất cả các hoạt động mua lại và sáp nhập trên thị trường, mà chỉ kiểm soát những hoạt động thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Cạnh tranh, những giao dịch mà có khả năng hình thành vị trí thống lĩnh/độc quyền dẫn tới nguy cơ lạm dụng vị trí này và gây tổn hại tới môi trường cạnh tranh. Do đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về bức tranh tổng quát mua lại và sáp nhập trên thị trường cũng hết sức quan trọng để phục vụ cho việc phát hiện và giám sát các hoạt động tập trung kinh tế thuộc đối tượng kiểm soát được thuận lợi và có tính khả thi cao.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

CHƯƠNG III. XU HƯỚNG TẬP TRUNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2009-2010

1. Xu hướng tập trung kinh tế trên thế giới

Hiện nay, trên phạm vi toàn cầu đang diễn ra một làn sóng sáp nhập, hợp nhất các công ty đa quốc gia để hình thành nên những tập đoàn lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp ô tô, dịch vụ tài chính, viễn thông. Đây được coi là làn sóng M&A thứ 6 kể từ đầu thế kỷ 20 tới nay (xem Phụ lục 2). Xu hướng này sẽ còn được tiếp diễn trong những năm sắp tới vì các nguyên nhân chính sau:

- Cuộc khủng hoảng tín dụng tại Mỹ đã và sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế thế giới, đặc biệt là khu vực châu Âu và các nước có hoạt động xuất khẩu vào Mỹ, EU chiếm tỷ trọng cao. Điều này sẽ làm cho ngày càng nhiều công ty, kể cả các công ty lớn, lâm vào tình trạng khó khăn, buộc phải tính đến phương án M&A.
- Nhiều ngành công nghiệp đòi hỏi phải có sự tái cơ cấu để tối ưu hóa năng lực sản xuất, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh giá nhiên liệu và các đầu vào khác tăng mạnh, thị trường chậm mở rộng.
- Nhiều quỹ đầu tư (gồm các quỹ thuộc nhà nước và tư nhân) đã tích lũy hoặc huy động được một nguồn vốn to lớn để thực hiện các vụ mua bán sáp nhập. Trong đó đáng chú ý nhất là các quỹ của các quốc gia thu được nguồn lợi lớn từ dầu mỏ (các nước Trung Đông, Nga,...) hoặc thặng dư xuất khẩu (Trung Quốc, Singapore,...). Đích nhắm của các quỹ này thường là các công ty lớn, nắm giữ những ngành quan trọng, thiết yếu trong hệ thống kinh tế toàn cầu.

2. Xu hướng tập trung kinh tế tại châu Á

Kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997, các nền kinh tế châu Á đã có những thay đổi theo hướng tích cực. Tốc độ phát triển tại hai nền kinh tế mới nổi của khu vực là Trung Quốc và Ấn Độ mặc dù chậm lại do suy thoái kinh tế tại Mỹ và lạm phát gia tăng, nhưng vẫn nằm trong nhóm các nước phát triển nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên, so với các khu vực khác, hoạt động M&A tại châu Á vẫn còn khiêm tốn với tổng giá trị giao dịch



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

dịch trung bình chỉ bằng 4% GDP, thấp hơn nhiều so với 11% ở Mỹ và 9% ở châu Âu.

Xu hướng của các vụ giao dịch tại châu Á là ít sử dụng các đòn bẩy tài chính (leveraged buyout - LBO²⁶) và thường tập trung nhiều vào hình thức sử dụng các nguồn vốn tự có. Do đó, họ sẽ ít bị ảnh hưởng bởi những biến động mạnh về tín dụng. Các ngân hàng châu Á tương đối ít bị tác động bởi cuộc khủng hoảng cho vay dưới chuẩn (subprime mortgage) như các ngân hàng của Mỹ và châu Âu, vì thế trong thời gian tới hoạt động M&A ở châu Á sẽ gia tăng mạnh mẽ hơn ở châu Âu và Mỹ.

Sau một thập kỷ hồi phục sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, khu vực này hiện đang dư thừa tiền để nhằm vào tới các khoản đầu tư. Quy mô của các quỹ đầu tư nhà nước ở Trung Đông và châu Á (xem thêm Phụ lục 2) sẽ tiếp tục gia tăng mạnh, và họ sẽ nhắm tới các khoản thu nhập mới hơn là từ nguồn lợi tức trái phiếu do chính phủ Mỹ phát hành. Ngoài ra, các quỹ đầu tư tư nhân và hàng loạt các quỹ đầu tư bảo hiểm rủi ro (hedge funds) và quỹ đầu tư mạo hiểm đã huy động được các quỹ có quy mô lớn và đang rót tiền đầu tư vào một châu Á đang phát triển nhanh và tiềm tàng nhiều cơ hội.

3. Xu hướng chung của hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam

3.1. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, phải tính tới phương án sáp nhập hoặc bán lại công ty

Trong giai đoạn mở rộng tín dụng năm 2006 – 2007, vay thương mại là nguồn vốn quan trọng của nhiều doanh nghiệp vì có thể tiếp cận tương đối thuận lợi và lãi suất cho vay vừa phải. Tuy nhiên, kể từ năm 2008, nguồn vốn này trở nên hạn chế do các nguyên nhân như tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, ngân hàng thương mại bị khống chế tăng trưởng dư nợ tín dụng ở mức 30%, lãi suất cho vay cao. Thị trường chứng khoán – một kênh huy động vốn khác – cũng suy giảm và không ổn định, do đó để có thể tiếp tục có vốn hoạt động, nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm khoảng 90% số doanh nghiệp) đã tính toán tới phương án chào bán một phần vốn hoặc cả doanh nghiệp để tái cấu trúc và cắt giảm chi phí.

²⁶ LBO là chiến lược đầu tư thường được các quỹ đầu tư cổ phần tư nhân sử dụng, bằng cách dùng nguồn tài chính huy động (vay nợ) để mua lại một phần lớn hoặc toàn bộ cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại đối tượng đầu tư. Công ty/đối tượng nhận đầu tư thường đã bước vào giai đoạn phát triển và có dòng lưu chuyển tiền ổn định. (Theo www.saga.vn).



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

3.2. Ngày càng có nhiều công ty nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam thông qua hình thức M&A

Sẽ có xu hướng công ty nước ngoài thâm nhập vào Việt Nam thông qua hình thức mua lại các doanh nghiệp đang hoạt động, có cơ sở vật chất, lao động, có thị trường, đặc biệt là một số ngành có các rào cản thâm nhập thị trường lớn đối với công ty nước ngoài. Một trường hợp điển hình là trường hợp hãng hàng không Jetstar của Australia (công ty con của Qantas Airlines) mua lại 30% cổ phần của Pacific Airlines từ năm 2008 và thương hiệu (đổi tên thành Jetstar Pacific) cũng như chiến lược kinh doanh của hãng hàng không này sẽ thay đổi theo Jetstar²⁷. Như vậy, mặc dù có quy định các hãng hàng không nước ngoài không được phép kinh doanh vận tải hành khách bằng đường hàng không trên các tuyến bay nội địa, nhưng bằng cách mua lại cổ phần của một hãng hàng không trong nước, thì trên thực tế, Jetstar đã có thể thực hiện điều này. Điều này sẽ tạo nên sức ép cạnh tranh rất lớn đối với hãng hàng không trong nước lớn nhất là Vietnam Airlines cũng như các hãng mới gia nhập thị trường như VietJet Air, Indochina Airlines. Đây có thể là con đường mà các hãng hàng không khác xâm nhập vào thị trường Việt Nam khi Vietnam Airlines được cổ phần hóa hoặc các hãng hàng không khác được phép bán cổ phần cho nước ngoài, hoặc liên doanh giữa công ty Việt Nam và hãng hàng không nước ngoài (tương tự trường hợp liên doanh giữa Vinashin và Air Asia Berhad).

Một số ngành khác cũng được dự báo là sẽ có hoạt động M&A sôi động như ngân hàng, tài chính, chứng khoán, phân phối, bán lẻ, dược phẩm, bất động sản được phân tích cụ thể ở phần sau.

3.3. Các công ty tư vấn, môi giới chuyên nghiệp sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong việc kết nối các giao dịch

Hiện nay, thị trường tư vấn và môi giới M&A được cho là rất có tiềm năng phát triển. Một số công ty tư vấn, hãng luật lớn đã thực hiện dịch vụ này rất bài bản và có nhiều kinh nghiệm trong những năm qua như PriceWaterhouse Coopers, Vilaf Hồng Đức,... Họ đã giúp khách hàng của mình thực hiện nhiều hợp đồng giao dịch có giá trị lớn.

²⁷ Xem thêm bài “Bán – mua thương hiệu hàng không và những hệ lụy” - http://www.giaothongvantai.com.vn/Desktop.aspx/News/du-lich-thi-truong/Ban-mua_thuong_hieu_hang_khong_va_nhung_he_luy/



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Ngoài ra, kể từ năm 2007, một loạt các công ty tư vấn, môi giới M&A đã ra đời như Tiger Invest, First Asia, IDJ với nhiều dịch vụ mới như lập sàn giao dịch mua bán – sáp nhập doanh nghiệp thông qua môi trường Internet. Tuy nhiên, đặc thù của lĩnh vực này, đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị tương đối lớn trở lên, là các giao dịch thường phải qua thông qua nhiều bước đàm phán, thủ tục pháp lý tương đối phức tạp và nhiều khi không được công bố cho đến lúc hoàn thành thương vụ. Những trang web mang tính chất như “*rao vặt*” có lẽ chỉ phù hợp với các giao dịch có giá trị nhỏ (dưới 50 tỷ đồng) và số lượng các giao dịch thành công thông qua đó cũng cần có thời gian để kiểm chứng.

3.4. Phương thức thực hiện thu tóm và sáp nhập sẽ ngày càng đa dạng

Tùy thuộc vào mục tiêu, cấu trúc sở hữu, lợi thế so sánh, đặc điểm quản trị, văn hóa công ty của các công ty trong giao dịch sẽ có các cách thức thực hiện thu tóm và sáp nhập khác nhau. Một số cách phổ biến thường là:

- (i) Chào mua công khai (tender offer);
- (ii) Lôi kéo cổ đông bất mãn với Hội đồng quản trị (Proxy fights);
- (iii) Thương lượng với Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- (iv) Mua dần cổ phiếu thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán;
- (v) Mua tài sản của công ty;
- (vi) Trao đổi cổ phần để nắm giữ cổ phiếu chéo lẫn nhau

3.5. Vai trò của các quỹ đầu tư nhà nước, quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư bảo hiểm rủi ro sẽ gia tăng

Hiện tại, nhiều ý kiến cho rằng sự hiện diện của các quỹ đầu tư nhà nước (Sovereign Wealth Funds) và quỹ đầu tư bảo hiểm rủi ro (Hedge Funds) tại thị trường Việt Nam chưa phải là lớn, mà mới chỉ dừng ở các quỹ đầu tư tư nhân (Private Equity Firm). Một số quỹ đã tham gia vào thị trường Việt Nam đáng kể có TPG (đầu tư vào FPT), Morgan Stanley, Merrill Lynch, Credit Suisse, Franklin Templeton (mua 49% cổ phần của VCBF)... Tuy nhiên, trong tương lai, với mức độ hấp dẫn về đầu tư của một nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam, nếu môi trường pháp lý cho phép thực hiện đa dạng các công cụ tài chính hơn thì các



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

loại quỹ này sẽ tăng cường sự hiện diện của mình. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét rất thận trọng vấn đề hiệu quả của loại đầu tư gián tiếp này vì tại nhiều quốc gia, những dòng tiền quá nhanh từ các quỹ đó đổ vào thị trường tài sản đã gây ra hiện tượng bong bóng và suy giảm các thị trường tài chính, thị trường bất động sản mà không thực sự đi vào sản xuất và kinh doanh tạo ra giá trị gia tăng như hình thức đầu tư trực tiếp. Ngoài ra, một vấn đề nữa là loại hình đầu tư này sẽ rất dễ gây ra khả năng thâm tóm vì các quỹ đầu tư đó có một tiềm lực tài chính rất mạnh. Nếu không kiểm soát chặt chẽ, rất có thể một số ngành, kể cả những ngành quan trọng, sẽ bị các quỹ đầu tư nước ngoài thâm tóm.

Một ví dụ mà Việt Nam cần tham khảo là trường hợp Tập đoàn Temasek của Singapore, thông qua 2 công ty con là SingTel và Asia Mobile Holdings đã thâm tóm và nắm cổ phần chi phối tại 2 công ty viễn thông di động lớn nhất của Indonesia là PT Indosat và Telkomsel. Theo KPPU - Cơ quan quản lý cạnh tranh của Indonesia – với vị trí thống lĩnh thị trường, các hãng này đã áp đặt giá cước cao bất hợp lý và vi phạm Luật cạnh tranh. KPPU đã ra phán quyết buộc Temasek phải bán cổ phần của họ ở một trong hai công ty di động Indonesia nói trên trong vòng 2 năm kèm theo các mức phạt và biện pháp chế tài bổ sung²⁸.

3.6. Các vụ tập trung kinh tế nằm trong ngưỡng phải thông báo hoặc bị cấm đã bắt đầu xuất hiện và có xu hướng gia tăng

Trong thời gian vừa qua, trên thế giới đã có một loạt các vụ sáp nhập lớn mà trong đó, các bên tham gia đều có công ty con hoặc chi nhánh tại Việt Nam, ví dụ như Alcatel – Lucent, ICI – Akzo Nobel,... Nhiều công ty đã chiếm lĩnh được thị phần lớn, thậm chí có thể đã có thị phần chi phối trên thị trường Việt Nam. Đã xuất hiện nhiều trường hợp các công ty tự tuyên bố hoặc quảng bá về thị phần lớn đối với các sản phẩm của mình. Đây là những điều các doanh nghiệp hết sức lưu ý vì trong thời gian sắp tới Cục QLCT sẽ tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các trường hợp có thị phần đạt và vượt ngưỡng 30% trên thị trường liên quan. Cục QLCT có thể điều tra nếu nhận được khiếu nại của bên thứ ba hoặc tự tiến hành nếu phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm Luật Cạnh tranh.

²⁸ Thông tin liên quan đến vụ việc này có trên website của KPPU: www.kppu.go.id



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

4. Xu hướng mua bán sáp nhập trong một số ngành

Trong khuôn khổ có hạn, Báo cáo chỉ đánh giá xu hướng trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể trên cơ sở căn cứ vào: (i) đánh giá chung về xu hướng M&A trong một số lĩnh vực trên thế giới của các tổ chức quốc tế có uy tín như KPMG, PW&C, IFC,... và Việt Nam không phải là ngoại lệ của các xu hướng chung này; (ii) môi trường kinh tế có nhiều bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong một số các lĩnh vực nhạy cảm và quan trọng như ngân hàng, tài chính, phân phối,... của nền kinh tế Việt Nam và (iii) một số lĩnh vực có sự gia tăng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với xu hướng chuyển giao công nghệ sang các nước đang phát triển như Việt Nam.

4.1. Ngành Ngân hàng

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến cuối tháng 6-2008, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam có 5 ngân hàng thương mại nhà nước (trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã tiến hành cổ phần hoá), Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển, 6 ngân hàng liên doanh, 36 ngân hàng thương mại cổ phần, 44 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 10 công ty tài chính, 13 công ty cho thuê tài chính và 998 quỹ tín dụng nhân dân và 2 ngân hàng nước ngoài mới được cấp phép thành lập (HSBC và Standard Chartered). Ngoài ra, hiện đang có hàng chục bộ hồ sơ xin thành lập ngân hàng mới.

Kể từ những năm giữa thập niên 1990, đã có hai giai đoạn mua lại và sáp nhập của các ngân hàng.

Giai đoạn thứ nhất (trước năm 2006), nhằm triển khai thực hiện Đề án “*Chấn chỉnh và sắp xếp lại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 212/1999/QĐ-TTg ngày 29/10/1999, đã có một số Ngân hàng TMCP nông thôn thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất, cho Ngân hàng khác mua lại, chuyển thành Ngân hàng TMCP đô thị... nên đến nay chỉ còn 7 Ngân hàng TMCP nông thôn đang hoạt động, giảm đáng kể từ số lượng 20 Ngân hàng TMCP nông thôn được thành lập trong giai đoạn 1990 – 1996.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Bảng 3.1: Một số trường hợp sáp nhập ngân hàng giai đoạn trước đây

STT	Ngân hàng bị sáp nhập	Ngân hàng nhận sáp nhập	Thời điểm sáp nhập
1	NH TMCP Đồng Tháp	NH TMCP Phương Nam	1997
2	NH TMCP Đại Nam	NH TMCP Phương Nam	1999
3	NH TMCP Nông thôn Châu Phú - An Giang	NH TMCP Phương Nam	2001
4	NH TMCP Tứ giác Long Xuyên	NH TMCP Đông Á	2001
5	NH TMCP Thạnh Thắng - Cần Thơ	NH TMCP Thương Tín	2001
6	NH TMCP Mekong	NHTMCP Quốc tế	2001
7	NH TMCP Nông thôn Cái Sắn - Cần Thơ	NH TMCP Phương Nam	2003
8	NH TMCP Nông thôn Tây Đô - Cần Thơ	NH TMCP Phương Đông	2003
9	NH TMCP Nông thôn Tân Hiệp	NH TMCP Đông Á	2003

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Giai đoạn thứ hai, kể từ năm 2006, đã có một làn sóng các tập đoàn tài chính – ngân hàng nước ngoài hoặc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp lớn mua cổ phần của các ngân hàng thương mại cổ phần. Đã có nhiều ngân hàng nước ngoài trở thành cổ đông chiến lược với mức sở hữu cổ phần tối đa được phép (15%). Đặc biệt, tháng 8/2008, được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, HSBC trở thành ngân hàng đầu tiên được nắm giữ 20% vốn điều lệ của ngân hàng TMCP Kỹ thương (Techcombank).

Bảng 3.2: Đầu tư của ngân hàng nước ngoài tại các ngân hàng Việt Nam

Ngân hàng	Bên mua	Thời điểm công bố	Tỷ lệ sở hữu vốn	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
Sacombank	ANZ Bank	T1/2008	10%	4.449
ACB	Standard Chartered	T6/2005	8.56%	2.630
	Standard Chartered	T5/2008	6.16%	
Techcombank	HSBC	T12/2005	10%	2.521
	HSBC	T1/2007	15%	
	HSBC	T8/2008	20%	
VP Bank	OCBC	T11/2007	15%	2.000



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Ngân hàng Phương Đông	BNP Paribas	T11/2006	10%	1.111
Ngân hàng Phương Nam	United Overseas Bank Ltd	T1/2007	10%	1.434
	Hana Finance Corporation	T1/2008	15%	
Habubank	Deutsch Bank	T1/2007	20%	2.000
Eximbank	SMBC	T3/2007	15%	2.800
PVFC	Morgan Stanley	T11/2007	10%	5.000
An Bình	Maybank	T5/2008	15%	2.300

Nguồn: Võ Trí Thành - Phạm Chí Quang, “Managing Capital Flows: The case of Vietnam”, ADB Institute 5/2008 và tổng hợp của Cục QLCT

Bảng 3.3: Đầu tư của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp tại các ngân hàng TMCP

Ngân hàng	Bên mua/góp vốn	Thời điểm công bố	Tỷ lệ sở hữu vốn	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
An Bình	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2005	30%	2.300
GP Bank	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2006	20%	1.000
PG Bank	Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	2007	40%	500
Kiên Long	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2006	n/a	580
Liên Việt	Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay TSN	2008	2,43%	3.300
	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn		4,57%	
	Công ty TNHH Him Lam		18%	
SeABank	Công ty Thông tin Di động VMS	2007	8%	1.500
Tiên Phong	CTCP Đầu tư phát triển công nghệ FPT	2008	15%	1.000
	Công ty Thông tin Di động VMS		15%	
	Công ty CP Tái bảo hiểm Việt Nam		15%	

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý Cạnh tranh

Một điểm khác biệt đáng chú ý là trong khi các tập đoàn tài chính nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng có quy mô lớn hoặc trung bình, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động lâu năm thì các tập đoàn, tổng công ty lại mua các NHTMCP nhỏ/nông thôn và biến chúng thành các thực thể phụ thuộc vào các tập đoàn. Kết quả là, ngoài các lĩnh vực kinh doanh



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

cốt lõi, các tổng công ty này có thể tham gia sâu rộng và trực tiếp vào thị trường tài chính. Không chỉ các tổng công ty có các kế hoạch hoạt động đa ngành mà bản thân các ngân hàng cũng vậy khi tham gia vào lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, hoạt động ngân hàng đầu tư (mua cổ phần và đầu tư vào bất động sản) và có quan hệ đối tác chiến lược với nhiều công ty lớn, chủ yếu là các tổng công ty hoặc các tập đoàn mới được thành lập.

Đối với các trường hợp ngân hàng/định chế tài chính nước ngoài sở hữu một phần vốn điều lệ của các ngân hàng TMCP, bằng cách tạo dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với những tên tuổi toàn cầu, các ngân hàng TMCP có thể phát triển thương hiệu và tận dụng các sản phẩm mới, kỹ năng và chuyên gia từ các đối tác.

Về phía các ngân hàng/định chế tài chính nước ngoài, có hai lý do chính để lựa chọn con đường trở thành đối tác chiến lược thông qua sở hữu vốn tại các ngân hàng TMCP trong nước.

Thứ nhất, mặc dù Việt Nam đã có lộ trình mở cửa dịch vụ tài chính khi gia nhập WTO, nhưng hiện tại cánh cửa này vẫn còn hạn chế. Việc thành lập ngân hàng liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài còn gặp rất nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý, quy định vốn điều lệ tối thiểu, chứng minh tài sản và tiềm lực tài chính...

Thứ hai, ngay cả khi đã thành lập được các chi nhánh ngân hàng 100% vốn nước ngoài, mặc dù được đánh giá là những tổ chức làm việc chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong quản lý..., nhưng các ngân hàng này lại chưa thông hiểu thị trường nội địa, thói quen tiêu dùng rất khó khăn trong việc tiếp cận các khách hàng, đặc biệt là khách hàng cá nhân. Hơn nữa, việc mở rộng mạng lưới chi nhánh cũng không dễ dàng để có thể nhanh chóng chiếm được thị phần vốn là thế mạnh của các ngân hàng nội địa.

Số lượng ngân hàng tại Việt Nam hiện nay là tương đối nhiều nhiều trong điều kiện Việt Nam hiện có khoảng 85 triệu dân, giá trị GDP khoảng 65 tỉ USD. Trong khi đó, Hàn Quốc với số dân gần 50 triệu người chỉ có chưa đầy 20 ngân hàng²⁹, Singapore hiện chỉ có 4 ngân hàng nội địa, Thái Lan có khoảng 10 ngân hàng, và Trung Quốc chỉ có một ngân hàng cổ phần. Trước thời điểm cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ châu Á 1997 – 1998, số lượng các ngân hàng ở các quốc gia này cũng rất nhiều, nhưng sau đó hàng loạt ngân hàng đã

²⁹ Tại thời điểm khủng hoảng kinh tế - tài chính châu Á năm 1997, Hàn Quốc có 33 ngân hàng nhưng sau đó có 5 ngân hàng buộc phá sản và 10 ngân hàng khác sáp nhập để đến nay tổng số ngân hàng chỉ còn là 18, trong đó có 13 ngân hàng thương mại và 5 ngân hàng chuyên biệt (Nguồn: Hong-Cheol Yi, *M&As and the Competitiveness in the Korean Banking Industry since the 1997 Financial Crisis*, November 2006)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

được sáp nhập, hợp nhất, mua lại để tái cơ cấu, tránh sự đổ vỡ liên hoàn của hệ thống tài chính quốc gia. Có thể đưa ra dự báo rằng hiện nay đang là thời điểm thích hợp cho hoạt động sáp nhập các ngân hàng tại Việt Nam thay vì cho lập thêm ngân hàng mới. Việc cho phép mua bán và sáp nhập ngân hàng sẽ tạo nên các tập đoàn tài chính đủ sức cạnh tranh với các định chế tài chính nước ngoài đang phát triển mạnh tại Việt Nam.

Việc các ngân hàng lành mạnh mua lại ngân hàng nhỏ (thay cho việc cho nhiều ngân hàng ra đời hay nâng cấp ngân hàng nông thôn thành ngân hàng đô thị như đã được làm ồ ạt trong vài năm qua) đã được các Ngân hàng Thương mại quốc doanh thực hiện. Hiện nay nhiều ngân hàng quốc doanh đã từng bước sở hữu một phần vốn điều lệ của các ngân hàng cổ phần trong 2 năm qua. Chẳng hạn, tính đến nay, Vietcombank đã nắm giữ một tỷ lệ nhất định trong hơn 10 ngân hàng như: GiaDinh Bank, Eximbank, VIB Bank, OCB, MB...

Bảng 3.4: Sở hữu của Vietcombank tại các ngân hàng khác

STT	Ngân hàng	Giá trị vốn góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	105.400	15,06%
2	NH TMCP Sài Gòn Công thương	40.000	10%
3	NH TMCP Quân đội	32.529	7,23%
4	NH TMCP Gia Định ³⁰	150.000	30%
5	NH TMCP Phương Đông	28.350	9,45%
6	NH TMCP Quốc Tế	13.280	2,60%
7	NH Liên doanh Chohung Vinabank	115.207	50,00%

Nguồn: Cáo bạch của Vietcombank (11/2007)

Các ngân hàng nên có sự chủ động trong việc hợp tác với ngân hàng nước ngoài và không nên quá lo ngại về khả năng bị thôn tóm. Với các NHTM nội địa lớn, có thương hiệu, có thị phần vững chắc, đương nhiên sẽ có tính chủ động cao trong việc tìm kiếm con đường đi của riêng mình. Việc các đối tác chiến lược nước ngoài nắm giữ tới 10-15%, thậm chí 20% cổ

³⁰ Đến cuối năm 2007, VCB đã mua thêm để đạt được sở hữu 30% trong GiaDinh Bank và vốn điều lệ của Ngân hàng này tăng lên 500 tỷ. Ngoài VCB, một loạt các ngân hàng khác như Incombank, SaigonBank, DongA Bank, Eximbank, ACB, HDBank, VIB Bank và Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương cũng là cổ đông lớn của GiaDinh Bank.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

phần chưa thể có sức chi phối hoàn toàn với các hoạt động của NH. Các đối tác sẽ mang lại cho NH những giá trị mới về quản trị tài chính, quản trị rủi ro, những kinh nghiệm và kỹ năng quốc tế - vốn là điểm yếu và rất cần thiết với các NHTM Việt Nam trong quá trình hội nhập.

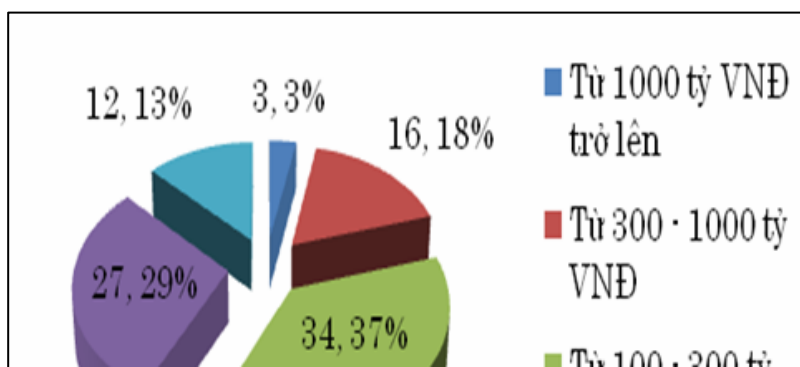
Với các NHTM có vốn điều lệ nhỏ, mua bán - sáp nhập là giải pháp nên cân nhắc và xem xét khi việc tạo dựng uy tín và chiếm giữ thị phần trong thời gian ngắn một cách độc lập là rất khó khăn, cũng như việc thực hiện tăng vốn điều lệ đảm bảo mức 3000 tỷ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước không phải là điều dễ dàng trong bối cảnh khó khăn của hệ thống tài chính hiện nay.

Xu hướng sắp tới sẽ là các ngân hàng nhỏ, quản trị yếu, sẽ sáp nhập với ngân hàng lớn và các ngân hàng nước ngoài sẽ tăng cường mua cổ phần sở hữu ngân hàng trong nước. Số lượng các ngân hàng TMCP sau 3 năm tới sẽ giảm khoảng 30% - 40% so với hiện nay.

4.2. Ngành chứng khoán

Tính đến tháng 6/2008, cả nước đã có 92 công ty chứng khoán được cấp phép thành lập và hoạt động trên thị trường chứng khoán. Quy mô của phần lớn các CTCK vẫn còn rất nhỏ. Chỉ có 3 công ty có quy mô vốn điều lệ từ 1000 tỷ đồng trở lên (CTCK Sài Gòn, CTCK Sacombank và CTCK Ngân hàng ACB), chiếm 3,3% tổng số CTCK. Có tới gần 80% số công ty có vốn điều lệ dưới 300 tỷ VNĐ. Sự ra đời ồ ạt của nhiều CTCK và thiếu nhiều yếu tố quan trọng như vốn, công nghệ, nhân lực,... này bắt nguồn từ việc thị trường chứng khoán phát triển quá nóng trong hai năm 2006 – 2007, để thu được lợi nhuận cao nhưng hoạt động không hiệu quả.

Hình 3.1: Quy mô các Công ty Chứng khoán





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Ủy ban chứng khoán nhà nước (2008)

So với nhiều nước khác trong khu vực và so với quy mô thị trường của Việt Nam, số lượng công ty như vậy là quá nhiều và cần thiết phải có sự sắp xếp, tái cơ cấu để hoạt động chuyên nghiệp và có hiệu quả.³¹ Trong bối cảnh lạm phát tăng cao, ngân hàng nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, thị trường chứng khoán liên tục suy giảm hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán không tránh khỏi lâm vào cảnh khó khăn chồng chất.

Hiện nay, đã có nhiều công ty chứng khoán, định chế tài chính nước ngoài thâm nhập vào thị trường chứng khoán bằng cách mua lại phần lớn cổ phần của các công ty chứng khoán đã thành lập. Một số trường hợp được tổng hợp trong bảng sau:

**Bảng 3.5: Tình hình mua lại các CTCK Việt Nam của công ty nước ngoài
(đến tháng 6/2008)**

CTCK	Bên mua	Tỷ lệ sở hữu của bên mua	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
------	---------	--------------------------	----------------------

³¹ Chẳng hạn, Trung Quốc cũng chỉ có 107 công ty, Malaysia 37 công ty, Thái Lan 41 công ty, Singapore 27 và Hàn Quốc khoảng 50 doanh nghiệp



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

CTCP CK Âu Lạc	Technology CX - QĐ. Cayman	49,00%	100
CTCP CK Việt Nam	RHB Investment Bank Berhad - Malaysia	49,00%	135
CTCP CK Click&Call	Golden Bridge - Hàn Quốc	49,00%	135
CTCP CK Hướng Việt	Morgan Stanley - Singapore	48,33%	300
CTCP CK Sài Gòn	ANZ	11,39%	1.366
	Daiwa Securities Groups	10,00%	
CTCP CK Bảo Việt	Kitme Worldwide VietNam RSP Balanced Fund	6,10%	450
CTCP CK Tân Việt	VietBridge - British Virgin Island	30,00%	128

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý Cạnh tranh

Với việc chuyển nhượng cổ phần này, nhiều công ty chứng khoán hướng đến việc hợp tác chiến lược với đối tác nước ngoài để tận dụng những thế mạnh của họ. Theo quy định hiện nay, các công ty cổ phần chỉ được bán tối đa khối lượng cổ phần cho đối tác nước ngoài là 49% vốn điều lệ. Với 49% bán cho các đối tác nước ngoài, các công ty chứng khoán hy vọng sẽ có được sự tiếp sức để vượt khó trong giai đoạn hiện nay. Các công ty chứng khoán bị mua lại chủ yếu các công ty có quy mô nhỏ và vừa, tiềm lực yếu, không có các tập đoàn tài chính, tổng công ty trợ giúp.

Việc mua - bán, sáp nhập các CTCK đang diễn ra tại Việt Nam hiện nay là điều tất yếu, sự việc này đang diễn ra tại nhiều nước trên thế giới, thậm chí ngay cả ở những thị trường phát triển như Mỹ, châu Âu.

Trong vòng 3 năm tới, sẽ có khoảng 50 – 60% số CTCK hiện đang hoạt động sẽ bị mua lại hoặc sáp nhập.

4.3. Ngành phân phối, bán lẻ

Năm 2008, lần đầu tiên Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn nhất trong số các nước mới nổi về thị trường bán lẻ, theo báo cáo của AT Kearney³². Hiện nay thị trường bán lẻ Việt Nam ước đạt 20 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 20%, cộng với số lượng người tiêu dùng trẻ hàng nhất châu Á, hoạt động cạnh tranh chưa gay gắt bằng các thị

³² Nguồn http://www.atkearney.com/shared_res/pdf/GRDI_2008.pdf



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

trường khác trong khu vực là cơ hội mở rộng thị trường hấp dẫn đối với các nhà bán lẻ toàn cầu. Trong năm 2007, người Việt Nam đã chi gần 45 tỷ USD cho mua sắm và tiêu dùng. Trong khi đó 5 nhà bán lẻ hàng đầu ở Việt Nam hiện chỉ có dưới 3% thị phần.

Tuy nhiên, việc tự thành lập cơ sở kinh doanh tại Việt Nam không phải là điều dễ dàng đối với các nhà phân phối, bán lẻ nước ngoài. Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá, các nhà đầu tư được đầu tư thực hiện quyền phân phối theo hình thức liên doanh giữa nước ngoài và trong nước, với vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 49% vốn điều lệ; kể từ ngày 1/1/2008 không hạn chế tỷ lệ góp vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được đầu tư theo hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài kể từ ngày 1/1/2009. Quyền phân phối của các nhà đầu tư được gắn liền với quyền được lập cơ sở bán lẻ thứ nhất. Tuy nhiên, việc lập thêm cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được xem xét trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế như số lượng các nhà cung cấp dịch vụ đang hiện diện trong một khu vực địa lý, sự ổn định của thị trường...³³ Đây chính là yếu tố quan trọng để các nhà đầu tư nước ngoài (gồm cả các nhà đầu tư mới và nhà đầu tư hiện đang kinh doanh tại Việt Nam) sẽ nghiêng về con đường mua lại, sáp nhập các công ty phân phối, siêu thị trong nước để thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường.

Một số trường hợp tập trung kinh tế điển hình trong ngành bán lẻ thời gian vừa qua là:

- ✓ Tập đoàn bán lẻ Dairy Farm (Hongkong) mua lại chuỗi 6 siêu thị Citimart của Công ty Đông Hưng. Ngoài ra, thông qua công ty con là Giant South Asia Việt Nam, tập đoàn này cũng vừa khai trương siêu thị Wellcome đầu tiên tại TP.Hồ Chí Minh.
- ✓ Lotte đã mua lại tới 35,6% vốn điều lệ của Bibica và kiểm soát doanh nghiệp niêm yết có sản lượng và thương hiệu xếp thứ 2 tại Việt Nam này³⁴. Theo công bố thông tin từ doanh nghiệp, với việc kiểm soát công nghệ, kỹ thuật, chiến lược này, Lotte có thể sản xuất ngay

³³Xem các văn bản:

Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định này và Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 21/05/2007

³⁴ Lotte đã cử đại diện làm chủ tịch HĐQT của Bibica (nguồn: www.hose.org.vn)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

trên nhà máy của Bibica Miền Đông, đây chuyên sản xuất cao cấp. Mục tiêu trở thành nhà kinh doanh lớn nhất Việt Nam của Lotte có thể đạt được với mạng lưới phân phối sẵn có của Bibica lên đến 20.000 cửa hàng, chiếm 10% thị phần bánh kẹo ở Việt Nam. Trước mặt, từ tháng 5.2008, sản phẩm bánh Chocopie của Lotte đã được phân phối qua hệ thống của Bibica, và những dãy sản phẩm tiếp theo của tập đoàn này đang chuẩn bị được đưa vào Việt Nam.³⁵

✓ Không chỉ các doanh nghiệp nước ngoài, ngay cả các công ty Việt Nam cũng coi M&A là hình thức nhanh chóng để mở rộng thị phần, tận dụng hệ thống phân phối sẵn có. Kinh Đô là một trường hợp điển hình. Năm 2003, công ty này đã mua lại toàn bộ nhà máy sản xuất và hệ thống kinh doanh kem Wall's từ Unilever Bestfoods Vietnam, sang năm 2005 và 2007, thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, họ đã mua được một phần lớn quyền sở hữu (trên 30%) các công ty CP nước giải khát Sài Gòn (Tribeco) và công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Đồng Tâm (Nutifood). Nhờ đó, Kinh Đô đã kiểm soát được hệ thống phân phối tương đối rộng trên cả nước, ngoài hệ thống phân phối sẵn có của họ. Trong năm 2008, Kinh Đô đã có kế hoạch sáp nhập với công ty Kinh Đô miền Bắc³⁶. Cả hai công ty này đều được cho là có thị phần tương đối lớn trên thị trường bánh ngọt trung – cao cấp³⁷.

✓ Sự ra đời của Công ty phân phối Việt Nam (VDC) trong năm 2007 là kết quả của liên doanh giữa 4 đại gia phân phối – bán lẻ lớn: Satra, Hapro, Saigon Coop và Phú Thái. Đây được coi là một bước đi mạnh mẽ của các nhà phân phối, bán lẻ trong nước để ứng phó với sự cạnh tranh của các nhà phân phối, bán lẻ nước ngoài đã có hiện diện tại Việt Nam hoặc chuẩn bị tham gia thị trường.

Xu hướng này sẽ ngày càng rõ nét trong thời gian tới, khi một số “đại gia” mua lại và thôn tóm các doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành (không nhất thiết phải cùng trên thị trường liên quan – tương tự như trường hợp Kinh Đô đã nêu ở trên).

Trong 3 năm sắp tới, con đường ngắn nhất để các nhà phân phối nước ngoài thâm nhập thị trường Việt Nam là mua lại các doanh nghiệp trong nước để tận dụng hệ

³⁵ Nguồn http://vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=05&id=a2296de04b0f59

³⁶ Theo Nghị quyết ĐHCĐ 2006, ngày 12/04/2007 của Công ty Cổ phần Kinh Đô.

³⁷ Cáo bạch của 2 công ty (nguồn: Sở GDCK TPHCM và Trung tâm GDCK Hà Nội)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

thống phân phối, bán lẻ sẵn có và cũng sẽ có nhiều công ty Việt Nam thực hiện hình thức này.

4.4. Ngành dược phẩm

Sản xuất dược phẩm là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn trong các năm tới. Tổng giá trị sử dụng thuốc cả nước mỗi năm tăng từ 18-20% (năm 2007 ước khoảng hơn 1,1 tỷ USD)³⁸. Khả năng đáp ứng nhu cầu của thuốc sản xuất trong nước mới đạt khoảng 40-50% (mặc dù tăng so với mức trên 30% của năm 2001) và phần lớn các Công ty Dược trong nước chỉ tập trung sản xuất các loại thuốc thông thường, rất ít công ty sản xuất các loại thuốc đặc trị hoặc cao cấp. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam. Chỉ trong năm 2007, đã có thêm 58 doanh nghiệp dược nước ngoài đăng ký hoạt động so với năm 2006.

Các nhân tố làm gia tăng xu hướng sáp nhập, hợp nhất, mua lại doanh nghiệp trong ngành dược có thể kể đến là:

✓ Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Theo số liệu của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế, tính tới nay, cả nước có 180 nhà máy dược phẩm, 370 doanh nghiệp nước ngoài cung cấp thuốc, 800 doanh nghiệp kinh doanh thuốc và 41500 cơ sở bán lẻ thuốc. Kể từ 1/1/2009, khi các công ty nước ngoài được phép nhập khẩu thuốc trực tiếp thì sự cạnh tranh giữa các công ty dược trong nước và các hãng dược phẩm nước ngoài sẽ càng quyết liệt hơn. Nếu các công ty dược phẩm trong nước không có sự tiến bộ mạnh mẽ về quy trình và năng lực sản xuất, mở rộng thị trường thì nguy cơ mất thị phần vào thuốc nhập khẩu vì theo cam kết gia nhập WTO, sau 5 năm mức thuế trung bình sẽ giảm từ 5% xuống còn 2,5%. Sẽ có nhiều doanh nghiệp trong nước phải sáp nhập với nhau để có thể trụ được trong môi trường cạnh tranh mới.

✓ Theo quy định, kể từ ngày 1/7/2008, doanh nghiệp sản xuất không đạt tiêu chuẩn GMP theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (GMP-WHO) và doanh nghiệp xuất nhập khẩu và kinh doanh dược có hệ thống kho bảo quản không đạt tiêu chuẩn GSP sẽ phải ngừng sản xuất và ngừng xuất nhập khẩu trực tiếp. Tính đến tháng 3/2008, mới có 78/180 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn GMP. Theo lộ trình trên, sẽ có không ít doanh nghiệp sản xuất tân

³⁸ Nguồn: Báo cáo ngành Dược – CTCK Bản Việt (tháng 3/2008)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

được buộc phải ngừng hoạt động, chuyển từ trực tiếp sản xuất sang làm gia công cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn hoặc sáp nhập với doanh nghiệp khác. Yếu tố này sẽ không tác động nhiều đến cấu trúc thị trường do các doanh nghiệp có GMP đã chiếm tới 95% thị phần. Riêng 10 doanh nghiệp trong nước lớn nhất đã chiếm 52,4% thị phần năm 2007 (xem bảng 15).

✓ Để thâm nhập nhanh vào thị trường dược phẩm Việt Nam, thay vì phải mở nhà máy, xây dựng các nhà thuốc và hệ thống phân phối mới, các hãng dược phẩm nước ngoài có thể mua lại cổ phần chi phối các doanh nghiệp dược trong nước, gồm cả công ty niêm yết và công ty chưa niêm yết.

Bảng 3.6: 10 doanh nghiệp ngành dược có doanh thu cao nhất (năm 2007)

STT	Tên Doanh nghiệp	Doanh thu (tỷ VNĐ)	Thị phần
1	CTCP Dược Hậu Giang	1.269	14,13%
2	Cty CP Hóa DP Mekophar	540	6,02%
3	Cty CP DP Sanofi-Synthelabo	466	5,18%
4	Cty CP DP Imexpharm	430	4,79%
5	Cty CP XNK Y tế Domesco	420	4,68%
6	Cty Dược - TBYT Bình Định	400	4,46%
7	Cty CP DP Cửu Long	350	3,90%
8	Cty CP DP Hà Tây	320	3,57%
9	Cty CP Traphaco	305	3,40%
10	Cty CP Dược - VTYT Thanh Hóa	207	2,31%
	Tổng Doanh thu trong ngành	8.980	

Nguồn: Hiệp hội sản xuất kinh doanh Dược Việt Nam

Xu hướng trong 3 năm tới sẽ có nhiều vụ mua lại, sáp nhập các doanh nghiệp trong ngành dược phẩm, kể cả giữa các doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước và giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

4.5. Ngành kiểm toán

Trong năm 2007 có 28 công ty kiểm toán được thành lập nhưng cũng có 4 công ty phải sáp nhập (ví dụ vụ sáp nhập công ty kiểm toán Phương Đông vào công ty kiểm toán và tư vấn ICA 8/2007), 3 công ty ngừng hoạt động và 13 công ty chưa đủ điều kiện hành nghề kiểm toán.

Do sự phát triển nhanh của thị trường chứng khoán cũng như yêu cầu cao về tính minh bạch và chính xác, để đáp ứng yêu cầu kiểm toán, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 89/2007/QĐ-BTC về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thay thế Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC với các điều kiện được giảm bớt³⁹.

Tính đến tháng 6/2008, đã có 146 công ty kiểm toán được cấp phép hoạt động trong đó, theo quy định của Bộ Tài chính chỉ có 26 công ty⁴⁰ được chấp thuận kiểm toán trên thị trường chứng khoán (được kiểm toán các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ). Đặc điểm của các công ty kiểm toán hiện nay là quá phân tán, ngoài 4 công ty kiểm toán lớn nhất (*Big Four*⁴¹), chỉ có chưa tới 10 công ty có doanh số trên 20 tỷ trong năm 2007. Mặt khác, tại nhiều công ty kiểm toán cũng có sự thiếu hụt về đội ngũ kiểm toán viên (do đào tạo không theo kịp, do chuyển sang làm các ngành ngân hàng, chứng khoán), vì thế, đối với các công ty kiểm toán quy mô nhỏ, để có được 7 kiểm toán viên đạt tiêu chuẩn hoàn toàn không phải là việc đơn giản. Ngay cả trong số 10 công ty có nhiều kiểm toán viên nhất (xem bảng), cũng có nhiều công ty chỉ có khoảng trên dưới 20 kiểm toán viên. Do đó, để đáp ứng các tiêu chuẩn CTKT theo quy định mới, xu hướng sắp tới là sẽ có nhiều công ty nhỏ phải sáp nhập.

Hình 3.2: Doanh thu và số kiểm toán viên của 10 công ty kiểm toán lớn nhất

³⁹ Các DNKT được lựa chọn khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

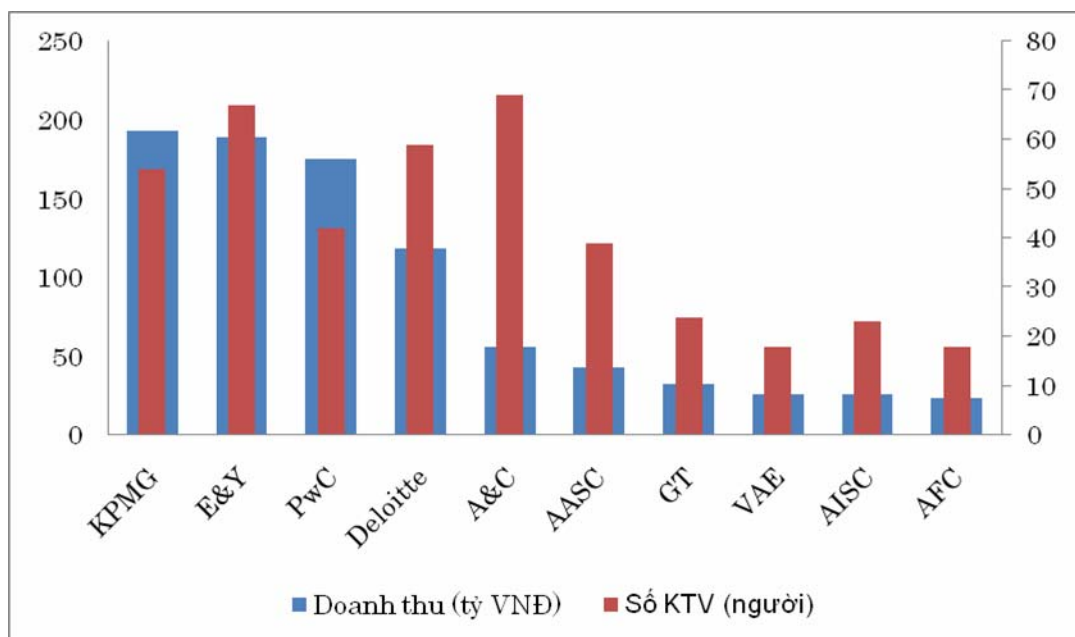
- (1) Vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu tối thiểu là 2 tỷ đồng đối với DNKT trong nước, vốn điều lệ tối thiểu là 300.000 USD đối với DNKT có vốn đầu tư nước ngoài.
- (2) Về số lượng KTV: yêu cầu phải có từ 7 KTV hành nghề trở lên có kinh nghiệm ít nhất 2 năm (theo QĐ 76 là 10 người trở lên)
- (3) Thời gian hoạt động kiểm toán tại Việt Nam tối thiểu là tròn 3 năm (theo QĐ 76 là 5 năm)

⁴⁰ Hiện nay có 11 công ty kiểm toán được kiểm toán công ty niêm yết

⁴¹ Là các công ty lớn trong ngành, bao gồm KPMG, E&Y, PWC và Deloitte và đều là công ty nước ngoài



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO



Nguồn: Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam

Trong thời gian sắp tới sẽ có nhiều công ty kiểm toán nhỏ phải sáp nhập với các công ty khác để đáp ứng yêu cầu của Bộ Tài chính.

4.6. Ngành Công nghệ thông tin

Hoạt động mua bán sáp nhập của các doanh nghiệp trong ngành công nghệ thông tin dựa trên những lý do chủ yếu sau:

- *Tăng cường nguồn nhân lực, nguồn nhân lực công nghệ thông tin* (đặc biệt là gia công phần mềm – outsourcing).
- *Tăng khả năng cạnh tranh, phát triển các dịch vụ CNTT và mở rộng thị trường Việt Nam.* Do đặc thù ngành CNTT, đặc biệt là gia công phần mềm (outsourcing) tại Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển nhanh trong thời gian tới do tính cạnh tranh cao và nhu cầu về CNTT của khối doanh nghiệp và chính phủ tăng cao.

Cùng với Ấn Độ và Trung Quốc, Việt Nam được coi là một trong những nguồn cung cấp nhân lực cho ngành công nghệ thông tin của các nước phát triển. Tuy nhiên, trong những năm qua, khi các công ty của Mỹ, Nhật Bản và châu Âu hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam đã nảy sinh các vấn đề về quản lý, cách thức điều hành dự án,... hoặc nếu họ tự mở doanh nghiệp thì sẽ khó tìm kiếm và đào tạo nhân lực do vấp phải những trở ngại về ngôn ngữ, văn hóa. Vì thế, mua lại các công ty, đặc biệt là các công ty nhỏ sẵn có là một chiến lược đang được nhiều công ty nước ngoài áp dụng để phục vụ cho mục tiêu phát triển hoạt



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

động gia công phần mềm của mình.

- *Mua lại để bắt đầu hiện diện tại thị trường Việt Nam.* Chẳng hạn như trường hợp của Harvey Nash, mặc dù đã có hoạt động hợp tác gia công phần mềm với các đối tác lớn như FPT, nhưng thương vụ mua lại Silk Road Systems được coi là mở đường để công ty của Anh này tiến vào thị trường Việt Nam.

- *Hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm.*

Trong những năm vừa qua, một loạt các quỹ đầu tư đã mua cổ phần của các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung, điển hình là trường hợp của Quỹ IDG Ventures Vietnam⁴², cho tới nay đã mua cổ phần của VC Corporation, Vietnamworks, Vinagame... hoặc các quỹ như Dragon Capital, IFC,... Mục đích chính của các dạng đầu tư như thế này là rót thêm vốn, điều chỉnh cơ cấu, hoạt động kinh doanh để đưa các công ty đó lớn mạnh và làm gia tăng khoản đầu tư của các quỹ nhiều hơn là thu tóm để tập trung kinh tế. Một trong những thành công điển hình của dạng đầu tư này là trường hợp TPG và Intel mua CP của FPT – công ty công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam.

Bảng 3.7: Một số vụ sáp nhập và mua lại trong ngành Công nghệ thông tin

<i>Bên mua</i>	<i>Bên bán</i>	<i>Thời điểm</i>	<i>Quy mô giao dịch</i>
Computer Sciences Corporation (Mỹ)	FCG Việt Nam	T5/2008	không được công bố
NEC Solutions Vietnam (Nhật)	Công ty Sáng Tạo	T5/2008	
Harvey Nash (Vương quốc Anh)	Silk Road Systems Vietnam Ltd.	T10/2007	1,8 triệu USD

Nguồn: Tổng hợp của Cục Quản lý cạnh tranh

Xu hướng chính trong ngành này sẽ là các công ty cùng ngành, các quỹ đầu tư mạo hiểm tăng cường mua lại các công ty Việt Nam.

⁴² Quỹ này có quy mô 100 triệu USD và đã đầu tư mua cổ phần của khoảng 30 công ty IT – tính đến tháng 6/2008



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

CHƯƠNG IV. KHUYẾN NGHỊ

Để nhằm thực thi chức năng kiểm soát tập trung kinh tế do pháp luật quy định, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, công bằng, tuân thủ với các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Thương mại Thế giới và phù hợp với thông lệ quốc tế theo nguyên tắc vừa bảo vệ được cơ cấu cạnh tranh hiệu quả của thị trường vừa không xâm phạm quyền tự do kinh doanh, Nhóm biên soạn Báo cáo đề xuất một số các khuyến nghị theo hai nhóm vấn đề : (1) Về chính sách và thể chế kiểm soát tập trung kinh tế, gồm môi trường pháp lý và thể chế thực thi; và (2) Đối với cộng đồng doanh nghiệp.

1. Nhóm vấn đề thứ nhất: Khuyến nghị về chính sách và thể chế kiểm soát tập trung kinh tế

1.1. Về chính sách và môi trường pháp lý:

Môi trường pháp lý cần được hoàn thiện theo hướng tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

Khuyến nghị 1:

Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế cần được hoàn thiện và vận hành theo những nguyên tắc sau:

(a) Pháp luật cần có những chuẩn mực hợp lý để phân tách những trường hợp tập trung kinh tế gây tổn hại thực sự cho thị trường cạnh tranh và những trường hợp có tác dụng tích cực cho nền kinh tế.

(b) Các thủ tục cần được thực hiện không bị lạm dụng để gây khó khăn cho doanh nghiệp, không cản trở các chiến lược, kế hoạch kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Lịch sử của pháp luật cạnh tranh đã cho thấy, pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế không được hình thành ngay từ thời kỳ đầu của nền kinh tế thị trường. Phải đến khi thị trường tư bản chủ nghĩa phát triển tới mức độ của tư bản độc quyền, những ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng tập trung kinh tế đến diện mạo cạnh tranh của nền kinh tế mới được điều chỉnh. Trong điều kiện Việt Nam đang trong giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nên nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và ngay bản thân các nhà hoạch định chính sách đối với vấn đề cạnh tranh, là một vấn đề cốt lõi của thị trường hiện đại, vẫn còn hết sức khiêm tốn. Mặt khác, kinh nghiệm của nhiều quốc gia đang phát triển cho thấy, sự xung đột giữa nhu cầu phát triển năng lực kinh doanh và khả năng kiểm soát thị trường đã gây ra những lúng túng nhất định trong việc hoạch định chiến lược phát triển



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

kinh tế và đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường. Do vậy, những chuẩn mực rõ ràng và hợp lý của pháp luật cạnh tranh là cần thiết để các chủ thể trên thị trường có thể nhận dạng được một cách đúng đắn và chính xác những hoạt động tập trung kinh tế nào có tác động tích cực tới nền kinh tế và ngược lại, qua đó sẽ điều chỉnh và xây dựng chiến lược kinh doanh cho phù hợp và đem lại hiệu quả thực sự cho doanh nghiệp nói riêng, đóng góp cho nền kinh tế nói chung.

Thực trạng cho thấy, trong giai đoạn chuyển đổi của nền kinh tế, tuyệt đại đa số các doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động trên thị trường có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Tình trạng này không chỉ làm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam vốn đã thấp nay càng bị phân tán, yếu thế trong cuộc cạnh tranh trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mà còn làm giảm hiệu quả đầu tư, phát triển kỹ thuật, công nghệ do yếu tố quy mô. Thế nên, nhu cầu tích tụ, tập trung nguồn lực là tất yếu và cần thiết trong điều kiện hiện nay và tập trung kinh tế được coi là một trong những con đường ngắn nhất để giải quyết vấn đề trên. Bằng cách tích tụ hoặc liên kết các nguồn lực đang tồn tại riêng lẻ thành một khối thống nhất do một doanh nghiệp hoặc một tập đoàn quản lý chung, tập trung kinh tế đã tạo ra khả năng đầu tư lớn hơn với sức mạnh tổng hợp để giải quyết nhiều vấn đề được đặt ra từ thị trường mà từng doanh nghiệp khó có thể thực hiện triệt để. Tác động của tập trung kinh tế đối với doanh nghiệp được nhìn nhận ở nhiều khía cạnh như (i) tập trung vốn để nâng cao khả năng đầu tư kinh doanh, mở rộng thị trường; (ii) tập trung khả năng về chất xám để đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật, nâng cao công nghệ quản lý (iii) tối đa hóa lợi thế cạnh tranh vốn có của từng doanh nghiệp và cải thiện những điểm kém về năng lực cạnh tranh.

Để cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng trên, các nhà hoạch định chính sách cũng cần nhìn nhận theo hướng khách quan và tích cực, nghĩa là hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, những chủ thể chính trên thị trường, có khả năng tiếp cận, gia nhập thị trường không gặp trở ngại bởi những rào cản về mặt hành chính. Theo đó, các thủ tục cần phải được minh bạch, công khai, không tạo nên sự “khó hiểu” cho doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp triển khai kịp thời những kế hoạch, chương trình kinh doanh bắt nhịp được những yêu cầu của thị trường mà không bị cản trở bởi độ trễ của thủ tục.

Khuyến nghị 2:



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Pháp luật về tập trung kinh tế không thể tồn tại độc lập với chính sách cạnh tranh nói chung và định hướng phát triển trong từng ngành lĩnh vực kinh tế cụ thể.

Ảnh hưởng của tập trung kinh tế là làm thay đổi cấu trúc cạnh tranh của thị trường. Trong khi đó, các chính sách kinh tế của một quốc gia có vai trò quyết định mô hình, cấu trúc của thị trường cạnh tranh cho tương lai. Thế nên, đánh giá về khả năng gây ra hạn chế cạnh tranh đối với các hiện tượng này phụ thuộc khá lớn vào nhu cầu và định hướng phát triển cạnh tranh trên thị trường. Với những thị trường cần xây dựng theo mô hình gần với hình thái cạnh tranh hoàn hảo, việc sáp nhập, hợp nhất... doanh nghiệp để tạo nên khả năng chi phối thị trường đều có thể gây hại cho cạnh tranh. Trong khi đó, với những thị trường mà hiệu quả kinh tế phụ thuộc vào quy mô của doanh nghiệp, doanh nghiệp quy mô càng lớn đem lại lợi ích kinh tế càng cao hoặc những thị trường cần tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển thì các chiến lược tập trung kinh tế có thể là những giải pháp có lợi cho nền kinh tế.

Kinh nghiệm trong hơn 100 năm qua của Hoa Kỳ và EU cho thấy, ở mỗi giai đoạn phát triển kinh tế, tùy thuộc chiến lược phát triển chung, chính sách kiểm soát tập trung kinh tế có thể được nới lỏng hoặc siết chặt. Với chính sách kinh tế chú trọng việc phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tăng cường cạnh tranh ở một số ngành kinh tế nào đó, người ta sẽ kiểm soát chặt khả năng hình thành quyền lực thị trường. Ngược lại, khi cần tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh hoặc để đầu tư nguồn lực phát triển kỹ thuật công nghệ... Nhà nước sẽ có nhìn nhận cởi mở hơn với tập trung kinh tế bên cạnh các chính sách khuyến khích đầu tư. Trong điều kiện của thị trường non trẻ, có lẽ việc xây dựng các chính sách cạnh tranh với cơ cấu cạnh tranh hợp lý không đơn giản đối với Việt Nam. Nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình cạnh tranh hóa nhiều lĩnh vực kinh tế đã hoặc đang thuộc độc quyền nhà nước, sự phân tán nguồn lực đầu tư, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn yếu, kinh nghiệm quản lý thị trường còn hạn chế... có ảnh hưởng nhất định đến quyết sách về mô hình cạnh tranh trong tương lai cho nền kinh tế và cho từng lĩnh vực cụ thể. Thực tế cho thấy, nội dung của các chiến lược phát triển kinh tế ngắn và trung hạn tập trung hiện tại chỉ mới giải quyết những khó khăn trước mắt và đặt ra những chỉ số phát triển kinh tế cần đạt được mà chưa là hoạch định mô hình kinh tế một cách rõ ràng, cụ thể. Đôi khi, các giải pháp được sử dụng để hoạch định hướng phát triển cho từng vùng, ngành kinh tế (trong đó có các hoạt động sáp nhập, mua lại...) trở thành những vấn đề nhạy cảm trong



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

đời sống kinh tế- xã hội.

Trên cơ sở nhóm các nguyên tắc như trên, một số các quy định trong pháp luật cạnh tranh cần được điều chỉnh, bổ sung theo hướng:

Khuyến nghị 3:

Cần thống nhất và làm rõ các khái niệm về những hành vi tập trung kinh tế, đặc biệt là quan niệm về hành vi mua lại doanh nghiệp giữa các lĩnh vực pháp luật có liên quan

Những quan niệm không đầy đủ trong pháp luật đầu tư, doanh nghiệp... cần được sửa đổi cho phù hợp với nội dung tương ứng trong Luật Cạnh tranh. Ngoài ra, khả năng mở rộng khái niệm về tập trung kinh tế cũng cần được nghiên cứu đối với những trường hợp liên kết thông qua việc quản lý mà không là sở hữu vốn hay tổ chức lại.

Chẳng hạn, trong pháp luật đầu tư chỉ có một quy định đề cập đến vấn đề kiểm soát tập trung kinh tế dưới góc độ của Luật Cạnh tranh: *khi sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về điều kiện tập trung kinh tế và pháp luật về cạnh tranh*⁴³. Quy định này cho thấy, pháp luật đầu tư chưa có được những đánh giá chính xác về ảnh hưởng của các hình thức đầu tư đến thị trường cạnh tranh. Với quy định nói trên, dường như pháp luật đầu tư chỉ coi hiện tượng sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh tại Việt Nam là những hiện tượng có liên quan đến tập trung kinh tế. Trong khi đó, phần lớn các hình thức đầu tư được ghi nhận đều có thể được sử dụng như biện pháp tập trung kinh tế như liên doanh thành lập doanh nghiệp giữa doanh nghiệp có vốn nước ngoài với doanh nghiệp có vốn trong nước, giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với nhau, hình thức mua cổ phần, mua vốn góp để quản lý doanh nghiệp... Tương tự như vậy, quy định trên trong pháp luật đầu tư chỉ là sự dẫn chiếu đến khả năng áp dụng Luật Cạnh tranh mà chưa có cơ chế phối hợp một cách hợp lý.

⁴³ Khoản 2 điều 10 Nghị định Số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 09 năm 2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Ngoài ra, điều 56 của cùng Nghị định 108 nêu trên có quy định về thủ tục đầu tư trực tiếp theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Theo quy định tại Điều 20 Luật Cạnh tranh, nếu doanh nghiệp sau khi thực hiện tập trung kinh tế vẫn thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ thì không phải thực hiện thủ tục thông báo tập trung kinh tế. Tuy nhiên, định nghĩa thế nào là doanh nghiệp vừa và nhỏ thì lại chỉ được quy định tại Điều 3 Nghị định 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thì *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng hoặc số lao động trung bình hằng năm không quá 300 người”*. Theo Nghị định này, đối tượng áp dụng của khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Khuyến nghị 4:

Trong tương lai, nên nghiên cứu xem xét điều chỉnh Luật Cạnh tranh theo hướng quy định thủ tục thông báo tập trung kinh tế tự động theo tiêu chí kết hợp giữa thị phần và quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp tham gia.

Với quy định hiện tại chỉ xét theo ngưỡng thị phần và nghĩa vụ xác định thị phần thuộc về doanh nghiệp khi nộp hồ sơ thông báo và hồ sơ xin hưởng miễn trừ sẽ là một khó khăn lớn cho bên nộp đơn cũng như cho cơ quan kiểm soát tập trung kinh tế. Nếu sửa đổi luật theo hướng khuyến nghị, cơ quan quản lý cạnh tranh có thể nắm được thông tin về các vụ giao dịch. Đối với những trường hợp tập trung kinh tế có khả năng làm thay đổi cấu trúc thị trường liên quan, hình thành doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, hoặc ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh, cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ chủ động tiến hành điều tra, thẩm định để yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ xin hưởng miễn trừ để Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét ra quyết định cho phép hoặc cấm thực hiện tập trung kinh tế. Quan trọng hơn, cơ chế này sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi họ không cần phải tự chịu trách nhiệm tính toán thị phần của mình trên thị trường liên quan khi nộp hồ sơ thông báo – một yếu tố quan trọng mà các doanh nghiệp đang lúng túng trong việc xác định có thuộc diện phải nộp hồ sơ thông báo hoặc hồ sơ xin hưởng miễn trừ tập trung kinh tế hay không. Cơ chế này cũng làm cho cơ quan quản lý cạnh tranh nắm được một cách đầy đủ, chính xác con số và giá trị các giao dịch tập trung kinh tế để làm cơ sở cho việc kiểm soát có hiệu quả, góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, tránh những nguy cơ thao túng thị trường, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường có thể xảy ra.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Khuyến nghị 5:

Cần coi tập trung kinh tế là một kênh tiềm năng để thu hút vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả. Theo đó, cần hoàn thiện khung pháp lý để xác lập và điều chỉnh các giao dịch tập trung kinh tế một cách minh bạch, có tính hướng dẫn và tiên liệu chắc chắn

Tập trung kinh tế, mặc dù không trực tiếp làm thay đổi GDP của một quốc gia mà chỉ tác động một cách gián tiếp đến nền kinh tế do những thay đổi trong quy mô và cấu trúc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nhưng là một kênh rất tiềm năng để thu hút vốn đầu tư nước ngoài nên cần hoàn chỉnh hơn nữa hành lang pháp lý để khơi thông nguồn vốn này.

Mặc dù khuôn khổ pháp lý cơ bản nhất về tập trung kinh tế đã được hình thành (được đề cập đến trong Bộ Luật Dân sự năm 2005, Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Đầu tư 2005 và Luật Cạnh tranh 2004). Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều vấn đề cụ thể về nội dung cụ thể có liên quan đến các giao dịch tập trung kinh tế còn nằm rải rác trong nhiều văn bản Luật chuyên ngành khác. Do có sự giao thoa và thiếu nhiều quy định cụ thể (*mảng tối*) giữa nhiều lĩnh vực luật nên việc triển khai các giao dịch tập trung kinh tế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp khó khăn về quy định, thủ tục (*như chưa có quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dẫn đến khó xác định trường hợp được hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan trên 50%*). Để giải quyết thực trạng này, Bộ Kế hoạch Đầu tư đã đề xuất Dự thảo Nghị định quản lý các hoạt động mua lại và sáp nhập (là hai hình thức chủ yếu của tập trung kinh tế) của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhóm biên tập kiến nghị Bộ Kế hoạch Đầu tư thúc đẩy công việc Dự thảo để sớm ban hành Nghị định trong năm 2009.

1.2. Về thể chế kiểm soát tập trung kinh tế:

Vấn đề quan trọng nhất để Luật Cạnh tranh được thực thi một cách có hiệu quả, trong đó có việc kiểm soát tập trung kinh tế là thể chế thực thi, cụ thể là cần tăng cường khả năng kiểm soát của Cục QLCT- Cơ quan có chức năng kiểm soát tập trung kinh tế theo hướng cơ quan quản lý cạnh tranh cần được trao quyền chủ động khi thực thi dựa trên những nguyên tắc được pháp luật ghi nhận, bao gồm quyền tự chủ trong việc lựa chọn và sử dụng các phương



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

tiện, công cụ kỹ thuật cho từng vụ việc; chủ động xây dựng quy trình cho việc kiểm soát tập trung kinh tế.

Kiểm soát tập trung kinh tế không giống với việc xử lý các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh. Nếu như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và hành vi lạm dụng thuộc đối tượng cấm thực hiện và pháp luật được xây dựng với chức năng xử lý hành vi vi phạm pháp luật, thì pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế chỉ kiểm soát những hiện tượng sáp nhập, hợp nhất, mua lại và liên doanh giữa các doanh nghiệp để bảo vệ cơ cấu cạnh tranh của thị trường. Khi tiến hành kiểm soát tập trung kinh tế, pháp luật và cơ chế thực thi cần phân tích những tác động của chúng đến tương lai của thị trường cạnh tranh. Những tiêu chí, thông tin, số liệu được sử dụng để phân tích có thể phản ánh các thông số liên quan đến doanh nghiệp ở hiện tại, song những quyết định của cơ quan có thẩm quyền phải dựa trên các đánh giá, dự báo về ảnh hưởng của chúng sau khi việc tập trung kinh tế hoàn tất.... Ở góc độ này, kết quả đánh giá về hiệu quả kinh tế của từng vụ việc cụ thể có ảnh hưởng lớn đến thái độ của nhà nước và pháp luật. Đương nhiên, với sự đa dạng và luôn biến đổi của thị trường, pháp luật chỉ có thể đặt ra những nguyên tắc chung.

1.2.1. Khuyến nghị cụ thể đối với cơ quan quản lý cạnh tranh

Khuyến nghị 1:

Để việc kiểm soát tập trung kinh tế được chủ động và hiệu quả, cơ quan quản lý cạnh tranh nên có những nghiên cứu và dự đoán trước những thị trường, những lĩnh vực kinh tế có nguy cơ xảy ra hiện tượng tập trung kinh tế, thậm chí những doanh nghiệp có khả năng thực hiện hành vi thôn tính thị trường bằng hình thức tập trung kinh tế.

Không phải mọi lĩnh vực kinh tế khi xảy ra hiện tượng tập trung kinh tế đều thuộc phạm vi kiểm soát của pháp luật cạnh tranh. Các cuộc sáp nhập, mua lại... ở những thị trường có qui mô đầu tư nhỏ, phân tán sẽ không gây ảnh hưởng đến cơ cấu cạnh tranh của thị trường và thường không thuộc phạm vi kiểm soát của pháp luật về tập trung kinh tế. Phần lớn các vụ tập trung kinh tế có tác động lớn đến thị trường cạnh tranh xảy ra ở những khu vực thị trường đang có mức độ tập trung kinh tế đáng kể hoặc có vị trí tương đối trong nền kinh tế. Những dự báo khi kết hợp với chính sách phát triển chung giúp cơ quan có thẩm quyền



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

kiểm soát tình hình sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh một cách nhanh chóng, hiệu quả và xác định các phương tiện, thủ tục kiểm soát phù hợp.

Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc kiểm soát tập trung kinh tế cần phân chia đến nhóm ngành cấp IV hoặc cấp V theo hệ thống ngành kinh tế quốc dân (VSIC 2007) và hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu tổng thể xét trên các thị trường liên quan. Cần lập ra một cơ chế để giám sát, chú trọng vào các ngành có mức độ tập trung kinh tế (CR3, CR5, HHI) cao.

Khuyến nghị 2:

Cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật cạnh tranh nói chung và các quy định về tập trung kinh tế nói riêng tới cộng đồng doanh nghiệp.

Có một thực tế là, nhiều trường hợp doanh nghiệp có thị phần tương đối lớn, khi thực hiện tập trung kinh tế nhưng hoàn toàn không lưu ý đến thủ tục thông báo mà chỉ đến khi nộp đơn thay đổi đăng ký kinh doanh tới sở Kế hoạch – Đầu tư mới được yêu cầu tham vấn với cơ quan quản lý cạnh tranh về nghĩa vụ này. Do hoạt động trên phạm vi quốc tế và am hiểu luật pháp sở tại, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi thực hiện hoặc có dự định thực hiện tập trung kinh tế thường trực tiếp hoặc thông qua các văn phòng luật sư để tham vấn và được hướng dẫn trình tự thủ tục thông báo.

Khuyến nghị 3:

Cơ quan quản lý cạnh tranh nên tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện, cả về lý luận và thực tiễn để đề xuất trình Chính phủ phương án sửa đổi, bổ sung Luật Cạnh tranh nhằm thực thi kiểm soát các dạng tập trung kinh tế theo chiều dọc và dạng tổ hợp.

Hiện nay, Luật Cạnh tranh mới chỉ điều chỉnh các trường hợp tập trung kinh tế theo chiều ngang. Chính phủ cũng cần tính đến một lộ trình thích hợp để điều chỉnh các trường hợp tập trung kinh tế theo chiều dọc (vertical – giữa các doanh nghiệp có quan hệ người mua – người bán) và theo hình thức tổ hợp (conglomerate – giữa các doanh nghiệp không cùng hoạt động trên cùng thị trường sản phẩm và không có cùng quan hệ người mua – người



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

bán). Ảnh hưởng tiềm ẩn của các dạng tập trung kinh tế này đến môi trường cạnh tranh không phải là nhỏ. Cụ thể là:

Đối với tập trung kinh tế theo chiều dọc, khi một doanh nghiệp nắm được vị thế thị trường rất mạnh ở một phân đoạn nào đó trong chuỗi kinh doanh thì họ có thể lợi dụng sức mạnh thị trường này để gây sức ép đối với khâu có liên quan trước và sau đó (upstream và downstream) và tạo khó khăn cho những đối thủ cạnh tranh không cùng liên kết. Hơn nữa, các đối thủ cạnh tranh có ý định gia nhập thị trường cũng sẽ chịu bất lợi vì rào cản tài chính và công nghệ sẽ cao hơn do doanh nghiệp sau khi tập trung kinh tế sẽ có được.

Tập trung kinh tế dạng tập đoàn cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường cạnh tranh, có thể kể ra như: (i) Các doanh nghiệp tham gia tập trung dạng tập đoàn có lợi thế cạnh tranh trong việc tiết kiệm được chi phí khi có nhu cầu tín dụng, bảo hiểm, quảng cáo và cả vận tải... và với cơ sở tiềm lực hùng mạnh về tài chính, doanh nghiệp hợp nhất này có thể gây ảnh hưởng đến chính trị, vận động hậu trường... hoặc trong công tác đối ngoại, quan hệ công chúng; (ii) Thông qua những hoạt động kinh doanh, các giao dịch hoán đổi, các doanh nghiệp hợp nhất dạng tập đoàn có thể có điều kiện đưa ra những hạch toán hỗn hợp, hạn chế rủi ro về chi phí và thị trường, có được những điều kiện kinh doanh rất thuận tiện và vì thế sẽ gây bất lợi cho những đối thủ cạnh tranh nhỏ hơn. Hiện tượng này sẽ làm vô hiệu hoá nguyên lý hiệu quả với tính chất là nguyên tắc chọn lọc của nền kinh tế thị trường; và tóm lại, việc hình thành một thế lực quá hùng mạnh trên thị trường trên nhiều phương diện sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi cho các chủ thể tham gia trên thị trường và sẽ tác động tới người tiêu dùng một cách trực tiếp hay gián tiếp⁴⁴.

Khuyến nghị 4:

Cần xác định rõ vị trí của cơ quan quản lý cạnh tranh không chỉ đơn giản là tổ chức thực thi Luật cạnh tranh mà nên có vị trí xứng đáng và vai trò quan trọng trong việc thẩm tra các quyết sách kinh tế có thể ảnh hưởng đến thị trường cạnh tranh, đặc biệt đối với chiến lược phát triển những ngành có vị trí quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế.

Bên cạnh việc tăng cường cơ chế thi hành pháp luật, việc xây dựng chính sách phát triển

⁴⁴ Lê Viết Thái, Chuyên đề về *Hành vi tập trung kinh tế*, Đề tài nghiên cứu về thể chế cạnh tranh trong điều kiện phát triển thị trường tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu thương mại - Bộ Thương mại, 2005.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

cạnh tranh trung hạn và dài hạn cho thị trường một cách hiệu quả, minh bạch sẽ góp phần khẳng định chính xác vị trí của pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế trong quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế. Định hướng xây dựng và phát triển thị trường cạnh tranh phải được xây dựng từ cơ cấu cạnh tranh hiện tại của thị trường, vị trí của các lĩnh vực kinh tế trong định hướng phát triển chung của kinh tế quốc dân, điều kiện kinh tế-kỹ thuật để phát triển, dự báo về hiệu quả phát triển theo từng mô hình cạnh tranh... Từ những định hướng cơ bản trên, pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế được tổ chức thực thi một cách linh hoạt, uyển chuyển theo nhu cầu phát triển của thị trường song vẫn đảm bảo sự minh bạch, công bằng.

Khuyến nghị 5:

Tăng cường sự hợp tác giữa cơ quan quản lý cạnh tranh Việt Nam và các cơ quan quản lý cạnh tranh quốc tế để trao đổi thông tin liên quan đến tập trung kinh tế xuyên biên giới.

Với xu hướng tập trung kinh tế xuyên biên giới ngày càng gia tăng, sự hợp tác quốc tế giữa các cơ quan quản lý cạnh tranh là rất quan trọng. Hiện nay, có rất nhiều tập đoàn đa quốc gia hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và có vị thế thị trường tương đối lớn nên thông qua hợp tác quốc tế, Cục Quản lý cạnh tranh có thể chủ động hơn trong việc giám sát hoạt động tập trung kinh tế của nhóm doanh nghiệp này.

1.2.2. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước hữu quan

Để việc quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và việc kiểm soát tập trung kinh tế hiệu quả, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cạnh tranh và cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Hiện nay, chỉ có điều 38 Nghị định 116/2005/NĐ-CP quy định về vấn đề này bằng trách nhiệm của cơ quan quản lý cạnh tranh trong việc gửi trả lời thông báo tập trung kinh tế đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Các nội dung trong việc kiểm soát tập trung kinh tế như việc xác định thị trường liên quan, tính toán thị phần kết hợp, tác động của vụ việc đến cơ cấu cạnh tranh của thị trường... không đơn giản và có thể phát sinh những cách thức xác định, những quan điểm khác nhau. Do đó, cơ chế phối hợp không thể hiểu giản đơn là việc thông tin mà còn là cơ chế phân công, liên kết để thống nhất các quy trình tính toán, phương thức



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

kiểm soát hợp lý, hiệu quả.

Mặc dù Luật Doanh nghiệp bước đầu đã sử dụng những nguyên tắc trong việc kiểm soát tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh, song trong thủ tục đăng ký kinh doanh, thủ tục sáp nhập, chuyển nhượng vốn, cổ phần lại không có những quy định thích hợp để sự liên kết giữa thủ tục thông báo tập trung kinh tế và các thủ tục tương ứng đạt hiệu quả. Về nguyên tắc, trong những trường hợp phải thông báo theo Luật Cạnh tranh, doanh nghiệp chỉ được thực hiện tập trung kinh tế sau khi có trả lời bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh khẳng định vụ việc không thuộc trường hợp bị cấm. Khi đó, trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp... cần có thêm văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh. Tuy nhiên, các quy định trong Luật doanh nghiệp và Nghị định 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/08/2006 về đăng ký kinh doanh không quy định về việc này. Thực trạng trên chắc chắn làm cho sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan càng thêm lỏng lẻo. Khi đó, việc kiểm soát tập trung kinh tế khó đem lại hiệu quả cao.

Cần có một kênh thông tin để trao đổi cơ sở dữ liệu liên quan đến thông tin doanh nghiệp phải báo cáo cho cơ quan chức năng giữa cơ quan quản lý cạnh tranh và các cơ quan chuyên ngành như Tổng cục thống kê, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng nhà nước, các cơ quan điều tiết ngành.

Các cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa phương (Sở Kế hoạch – Đầu tư) cũng lưu ý hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh cần tuân thủ các quy định của pháp luật về cạnh tranh để tránh trường hợp doanh nghiệp cứ tiến hành nhưng sẽ bị buộc phải thực hiện các biện pháp chế tài ở mức rất cao (có thể bị phạt đến 10% tổng doanh thu của năm tài chính trước thời điểm vi phạm và cùng với các biện pháp khắc phục hậu quả bổ sung).

2. Nhóm vấn đề thứ hai: Khuyến nghị đối với cộng đồng doanh nghiệp

Rất khó để một doanh nghiệp có thể lớn mạnh ngay lập tức mà họ sẽ phải chấp nhận sự cạnh tranh gay gắt cả ở trong nước và nước ngoài. Tập trung kinh tế là một trong những cách thức hiệu quả giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tái cơ cấu hệ thống quản lý, bộ máy tổ chức nên cần được doanh nghiệp coi là một trong những chiến lược phát triển lâu dài. Doanh nghiệp cần phải nỗ lực tìm kiếm và đàm phán với những đối tác thực sự có khả năng để cùng phát triển.



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm túc các quy định về tập trung kinh tế vì mức chế tài đối với những vi phạm này là rất lớn (gồm cả mức phạt bằng tiền tính theo doanh thu và các biện pháp khắc phục hậu quả khác).

Doanh nghiệp nên nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ thông tin theo yêu cầu của luật pháp, có sự tham vấn với cơ quan chức năng trước khi tiến hành tập trung kinh tế (đặc biệt là về thủ tục thông báo, thủ tục xin hưởng miễn trừ, thị phần của các doanh nghiệp tham gia,...) và hợp tác với cơ quan điều tra khi xảy ra vụ việc ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh

Các bên tham gia cần lưu ý đến những trở ngại trong giao dịch M&A như:

- Khác biệt về quan điểm giữa bên mua và bên bán;
- Vấn đề bảo mật thông tin;
- Thông tin về doanh nghiệp chưa chính xác (tài chính, nhân sự, kế hoạch kinh doanh,...);
- Các vấn đề về thẩm định, định giá tài sản (Due Diligence Process);
- Các vấn đề liên quan đến thuế và nghĩa vụ đối với nhà nước;
- Các vấn đề về thực hiện phương án do yếu tố thời gian.

Các công ty tư vấn M&A sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng, là trung gian trong các hoạt động tập trung kinh tế nên cần nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp cao và phạm vi hoạt động. Họ phải thực sự đóng vai trò vừa là môi giới nhưng cũng là người tư vấn cho các bên trong hoạt động mua lại và sáp nhập, chứ không phải chỉ dừng ở vai trò trung gian qua các website mang tính chất “rao vặt”. Hình thức này chỉ phù hợp với các giao dịch của các cơ sở sản xuất, cửa hàng, thương hiệu có quy mô rất khiêm tốn.

Các hoạt động tập trung kinh tế cần phải dựa trên nhu cầu nội tại của thị trường (gồm cả người mua và người bán). Tức là với nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tất yếu sẽ dẫn đến cạnh tranh, thôn tính lẫn nhau để độc chiếm thị trường, môi trường kinh doanh mà ở đó có sự cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp là động lực để doanh nghiệp vươn lên, phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, và đương nhiên khi đó sẽ có doanh nghiệp tồn tại, phát triển, sẽ có doanh nghiệp phá sản, bị thôn tính... Và tất yếu sẽ hình thành nhu cầu mua, bán, sáp nhập, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp để lớn



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

mạnh hơn, phát triển hơn và hỗ trợ cho nhau tốt hơn.

Các doanh nghiệp cần xây dựng được kênh kiểm soát thông tin, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh nói chung, hoạt động tập trung kinh tế nói riêng. Bởi vì trong hoạt động tập trung kinh tế, thông tin về giá cả, thương hiệu, thị trường, thị phần, quản trị... là rất cần thiết cho cả bên mua, bên bán. Nếu thông tin không được kiểm soát, minh bạch thì có thể gây nhiều thiệt hại cho cả bên mua, bên bán, đồng thời ảnh hưởng nhiều đến các thị trường khác như hàng hóa, chứng khoán, ngân hàng. Bởi vì, cũng như các thị trường khác, thị trường tập trung kinh tế hoạt động có tính dây chuyền, nếu một vụ tập trung kinh tế lớn diễn ra không thành công hoặc có yếu tố lừa dối thì hậu quả cho nền kinh tế là rất lớn vì có thể cổ phiếu, trái phiếu, hoạt động kinh doanh, đầu tư... của doanh nghiệp đó nói riêng và các doanh nghiệp liên quan bị ảnh hưởng theo.

Thị trường tập trung kinh tế (với hình thức M&A) là một thị trường cần sự tham gia, tham vấn của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu về các lĩnh vực khác nhau như luật pháp, tài chính, thương hiệu... do đó, cần có những chương trình đào tạo để có được đội ngũ chuyên gia tốt, những người môi giới, tư vấn cho cả bên mua, bên bán, đồng thời là người cung cấp thông tin tốt nhất về thị trường. Có như vậy thị trường tập trung kinh tế Việt Nam mới hoạt động tốt và đi vào chuyên nghiệp.

PHỤ LỤC 1. CÁC MẪU HỒ SƠ THÔNG BÁO TẬP TRUNG KINH TẾ, MẪU HỒ SƠ XIN HƯỞNG MIỄN TRỪ

Mẫu hồ sơ thông báo tập trung kinh tế

Mẫu MTB - 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-QLCL của Cục trưởng
Cục Quản lý cạnh tranh ngày 04-07-2006)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO

Việc tập trung kinh tế

Kính gửi: Cục Quản lý cạnh tranh

1. Thông tin về các doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế

A. Tên doanh nghiệp thứ nhất: (ghi bằng chữ in hoa).....

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư) số:

Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

Ngành, nghề kinh doanh:

.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

Địa chỉ của (các) chi nhánh (nếu có):.....

.....

Địa chỉ của (các) văn phòng đại diện (nếu có):.....

.....

Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

B. Tên doanh nghiệp thứ hai: (ghi bằng chữ in hoa).....

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư) số:

.....

Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

Ngành, nghề kinh doanh:

.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

.....

Điện thoại:..... Fax:

Email (nếu có):..... Website (nếu có):

Địa chỉ của (các) chi nhánh (nếu có):

.....

Địa chỉ của (các) văn phòng đại diện (nếu có):

.....

Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

.....

Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....⁴⁵

2. Mô tả về tập trung kinh tế mà các bên dự định tiến hành

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đề nghị Cục Quản lý cạnh tranh xem xét Thông báo việc tập trung kinh tế này và hồ sơ kèm theo để trả

⁴⁵ Điền thông tin về các doanh nghiệp khác nếu có nhiều hơn hai doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

lời bằng văn bản về việc tập trung kinh tế có bị cấm hay không theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo việc tập trung kinh tế này và hồ sơ kèm theo.

Các doanh nghiệp thông báo

việc tập trung kinh tế

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

Kèm theo đơn:

-

-



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Mẫu đơn đề nghị miễn trừ đối với vụ việc tập trung kinh tế

Mẫu MD - 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-QLCL của Cục trưởng Cục

Quản lý cạnh tranh ngày 04-07-2006)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Công Thương⁴⁶

1. Thông tin về các doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế

A. Tên doanh nghiệp thứ nhất: (ghi bằng chữ in hoa).....

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư) số:

.....

Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

Ngành, nghề kinh doanh:

.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

Email (nếu có):..... Website (nếu có):

Địa chỉ của (các) chi nhánh (nếu có):.....

⁴⁶ Tùy thuộc vào trường hợp miễn trừ tập trung kinh tế. Nếu tập trung kinh tế thuộc khoản 2 Điều 19 của Luật Cạnh tranh, Thủ tướng Chính phủ là người có thẩm quyền quyết định việc miễn trừ. Nếu tập trung kinh tế thuộc khoản 1 Điều 19 của Luật Cạnh tranh, Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) là người có thẩm quyền quyết định việc miễn trừ



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

.....
Địa chỉ của (các) văn phòng đại diện (nếu có):.....

.....
Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

.....
Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

B. Tên doanh nghiệp thứ hai: (ghi bằng chữ in hoa).....

.....
Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt:.....

.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư) số:

.....
Nơi cấp:..... Cấp ngày:...../...../.....

Ngành, nghề kinh doanh:

.....
Địa chỉ của trụ sở chính:

.....
Điện thoại:..... Fax:.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

Địa chỉ của (các) chi nhánh (nếu có):.....

.....
Địa chỉ của (các) văn phòng đại diện (nếu có):.....

.....
Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

.....
Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nơi cấp: Cấp ngày:...../...../.....⁴⁷

2. Tập trung kinh tế mà các bên dự định tiến hành

.....
.....
.....

3. Giải trình tóm tắt về việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ theo Luật Cạnh tranh

.....
.....
.....

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Công Thương⁴⁸ xem xét, quyết định cho chúng tôi hưởng miễn trừ đối với trường hợp tập trung kinh tế này.

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị hưởng miễn trừ này và hồ sơ kèm theo.

Nơi nhận:

Các doanh nghiệp đề nghị hưởng miễn trừ

(Ký tên và đóng dấu)

- Cục Quản lý cạnh tranh

(để thẩm định);

-

Kèm theo đơn:

-

⁴⁷ Điền thông tin về các doanh nghiệp khác nếu có nhiều hơn hai doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế

⁴⁸ Tùy thuộc vào trường hợp miễn trừ tập trung kinh tế. Nếu tập trung kinh tế thuộc khoản 2 Điều 19 của Luật Cạnh tranh, Thủ tướng Chính phủ là người có thẩm quyền quyết định việc miễn trừ. Nếu tập trung kinh tế thuộc khoản 1 Điều 19 của Luật Cạnh tranh, Bộ trưởng Bộ Thương mại là người có thẩm quyền quyết định việc miễn trừ.



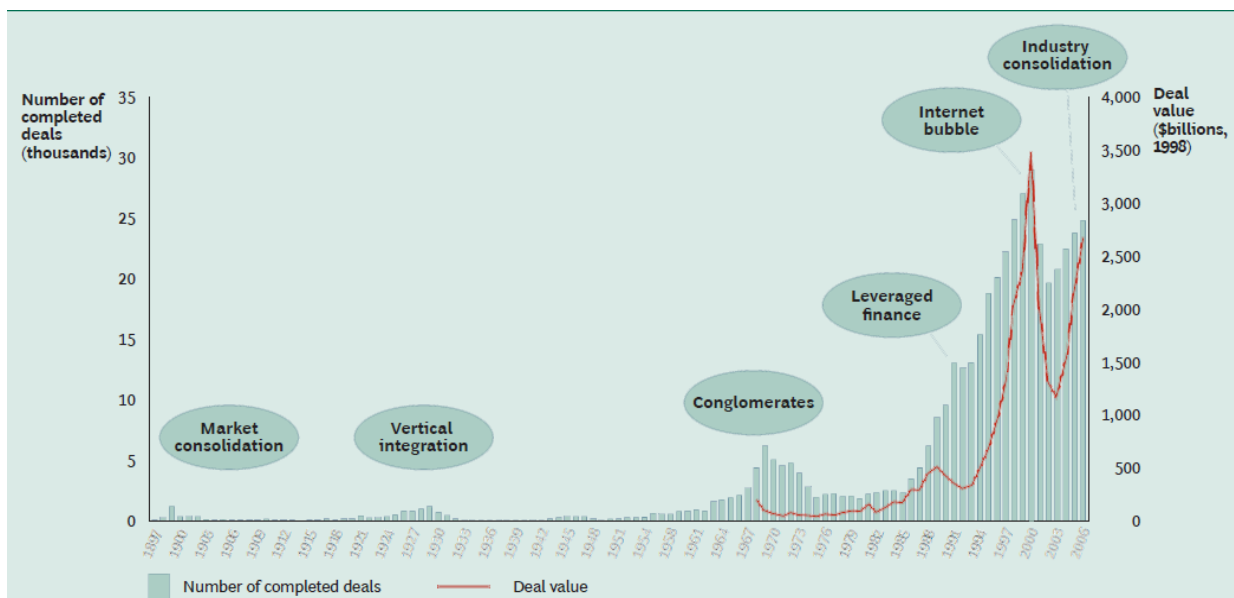
TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

PHỤ LỤC 2. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI TRONG NHỮNG NĂM QUA

1. Làn sóng M&A thứ 6: Hợp nhất

Trong lịch sử kinh tế thế giới từ đầu thế kỷ 20, đã có 6 làn sóng tập trung kinh tế với các đặc điểm và kết quả khác nhau (Xem hình 5.1).

Hình 5.1: Các làn sóng tập trung kinh tế trên thế giới trong lịch sử



Nguồn: *The Brave New World of M&A* (BCG – 7/2007)

Cụ thể, có các làn sóng sáp nhập diễn ra vào các khoảng thời gian như sau: đầu thế kỷ XX (làn sóng độc quyền hóa), những năm 1920 (làn sóng sắp xếp lại để đạt được hiệu quả theo quy mô), những năm 1960 (làn sóng thành lập tập đoàn), đầu thập niên 1980 (làn đầu tư tài chính), cuối thập niên 1990 (làn sóng toàn cầu hóa cùng sự bùng nổ của mạng Internet) và làn sóng mới nhất hợp nhất các ngành công nghiệp, bắt đầu từ năm 2004 tới nay, sau sự đổ vỡ của hàng loạt công ty dot com.

Trong làn sóng M&A thứ sáu này, tỷ lệ các vụ hợp nhất trong tổng số giá trị các giao dịch đã tăng vọt từ mức 48,7% trong giai đoạn 1999-2000 lên đến 71,4%⁴⁹ trong năm 2006. Toàn cầu hóa, môi trường thể chế tự do hóa hơn trong một số ngành, và sự thành lập nhiều

⁴⁹ Boston Consulting Group Report – *The Brave New World of M&A* – July 2007



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

quỹ dành riêng cho hoạt động M&A đã thúc đẩy xu hướng này.

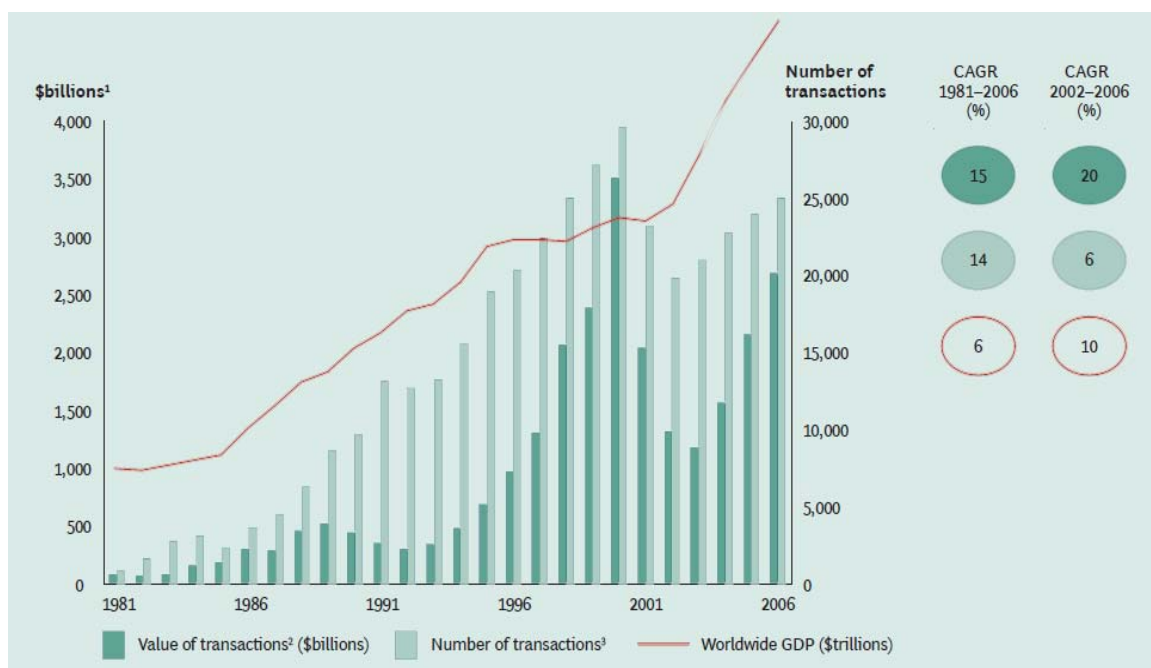
Theo đánh giá của Hãng truyền thông Thomson và Hãng kiểm toán PricewaterhouseCoopers (PwC) thì tổng giá trị M&A trong năm 2006 đã lên đến gần 3.500 tỷ USD với gần 40.000 vụ.

Các lĩnh vực thực hiện M&A nhiều nhất đều cùng chung đặc điểm là phát triển nhanh, cạnh tranh lớn. Nếu trước đây đó là các ngành công nghiệp ô tô, thép, năng lượng thì ngày nay đã có những ngành mới nổi lên như truyền thông, công nghệ thông tin, tài chính, chứng khoán, dược phẩm, thông tấn..., nổi bật là các vụ Mittal – Arcelor (39,5 tỷ USD), Endesa - E.ON (66 tỷ USD), AT&T - BellSouth (83,4 tỷ USD), Adidas - Reebok (3,8 tỷ USD), Thomson - Reuters (17,2 tỷ USD), RBS, Santander, Fortis - ABN Amro (96.6 tỷ USD), Mitsubishi Tokyo Financial - UFJ Holdings (59,1 tỷ USD), JP Morgan Chase – Bank One (56.9 tỷ USD), Lenovo Group - IBM PC (1,25 tỷ USD)...

2. Giá trị các vụ giao dịch tăng mạnh

Trong giai đoạn từ năm 1991 đến 2006, số vụ giao dịch hàng năm đã nhiều hơn bất kỳ giai đoạn nào khác trong lịch sử, với mức trung bình khoảng 21.000 giao dịch/năm. Điều này phản ánh mối quan hệ thuận chiều mạnh hơn giữa GDP và hoạt động M&A trên toàn cầu. (Xem hình 5.2).

Hình 5.2: Tương quan giữa M&A và tăng trưởng GDP



Nguồn: The Brave New World of M&A (BCG – 7/2007)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Trên thực tế, mức độ các hoạt động đã tăng tương đối đều đặn và nhanh chóng trong hơn một phần tư thế kỷ vừa qua. Mặc dù số lượng và giá trị các giao dịch có giảm sút trong 3 năm sau khi kết thúc làn sóng M&A thứ 5 vào năm 2000 – khi số các giao dịch đạt mức cao kỷ lục (khoảng 29.500 giao dịch/năm) – nhưng đã tăng trở lại, cho dù với tốc độ thấp hơn trước đó. Trong giai đoạn 2002 – 2006, số lượng các giao dịch tăng 6%/năm, so với mức tăng trung bình 14%/năm giai đoạn 1981 – 2006. Đặc điểm đáng chú ý nhất của làn sóng M&A ngày nay là quy mô của các giao dịch và tốc độ tăng của quy mô đó. Từ năm 2002, giá trị trung bình của một giao dịch đã tăng gần gấp đôi, vượt mức 110 triệu USD, mức cao thứ hai trong lịch sử, chỉ sau đỉnh cao năm 2000 (khi giá trị trung bình của một giao dịch đạt mức 140 triệu USD). Con số này tương đương với mức tăng cộng dồn hàng năm⁵⁰ là 20% trong giai đoạn 2002 – 2006, so với mức tăng 15% trung bình của giai đoạn 1981 – 2006. Đáng chú ý nhất là số vụ quy mô khổng lồ (trên 1 tỷ USD) đã tăng mạnh hơn bao giờ hết, với mức hơn 18%/năm. Chỉ trong năm 2006, đã có khoảng 450 vụ sáp nhập khổng lồ, chỉ ít hơn mức kỷ lục 470 vụ trong năm 2000. Nguyên nhân của quy mô tăng như vậy một phần là do xu hướng hợp nhất gia tăng và mức định giá chung cao hơn, nhưng điều đó cũng phản ánh thực tế rằng bên thâu tóm có một nguồn vốn dùng để mua lại lớn hơn nhờ vào lợi nhuận kỷ lục và mức lãi suất thấp, giúp họ có thể thực hiện những bản chào mua mạnh tay hơn.

Châu Mỹ vẫn chiếm phần lớn các giao dịch tính theo giá trị (46,5% trong giai đoạn 1997 – 2006), tiếp theo là châu Âu (29,5%), mặc dù chênh lệch của 2 khu vực này đã giảm.

Tỷ lệ của các giao dịch liên khu vực tính theo giá trị là tương đối thấp (12,8%) và phần lớn là giữa các công ty của châu Mỹ và châu Âu. Tuy nhiên, có nhiều biểu hiện cho thấy các nước đang phát triển đang ngày càng hoạt động tích cực hơn trên thị trường M&A, cho dù vẫn còn ở mức thấp. Chẳng hạn, trong giai đoạn 2002 – 2006, giá trị các giao dịch ở Trung Quốc và Ấn Độ đã tăng 20,4%/năm – tốc độ tăng nhanh thứ hai trên thế giới sau châu Mỹ (21,6%), hứa hẹn tỷ suất lợi nhuận cao hơn các thị trường truyền thống.

Ngược lại, M&A cũng là một công cụ hữu hiệu để các công ty của những nước đang phát triển vươn ra thị trường thế giới. Một số vụ điển hình là các trường hợp của Trung Quốc như Công ty ô tô Nam Kinh (Trung Quốc) hãng MG Rover của Anh với giá 53 triệu Bảng, Lenovo mua một đơn vị sản xuất máy tính cá nhân của IBM với giá 1,75 tỷ USD,

⁵⁰ Compound Annual Growth Rate (CAGR)



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

TCL mua lại chi nhánh sản xuất tivi của Thomson (Pháp), Haier Group mua lại hãng sản xuất thiết bị gia dụng Maytag Corp, hay Ấn Độ: Tata Motor mua Jaguar, Land Rover (2,3 tỷ USD), Mittal Steel mua ISG (4,5 tỷ USD) và Arcelor (39,5 tỷ USD), Tata Group mua Corus Group (13 tỷ USD).

3. Các quỹ đầu tư đang đẩy mạnh vào hoạt động M&A

Các quỹ đầu tư (Private Equity Firms) đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trên thị trường vì họ đã tận dụng được giai đoạn chi phí lãi vay của hệ thống ngân hàng thấp nhằm thực hiện các vụ M&A (leverage buyout - LBOs). Từ năm 1996, tỷ lệ số giao dịch của họ đã tăng từ 6% lên đến 14%, tương đương với mức tăng trung bình 12%/năm, trong khi đó tỷ lệ tổng giá trị giao dịch còn tăng mạnh hơn nhiều, gấp ba lần, từ 8% đến 24% - tương đương với mức tăng 24%/năm. Tính theo giá trị tuyệt đối, quy mô của giao dịch của các PEs còn mạnh hơn nữa. Tổng giá trị giao dịch của các PEs đã tăng từ 160 tỷ USD năm 2000, khi giá trị và số lượng M&A đạt mức kỷ lục, lên đến mức 650 tỷ USD vào năm 2006.

Bảng 5.1: Các quỹ đầu tư lớn nhất thế giới (tính đến 2007)

STT	Tên quỹ	Trụ sở	Tổng vốn (tỷ USD)
1	The Carlyle Group	Washington DC	32,50
2	Kohlberg Kravis Roberts	New York	31,10
3	Goldman Sachs PIA	New York	31,00
4	The Blackstone Group	New York	28,36
5	TPG Capital	Fort Worth	23,50
6	Permira	London	21,47
7	Apax Partners	London	18,85
8	Bain Capital	Boston	17,30
9	Providence Equity Partners	Providence	16,36
10	CVC Capital Partners	London	15,65



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

11	Cinven	London	15,07
12	Apollo Management	New York	13,90
13	3i Group	London	13,37
14	Warburg Pincus	New York	13,30
15	Terra Firma Capital Partners	London	12,90
16	Hellman & Friedman	San Francisco	12,00
17	CCMP Capital	New York	11,70
18	General Atlantic	Greenwich	11,40
19	Silver Lake Partners	Menlo Park	11,00
20	Teachers' Private Capital	Toronto	10,78

Nguồn: Private Equity International 5/2007

Các quỹ này đóng vai trò to lớn trong việc thu hút vốn tại các vụ IPO trên toàn thế giới. Tổng số vốn của 50 quỹ đầu tư lớn nhất thế giới là 551 tỷ USD, tương đương với 23% tổng giá trị các vụ IPO từ năm 2002 tới 2007 (2.322 tỷ USD).

4. Sự nổi lên của các Quỹ đầu tư nhà nước (SWF)

Do hiện tượng bùng nổ của cải trong vài thập niên qua, tài sản của nhiều quốc gia (đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi) tăng vọt. Khác với thông lệ cũ, tiền bạc dư thừa thường được đổi thành quý kim như vàng hay ngoại tệ mạnh rồi cất trong ngân khố phòng khi "hoạn nạn", thường gọi là dự trữ quốc gia, nay, các quốc gia đã thành lập các quỹ nhằm kinh doanh khai thác nguồn dự trữ đó, hoặc gây ảnh hưởng kinh tế, chính trị phục vụ các mục tiêu quốc gia... Các quỹ này hoạt động như các quỹ đầu tư tài chính, có tên gọi là "Sovereign Wealth Fund". Những quốc gia hiện nay (tính đến cuối 2007) có trị giá quỹ này lớn từ 20 tỷ đô-la

Bảng 5.2: Các quỹ đầu tư quốc gia lớn trên thế giới



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Tên quỹ	Quốc gia	Năm thành lập	Tổng tài sản (ước tính) (tỷ USD)
Cục Đầu tư Abu Dhabi	UAE	1976	875,0
Quỹ hưu trí chính phủ	Na Uy	1996	380,0
Tập đoàn đầu tư chính phủ	Singapore	1981	330,0
Các quỹ từ dầu mỏ	Saudi Arabia	Na	300,0
Quỹ bảo tồn cho thế hệ sau	Kuwait	1953	250,0
Tổng Công ty đầu tư Trung Quốc	Trung Quốc	2007	200,0
Tập đoàn Temasek	Singapore	1974	159,2
Quỹ bảo tồn Dầu lửa	Libya	2005	50,0
Cục Đầu tư Qatar	Qatar	2005	50,0
Fond de Resgulation des Recettes	Algeria	2000	42,6
Alaska Permanent Fund Corporation	Hoa Kỳ	1976	38,0
Cục Đầu tư Brunei	Brunei	1983	30,0
Khác			171,4
Tổng			2.876,2

Nguồn: Morgan Stanley (2008)

Do quy mô và tầm quan trọng ngày càng tăng lên, các SWF ngày càng có ảnh hưởng lớn trên thị trường mua bán, thu tóm doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp then chốt của các nước phát triển. Với lo ngại này, Liên minh châu Âu đang xem xét việ hạn chế các vụ thu tóm của nước ngoài, Ủy ban Đầu tư nước ngoài Hoa Kỳ (CFIUS) cũng tiến hành những quan ngại tương tự⁵¹.

5. Tổng quan hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại châu Á – Thái Bình Dương các năm qua

Cùng với xu hướng chung trên thế giới, năm 2007 kỷ lục của hoạt động M&A tại vùng châu Á – Thái Bình Dương với khối lượng lên tới 883 tỷ USD (chưa bao gồm các vụ thực hiện nội vùng), cao hơn 69% so với mức 524 tỷ USD của năm trước đó (cũng là một năm

⁵¹ Chẳng hạn, vụ tập đoàn dầu khí Trung Quốc CNOOC, với hỗ trợ của SWF dự định mua lại công ty dầu khí lớn thứ 9 của Mỹ là Unocal vào năm 2005 đã làm dấy lên những quan ngại về an ninh kinh tế và năng lượng và phải đưa lên Quốc hội Mỹ để giải quyết



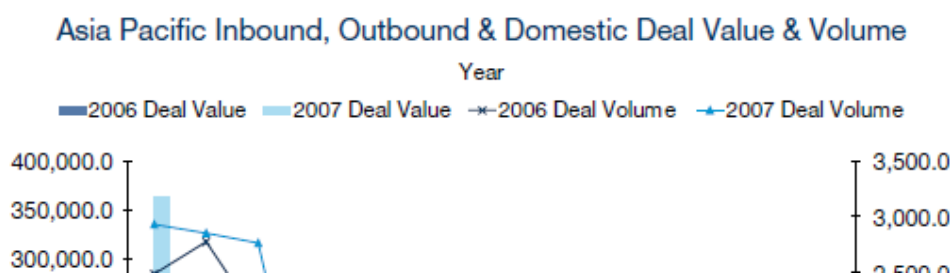
TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

kỷ lục). Sự phát triển này diễn ra trên một phạm vi rộng lớn, trong đó nổi bật là tại Australia, Singapore, Trung Quốc và Ấn Độ với mức tăng trên 80%. Indonesia và Việt Nam là 2 nước có khối lượng M&A tăng gấp đôi, dù vẫn còn ở mức thấp. Ngoại trừ Austrasia, Singapore và New Zealand có 65% số vụ là thực hiện ngoài lãnh thổ (outbound) (phần lớn vào Hoa Kỳ và châu Âu), hầu hết tại các nước khác là thực hiện trong nước hoặc đầu tư vào (inbound) (75%, năm 2006 là 80%).

Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu vẫn tiếp tục là các ngành dịch vụ tài chính, bất động sản, tiêu dung, năng lượng và tài nguyên – phản ánh mức độ ảnh hưởng đang gia tăng của tầng lớp trung lưu ở châu Á và quá trình đô thị hóa tổng lực, cũng như giá dầu và hàng hóa gia tăng.

Mặc dù là năm kỷ lục của giao dịch M&A, nhưng năm 2007 đã đi qua với những đám mây đen ở phía chân trời. Cuộc khủng hoảng cho vay nhà dưới chuẩn và các nỗi lo sợ khác đã làm cho thị trường chứng khoán có những tháng ngày biến động mạnh. Lạm phát xuất hiện ở hầu hết các nước châu Á – Thái Bình Dương và ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp dân cư thu nhập thấp, gia tăng khoảng cách giàu nghèo và thiếu các tấm đệm an sinh xã hội. Nền kinh tế Mỹ đang bước vào giai đoạn suy thoái. Do là nước nhập khẩu nhiều hàng hóa châu Á nhất, nỗi lo sợ rằng sẽ có một giai đoạn lạm phát đi đôi với đình trệ tăng trưởng ở quy mô toàn cầu do nước Mỹ đem lại. Không một công ty hay quốc gia nào không bị ảnh hưởng khi khách hàng lớn nhất của họ bị thua lỗ. Cũng không ngạc nhiên khi hầu hết các chính phủ đều hạ thấp dự báo tăng trưởng trong năm 2008. Tác động của những đám mây đen này đối với M&A trong năm 2008 tùy thuộc vào việc nền kinh tế Mỹ sẽ suy thoái đến mức độ nào. Chắc chắn không thiếu các quỹ và các công ty dồi dào tiền mặt sẵn sàng thu tóm bất kỳ một cơ hội đầu tư nào trong giai đoạn suy thoái. Một cuộc suy thoái nhẹ, đi cùng với chính sách tiền tệ nới lỏng và điều chỉnh của thị trường chứng khoán, có thể thúc đẩy hoạt động M&A vì thực tế là làm giảm kỳ vọng giá trị trong khi không làm giảm nhu cầu đổi về vốn trong mọi cách hữu hình nào. Mặt khác, trong một cuộc suy thoái sâu và đau đớn, các cơ hội M&A đau buồn được bồi hoàn khó bù đắp được tổn thất của cầu về vốn tăng trưởng, là động lực của hầu hết các vụ M&A trong những năm vừa qua.

Hình 5.3: Giá trị và khối lượng giao dịch M&A tại châu Á – TBD 2006 – 2008





TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Nguồn: Asia Pacific M&A Bulletin Year End 2007 (PwC)

PHỤ LỤC 3. HỆ THỐNG THÔNG BÁO SÁP NHẬP CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI



TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO

Hệ thống thông báo sáp nhập chống độc quyền trên thế giới			
Hệ thống thông báo bắt buộc tiền sáp nhập		Hệ thống thông báo hậu sáp nhập	Hệ thống thông báo tự nguyện
Albania	Kenya	Argentina	Australia
Argentina	Latvia	Hy Lạp	Chile
Austria	Lithuania	Indonesia (đến 3/2000)	Bờ Biển Ngà
Azerbaijan	Macedonia	Nhật Bản	Ấn Độ
Belarus	Mexico	Hàn Quốc	New Zealand
Bỉ	Moldova	Liên bang Nga	Na Uy
Brazil	Hà Lan	Nam Phi	Panama
Bulgaria	Ba Lan	Tây Ban Nha	Vương quốc Anh
Canada	Bồ Đào Nha	Macedonia	Venezuela
Colombia	Rumania	Tunisia	
Croatia	Liên bang Nga		
Cyprus	Slovakia		
Đan Mạch	Slovenia		
Cộng hòa Czech	Nam Phi		
Liên minh châu Âu	Hàn Quốc		
Estonia	Thụy Điển		
Phần Lan	Thụy Sĩ		
Pháp	Đài Loan		
Đức	Thái Lan		
Hy Lạp	Tunisia		
Hungary	Thổ Nhĩ Kỳ		
Ireland	Ukraina		
Israel	Hoa Kỳ		
Italia	Uzbekistan		
Nhật Bản	Nam Tư		
Kazakhstan	Việt Nam		